

Nguyệt san



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP ■ GIÁO DỤC ■ VĂN HỌC PHẬT GIÁO ■ TIN TỨC PHẬT SỰ



Vu Lan Hiếu Hạnh

21

THÁNG 8.2013



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: **803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704, U.S.A.** — Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Trị sự: **ĐD. Thích Đồng Trực**
Thư ký: **ĐD. Thích Chúc Thiên**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ biên: **Vĩnh Hào**
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Vĩnh Hào**
Hình ảnh: **flickr.com**

LIÊN LẠC:

- Bài vở: baivochanhphap@gmail.com
- Quảng cáo/Phát hành:

(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai hữu duyên trong cả thế giới của trời và người. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.us

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ◆ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ◆ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ◆ **THÌNH NGUYỆN THƯ VỀ VIỆC BỒ ĐỀ ĐẠO TRẮNG BỊ ĐÁNH BOM** (Văn Phòng Điều Hợp GHPGVNTN Liên Châu), trang 8
- ◆ **CUỘC ĐỜI THANH THOÁT, NỘI LÒNG XA XỨ, THIÊN NHỆ VÀO ĐỜI** (thơ Thắng Hoan, ĐNT Tín Nghĩa, Kiều Mộng Hà), trang 9
- ◆ **HIẾU NHÌN TỪ NHỮNG BẢN KINH KHÁC NHAU** (Thích Nguyên Hiệp), tr. 10
- ◆ **NGÀY BA MẮT, MÙA AN CƯ** (thơ Diệu Đức), trang 12
- ◆ **Ý NGHĨA CÚNG DƯỜNG THẬP PHƯƠNG TĂNG** (ĐNT Tín Nghĩa), tr. 13
- ◆ **CÂU CHUYỆN TƯỢNG ĐÀI QUÁN THẾ ÂM** (Thích Đức Trí), trang 14
- ◆ **KHÓC CON** (thơ Tâm Tấn), trang 15
- ◆ **HÌNH ẢNH LỄ HỦY NHẬT ĐỆ NGŨ NIÊN ĐLHT THÍCH HUYỀN QUANG TẠI TV SƠN TÙNG** (Hộ Pháp), trang 16
- ◆ **CHA MẸ VÀ CON CÁI QUA CÁI NHÌN NHÂN DUYÊN** (Chân Hiền Tâm), tr. 18
- ◆ **DU TỪ** (thơ Hiền Nguyễn), trang 22
- ◆ **TRẢ ƠN ĐỦ CHO MẸ VÀ CHA** (Quảng Tánh), trang 23
- ◆ **THEO DẤU LẶNG NGHE ĐIẾP KHÚC DƯƠNG CẨM CỦA THẦY TUỆ SỸ** (Huỳnh Kim Quang), trang 24
- ◆ **ĐẠO HIẾU CỦA PHẬT VÀ CA DAO VIỆT NAM** (Tuệ Như), trang 26
- ◆ **GÁNH CHUỐI CHỢ LẠNG XA, VÀNG TRẮNG THU** (thơ Mặc Phương Tử), trang 28
- ◆ **TU SĨ VÀ LUẬT DI TRÚ TẠI HOA KỲ - Giải đáp thắc mắc tiếp theo** (Huỳnh Tấn Lê), trang 29
- ◆ **CẨM NGHĨ VỀ Ý NGHĨA VÔ THƯỜNG NHÂN MÙA VU LAN** (Hoang Phong), trang 30
- ◆ **CÓ NGHĨA CÓ NGHÌ - Phật Pháp thứ Năm** (Nhóm Áo Lam), trang 32
- ◆ **CHÙA Ở TRƯỜNG SA** (thơ Đào Văn Bình), trang 33
- ◆ **NGHĨ VỀ MẸ** (Võ Hồng), trang 34
- ◆ **CÂU CHUYỆN VỀ LÒNG BIẾT ƠN MẸ** (Tâm Minh Ngô Tăng Giao), tr. 37
- ◆ **NỤ HOA HIẾU HẠNH** (TN Chúc Hiếu), trang 38
- ◆ **NHỚ MÃI LỜI THẦY** (thơ Hàn Long Ân), trang 39
- ◆ **VU LAN – MÙA HIẾU HẠNH** (Phù Du Mây Trắng), trang 40
- ◆ **DIỆN THOẠI CÙNG CON, MUNG LUNG...** (thơ NT Khánh Minh), tr. 47
- ◆ **HỜI HAY ĐÁP ĐÚNG – song ngữ** (Thích Nguyên Tạng dịch), trang 48
- ◆ **NHÌN TRẮNG** (thơ Minh Lương), tr. 50
- ◆ **MẸ VÀ TIẾNG MƯA ĐÊM** (Lam Khê), trang 51
- ◆ **KHƯNG THAY ĐỔI TRONG CƠ THỂ KHI VỀ GIÀ** (Bs. Nguyễn Ý Đức), tr. 53
- ◆ **HƯƠNG QUỲNH QUYẾN RŨ** (thơ Tâm Thường Định), trang 55
- ◆ **LỜI CẢM TẠ CỦA BAN TỔ CHỨC LỄ TƯỢNG NIỆM 50 NĂM BT QUẢNG ĐỨC TỰ THIÊU**, trang 56
- ◆ **NẤU CHAY: TÀU HỮ KHO TƯƠNG** (Diệu An), trang 57
- ◆ **TƯỢNG NIỆM BỒ TÁT QUẢNG ĐỨC CÙNG TĂNG TÍN ĐỒ VỊ PHÁP VONG THÂN** (Vũ Anh), trang 58
- ◆ **ĐANG TÂM NGUYÊN RỪA THÁNH TĂNG...** (Tịnh Minh soạn dịch), tr. 61
- ◆ **THE STORY OF THERA JAMBUKA** (Daw Mía Tin), trang 63
- ◆ **VU LAN CẢM NIỆM** (Giác Minh), tr. 64
- ◆ **TRÁI TIM CỦA MẸ** (TN Trí Hải), tr. 65
- ◆ **HIẾU TỬ** (Tâm Không Vĩnh Hữu), trang 66
- ◆ **HƯƠNG THIÊN CỎ LÂM** (TN Giới Định), trang 68
- ◆ **HỦY NHẬT ĐỆ NGŨ NIÊN ĐLHT THÍCH HUYỀN QUANG...** (Thích Minh Tuệ), trang 70

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHAP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

Báo Chánh Pháp số 21, tháng 8 năm 2013, do Chùa Cổ Lâm (WA) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

NHÌN CHÚNG SANH VỚI LÒNG TỪ BI

Trong một đoạn diễn tả công hạnh của Bồ-tát Quán Thế Âm, phẩm Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa nói **“từ nhân thị chúng sanh,”** nghĩa là nhìn chúng sanh bằng đôi mắt từ bi. Thiền sư Nhất Hạnh dịch rất thơ, là “mắt thương nhìn cuộc đời.”

Nhìn ở đây là quán tưởng, là thể nhập, là “thấy” mình với chúng sanh, với cuộc đời, chỉ là một. Để có cái “nhìn” và “thấy” như thế ắt phải kinh qua một quá trình tu tập, thiền quán liên tục và sâu xa về lòng từ bi, về nhân duyên, về tánh không, về vô ngã... Không thực chứng các nguyên lý này, thật khó mà khởi được lòng thương và đức kham nhẫn đối với những con người xấu-ác, những chúng sanh vọng động, vô minh, ế độ, đầy dẫy trong cuộc đời.

Cụ thể hóa lòng từ bi và đức kham nhẫn này, kinh Phật dùng hình ảnh của bậc cha mẹ. Cha mẹ nhìn con cái thế nào thì Phật và bồ-tát nhìn chúng sanh, nhìn cuộc đời như thế ấy. Cái nhìn đầy thương yêu, không điều kiện.

Hơn 25 thế kỷ qua, người con Phật khắp các quốc gia, tùy theo mức độ nhận thức và thành quả tu tập của mình, đã biểu hiện lòng từ bi và đức kham nhẫn đối với cuộc đời và tha nhân, bao hàm những người hãm hại, đàn áp, tiêu diệt mình. Nhờ vậy, trong khi những người khác đạo say máu mủ ra những cuộc “thánh chiến” với gươm giáo ngày xưa; rồi những vụ ruồng bỏ, áp bức cải đạo, thủ tiêu và bỏ tù phật-tử vào thế kỷ trước; cho đến những vụ đánh bom khủng bố, phá hủy Phật tượng và thánh tích ngày nay, người con Phật vẫn giữ được mắt thương để nhìn cuộc đời. Người con Phật không có đạo quân chiến tranh, dù chiến tranh nhân danh bất cứ ý nghĩa, mục đích hay biểu tượng thần linh nào. Có chăng một tập thể hay tổ chức Phật giáo lớn mạnh, thì đó là tập thể của những người yêu chuộng hòa bình, có cùng mục đích duy nhất trong việc truyền đạo là mang lại hạnh phúc an vui cho con người và cuộc đời.

Bạo lực của thế gian có thể hủy diệt sinh mệnh người theo Phật, có thể san bằng những ngôi chùa và thiền viện, có thể phá sập các Phật tượng và những thánh tích xa xưa, nhưng không thể phá hủy được sự thật. Sự thật ấy là, có một đạo Phật hòa bình, có một đạo Phật từ bi, có những người phật-tử từ bi trên cuộc đời. Lòng từ bi ấy là vốn liếng, là nguồn cội sinh ra muôn vàn đức hạnh cao đẹp của nhân sinh trong mọi thời đại.

Nếu có thể làm được những cha mẹ tốt đối với con cái, hãy cố gắng bước xa hơn nữa: làm người con Phật đầy lòng từ bi và kham nhẫn, luôn thương yêu, tha thứ cuộc đời.

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

INDONESIA: Lễ hội Phật giáo tại Subaraya

Lễ hội Phật giáo diễn ra tại khu SSCC Supermall Ballroom ở Subaraya từ ngày 21 đến 30-6-2013. Đây là sự kiện được tổ chức 5 năm một lần.

Một dãy các phòng trưng bày, triển lãm, các quầy hàng và các phòng tương tác dành cho khách tham quan sẽ giới thiệu với công chúng về thế giới Phật giáo.

Đạo Phật là một tôn giáo thiểu số tại Indonesia nhưng vẫn duy trì một truyền thống được gìn giữ tốt đẹp. Đó là nhờ những nỗ lực của Thượng tọa Hải Đạo, một tăng sĩ có ảnh hưởng lớn, và của Trung tâm Giáo dục Phật giáo và Trường Metta của ông – vốn truyền bá giáo lý và tinh thần tử bi của vị tu sĩ Phật giáo này tại Indonesia.

(Buddhist Door - June 24, 2013)



Thượng tọa Hải Đạo và xá lợi của Đức Phật được trưng bày tại Lễ hội - Photos: BDI

MIỀN ĐIỆN: UNESCO công nhận bộ kinh khắc trên đá của Phật giáo Miến Điện là Di sản Tư liệu Thế giới

Ngày 19-6-2013, UNESCO đã thêm vào danh sách Di sản Tư liệu Thế giới của tổ chức này bộ kinh Maha Lawkamarazein của thành phố Mandalay, Miến Điện. Bộ kinh khắc trên đá này được xem là cuốn sách lớn nhất trên Trái đất.

Còn gọi là bản khắc Kuthodaw, bộ kinh gồm 729 phiến đá được xếp đặt tại chân đồi Mandalay bởi Vua Mindon (trị vì từ năm 1853 đến 1878).

Các phiến đá chứa toàn bộ kinh điển Phật giáo Nguyên thủy bằng tiếng Pali, được khắc vào năm 1868. Mỗi phiến đá được đặt trong một ngôi đền xây trong vùng lân cận của Chùa Kuthodaw.

(The Irrawaddy - June 24, 2013)



Một trong số 729 phiến đá khắc kinh tại Mandalay, Miến Điện - Photo: Facebook

HOA KỲ: Bích họa trên đường phố Austin của một tăng sĩ

Austin, Minnesota – Tu sĩ Phật giáo Boo Roth đang tạo cơ hội vẽ hội họa cho trẻ em thành phố Austin bằng cách vẽ tranh nhân vật Người Sắt của hãng Marvel Comics.

Boo Roth sẽ vẽ và tô khuôn nhân vật chuyển hóa này trên Đại lộ Tây bắc 4 vào các buổi chiều thứ Ba trong vài tuần tới, hướng đến Lễ hội Tác phẩm Nghệ thuật Đô thị Austin.

Ông nói, "Tôi là một tăng sĩ và đây là một việc chung. Nhiệm vụ của một tu sĩ là hồi đáp lại với cộng chúng'.

Roth sẽ sáng tác các bích họa về người chuyển hóa gồm một bên là Người Sắt, một bên là chữ "Love" nhiều màu sắc và một bên nữa là lá cờ Mỹ. Khi Roth hoàn thành các bích họa này, trẻ em và người lớn có thể vẽ thêm cảm xúc của chính họ về người chuyển hóa lên 2 bức bích họa quốc kỳ Mỹ và chữ "Love" nói trên.

(Big News Network - June 24, 2013)



Tu sĩ Phật giáo Boo Roth và một tác phẩm thiền định của ông - Photos: images.google.com



TÍCH LAN: Khánh thành các cơ sở giáo dục Phật giáo tại Anuradhapura và Kelattawa

Ngày 22-6-2013, Tổng thống Tích Lan Mahinda Rajapakse tuyên bố khánh thành tòa nhà 4 tầng gồm Khoa Giáo dục Phật giáo và ký túc xá Tỳ Kheo tại trường Đại học Phật giáo ở Anuradhapura, được xây với kinh phí 268 triệu ru-pi.

Cùng ngày, Tổng thống Mahinda Rajapakse cũng khánh thành Trung tâm Phật giáo Quốc tế Samadhi tại Kelattawa. Trung tâm bao gồm một đại điện, một trung tâm thiền định và một khu nghỉ ngơi dành cho Đại Tăng đoàn. Trung tâm giảng dạy miễn phí tiếng Anh và vi tính cho sinh viên trong khu vực. Thượng tọa Trưởng lão R. Gnanaseeha đã được bổ nhiệm làm Sư trưởng của Trung tâm Phật giáo này.

(Asian Mirror – June 25, 2013)



Trường Đại học Phật giáo Thanh Văn Tỳ Kheo tại Anuradhapura, Tích Lan Photo: Asian Mirror

MÃ LAI: Lễ Tụng niệm Phật Dược vương tại Cheras

TIN ẢNH: Mùa tụng niệm Phật Dược Vương diễn ra trong 7 ngày đã được tổ chức tại một ngôi chùa ở thành phố Cheras.



Nghi lễ dâng đèn để cầu cho bản thân cũng như thân nhân và bạn bè được ánh sáng hướng dẫn đi theo chánh đạo



Các bức vẽ sơn dầu ghi lời nguyện ước



Đại sư Ti Zheng đến từ Đài Loan đang xướng tên những người dự lễ và chúc họ có thể thực tâm làm theo giáo lý.



Hai cái chuông dùng trong mùa tụng niệm, để hướng dẫn về thời gian tụng kinh và cũng để triệu dẫn hương hồn người đã khuất



Mọi người đang chú tâm vào kinh kệ trong 7 ngày tụng niệm

(Buddhist Art News – June 28, 2013) Photos: Wilson Chin

TÂY TẠNG: Thung lũng Larung Gar, nơi tọa lạc một trong những Phật viện lớn nhất thế giới

Tại Hạt Serthar của Quận Garze, một thị trấn tạm thời đã

mọc lên quanh một tu viện Phật giáo. Khu dân cư vùng xa này trông như những chiếc hộp nhỏ trên sườn đồi, nằm sâu trong Thung lũng Larung Gar của vùng núi non nhấp nhô.



Hàng nghìn mái nhà bằng gỗ nơi đây đã tạo thành một trong những Phật viện lớn nhất thế giới.



Ở độ cao 12.500 feet, đây là nhà của hơn 40.000 tăng, ni và sinh viên tôn giáo.



Một số Tăng sĩ tụ tập bên ngoài khu dân cư Larung Gar, nơi tọa lạc của Phật viện Serthar.



Tăng sĩ Tây Tạng tập trung tại Phật viện khi có bài pháp giảng. Hàng trăm người đổ về đây để nghiên cứu Phật giáo Tây Tạng. Photos: The Daily Wire (Buddhist Art News-July 2, 2013)

THÁI LAN: Chùa Pho và Cung điện Hoàng gia đoạt giải thưởng du lịch

Trong số những điểm thu hút du lịch chính của Thái Lan, có 3 địa điểm đã giữ được vị trí top-ten dành cho giải thưởng Sự Lựa chọn Tư vấn Du lịch của Lữ khách năm 2013.

Về hạng mục phong cảnh, Chùa Pho xếp thứ 8 và Cung điện Hoàng gia xếp thứ 10 của top ten châu Á.

Chùa Pho ở Bangkok là ngôi chùa nổi tiếng với pho tượng Phật Nằm. Và Cung điện Hoàng gia là một tổ hợp các tòa nhà lịch sử, bao gồm Chùa Phật Ngọc, Bảo tàng Phật Ngọc và 3 hoàng cung.

Địa điểm thứ 3 được giải thưởng là Bảo tàng Đền Hỏa Ngọc, xếp thứ 10 trong hạng mục top ten các bảo tàng của châu Á.

(Tipitaka Network - July 3, 2013)



Tổng thống Hoa Kỳ Barack Obama viếng tượng Phật Nằm tại Chùa Pho ở Bangkok vào năm 2012. (Photo: Reuters)



Cung điện Hoàng gia, bao gồm chùa Phật Ngọc và Bảo tàng Phật Ngọc, luôn luôn là một điểm thu hút phải-thăm ở Bangkok. (Photo: Reuters)

INDONESIA: Đức quốc tài trợ 134.072 Euros giúp bảo tồn ngôi đền Phật giáo Borobudur

Chính phủ Đức đã tặng Indonesia để giúp bảo tồn cấu trúc của Đền Borobudur tại Trung Java. Không chỉ tài trợ, Đức còn gửi một nhóm chuyên gia bảo tồn đền để giúp cho việc bảo vệ ngôi đền Phật giáo lịch sử này.

Đền Borobudur đã bị tro núi lửa bao phủ sau vụ phun trào của Núi lửa Merapi vào năm 2010. Wiendu Nuryanti, Thứ trưởng Bộ giáo dục và Văn hóa Indonesia, cho biết chính phủ nước này sẽ tập trung vào việc nghiên cứu về bảo tồn công trình kiến trúc, bao gồm việc duy trì các tầng đá, hệ thống thoát nước và công trình kiến trúc khác.

Một nhóm các nhà bảo tồn của Đức sẽ cùng làm việc với Trung tâm Bảo tồn Borobudur trước khi nỗ lực cho việc bảo tồn. Các chuyên gia bảo tồn từ Ý và Nhật cũng sẽ tham gia vào việc thực hiện nghiên cứu này. (TEMPO.CO - July 4, 2013)



Công nhân đang bọc các bảo tháp của Borobudur để ngăn tro núi lửa bao phủ lên chúng
Photo: TEMPO/ Yudo

THÁI LAN: Diễn hành của Cuộc thi nền dành cho Mùa Chay Phật giáo

Pattaya, Thái Lan - Nền trang hoàng cho Mùa Chay Phật giáo sẽ được trưng bày đầy đủ khi học sinh mang chúng xuống Đường Bờ biển và giới thiệu chúng với các chùa trong khu vực vào ngày 18 và 19-7-2013.

Cuộc diễn hành sẽ bắt đầu lúc 1 giờ chiều ngày 18-7 tại Bãi biển Lễ hội Trung tâm Pattaya và chạy đến Đường Đi bộ.

Ngày hôm sau, nền dự thi sẽ được chấm điểm trên Đường Đi bộ, qua phần trình bày với các chùa của khu vực. Nền phải cao từ 1 đến 2 m, được chấm điểm trong 2 hạng mục: đẹp nhất và sáng tạo nhất. Các giải thưởng bằng tiền mặt cho mỗi nhóm thắng cuộc, từ giải ba đến giải

nhất, có giá từ 5.000 đến 10.000 baht.

(Pattaya Mail - July 4, 2013)



Trong cuộc diễn hành của năm ngoái, Trường Pattaya Số 1 đã đoạt giải nhất của hạng mục nền đẹp nhất

Photo: Vittaya Yoondorn

ẤN ĐỘ: Tấn công khủng bố tại Bồ đề Đạo tràng

Bihar, Ấn Độ - Chín vụ nổ nối tiếp nhau trong một cuộc tấn công khủng bố phối hợp đã làm rung chuyển khu chùa Đại Giác Ngộ ở Bồ đề Đạo tràng vào sáng sớm Chủ nhật 7-7-2013.

Các vụ nổ xảy ra từ 5:30 đến 5:58 sáng, do loại bom thô sơ có cường độ thấp nên không gây hư hại cho công trình kiến trúc. Có 2 nhà sư người Miến Điện và Tây Tạng bị thương trong vụ tấn công này.



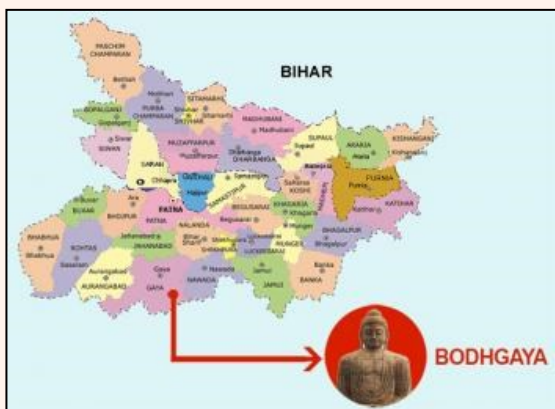
Cảnh sát có mặt tại khu Bồ đề Đạo tràng sau loạt nổ bom



Cửa sổ bị vỡ sau các vụ nổ tại khu chùa Bồ đề Đạo tràng



Những mảnh vỡ sau loạt nổ bom tại Bồ đề Đạo Tràng Cổng vào một Phật điện bị phá toang sau loạt vụ nổ



*Vị trí của Bồ đề Đạo tràng trên bản đồ bang Bihar, Ấn Độ
Photos : Hindustan Times
(Hindustan Times – July 7, 2013)*

MIỄN ĐIỆN: Chư tăng kêu gọi không làm tổn hại các tôn giáo khác

Hơn 150 nhà sư từ Liên giáo hội Mogok Vipassana đã tham dự buổi lễ họp bàn về việc bảo vệ dân tộc, tôn giáo và Tăng đoàn, được tổ chức tại trụ sở của họ ở Yangon vào ngày 10-7-2013.

Các vị đại sư của Liên giáo hội đã kêu gọi chư tăng phải giảng pháp phù hợp với giáo lý nhà Phật

và không được làm tổn hại đến các tôn giáo khác.

Thượng toạ Agga Nyana nói, "Chư tăng cần phải tôn quý dân tộc, tôn giáo và Tăng đoàn của chính chúng ta, và cần thuyết giảng cho mọi người tin tưởng rằng chúng ta không quấy rối người khác và không làm tổn thương các tôn giáo khác. Tất cả chúng ta cần tránh chủ nghĩa cực đoan và cần hành động cho phù hợp với giáo lý chân chính của Đức Phật".

(Elevenmyanmar – July 11, 2013)



*Chư tăng Miễn Điện tại lễ bảo vệ dân tộc, tôn giáo và Tăng đoàn -
Photo: Mahabodhi IP*



Bảo tháp Shanti tại Dhauli, bang Odisha - Photo: Wikipedia

ẤN ĐỘ: Yêu cầu tăng cường an ninh tại các địa điểm Phật giáo

Bhubaneswar, Odisha – Sau khi Bồ đề Đạo tràng ở Bihar bị đánh bom, ngày 10-7-2013 giáo hội Phật giáo Odisha đã yêu cầu thêm về bảo vệ an ninh và rào ngăn thích hợp tại tất cả các địa

điểm Phật giáo trong bang này.

Tại một cuộc họp cấp bang ở thủ phủ Bhubaneswar, giáo hội đã lưu ý rằng sau khi triển khai chỉ 2 hoặc 3 cảnh sát tại Dhauli, chính quyền bang lại tạm hài lòng rằng mình đã bố trí thỏa đáng về bảo vệ an ninh.

Giáo hội nói, "Đã từng xảy ra một số vụ xô xát của những kẻ chống xã hội, gây lo lắng cho du khách tại các đền thờ Phật giáo, nhưng tất cả lời khẩn cầu của chúng tôi đã không được hồi đáp".

(TNN – July 11, 2013)

PHÁP: Khánh thành ngôi chùa lớn nhất châu Âu do Phật Quang Sơn xây dựng

Ngôi chùa lớn nhất châu Âu đã được khánh thành vào ngày 7-7-2013 tại khu ngoại ô Bussy Saint Georges của Paris. Cơ sở chùa do Tu viện Phật Quang Sơn của Đài Loan xây dựng.

Sư trụ trì Hsin Pao của Phật Quang Sơn và khoảng 3.000 khách mời, bao gồm các vị đại diện tôn giáo, các chính trị gia và cư dân địa phương, đã tham dự lễ khánh thành này.

Man Chien, sư trụ trì của ngôi chùa mới, bày tỏ hy vọng rằng chùa sẽ phụng sự như là một chiếc cầu cho những giao lưu văn hóa giữa Đông và Tây phương, và sẽ truyền bá nhận thức về lối sống Phật giáo, phù hợp với các mục tiêu của Phật Quang Sơn.

(Focus Taiwan News Channel – July 11, 2013)



Một số tăng sĩ và khách mời tại lễ khánh thành ngôi chùa ở ngoại ô Paris - Photo: TV Phật Quang Sơn

HOA KỲ: Thành phố New York triển lãm các tác phẩm của Dashi Namdakov

New York – Câu lạc bộ Nghệ thuật Quốc gia tổ chức cuộc triển lãm lớn nhất tại Hoa Kỳ về các tác phẩm của Dashi Namdakov, bao gồm hơn 60 tác phẩm điêu khắc đồng, nghệ thuật đồ họa và đồ trang sức. Triển lãm kéo dài cho

đến 28-7-2013.

Dashi Namdakov là họa sĩ và điêu khắc gia nổi tiếng của nền nghệ thuật đương đại liên bang Nga. Sinh năm 1967 tại Trans-baikal (cộng hòa Buryat), giáp giới Nga và Mông Cổ, do đó các tác phẩm của ông cho thấy sự hòa trộn các truyền thống và kỹ thuật về nghệ thuật thị giác của Đông và Tây phương.

Lớn lên từ một nền văn hóa xen lẫn giữa Phật giáo và thần thoại về Shaman (pháp sư), Dashi lấy cảm hứng sáng tạo qua hình tượng các vị lạt ma Phật giáo và các đề tài, truyền thống của các dân tộc gốc Thổ ở Siberia, truyền thuyết và truyện về sử thi Buryat cũng như nghệ thuật Trung Hoa và Nhật Bản cổ xưa.

(barathron – July 12, 2013)

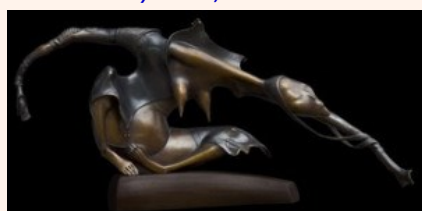


Dashi Namdakov

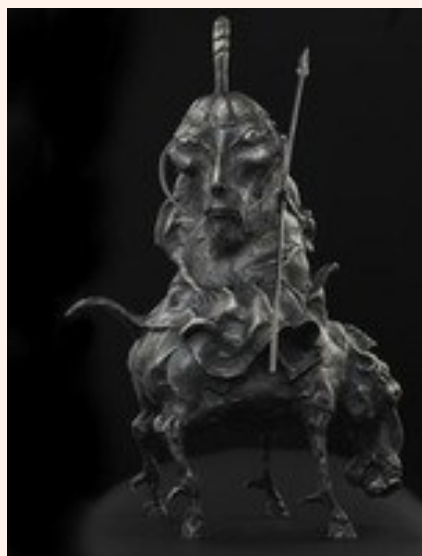
Một số tác phẩm của Dashi Namdakov



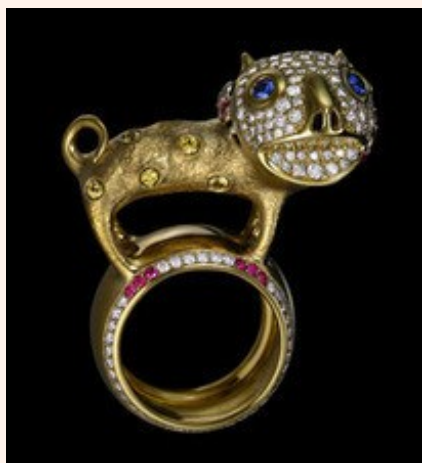
Kỳ hình, 2013



Buổi tối, 2000



Dân du mục, 2003



Sư tử, 2007



Bất diệt, 2004.

Pháp sư, 2004. -->

Photos: AbsoluteArts.com

NEPAL: Phát hiện di tích các ngôi đền thời tiền-A Dục Vương tại Lâm Tì Ni

KATHMANDU, Nepal – Theo UNESCO, các cuộc khai quật mới trong Đền Maya Devi ở Lâm Tì Ni cho thấy bằng chứng về một loạt đền thờ, giúp xác định lịch sử của địa điểm này có niên đại xưa hơn nhiều so với những gì được biết trước đây.

"Lần đầu tiên ở Nam Á, các cuộc khai quật đã phát hiện một ngôi đền thời tiền-A Dục Vương bằng gạch, mà bản thân nó được xây trên một ngôi đền bằng gỗ cổ xưa hơn", Giáo sư Robin Coningham của trường Đại học Durham tại Vương quốc Anh, là người đồng chỉ huy một nhóm chuyên gia người Nepal và quốc tế cùng làm việc với ban Kosh Prasad Acharya, đã phát biểu tại một cuộc họp báo tại Kathmandu vào ngày 7-7-2013.

Đền Maya Devi có Bia Đá và Tác phẩm Điêu khắc Đản Sinh, được tôn trí vào thời cổ đại để xác lập rằng Đức Phật đản sinh tại đây.

(barathron – July 13, 2013)



Đền Maya Devi và các phế tích khảo cổ học tại Lâm Tì Ni - Photo: The Himalayan Times



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT LIÊN CHÂU
VĂN PHÒNG ĐIỀU HỢP

615 North Gilber Road, Irving, TX 75061; Tel. 972-986-1019

THỈNH NGUYỆN THƯ
Về Việc Đại Thập Giác Ngộ Của Đức Phật Tại Ấn Độ Bị Đánh Bom

Kính gửi: Ngài Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc Ban Ki-moon,
 Đồng kính gửi: Bà Tổng Giám Đốc Tổ Chức UNESCO Irina Georgieva Bokova,

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính thưa Ông Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc Ban Ki-moon,

Kính thưa Bà Tổng Giám Đốc Tổ Chức UNESCO Irina Georgieva Bokova,

Tăng, Ni, và Phật Tử Việt Nam chúng tôi trên khắp thế giới bàng hoàng xúc động và đau buồn khi nhận được tin Đại Thập Giác Ngộ - nơi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni chứng thành đạo quả Bồ Đề - tại Bang Bihar, Ấn Độ, đã bị đánh bom vào sáng ngày 07 tháng 7 năm 2013, làm cho 2 vị Tăng Sĩ Tây Tạng và Miến Điện bị thương, và thiệt hại một số cơ sở vật chất.

Đối với hàng trăm triệu Tăng, Tín Đồ Phật giáo trên thế giới, Đại Thập Giác Ngộ là thánh địa thiêng liêng cao quý, vì nơi đây Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã thành tựu giác ngộ và giải thoát cứu cánh, để rồi sau đó đem giáo pháp từ bi và trí tuệ giáo hóa nhân quần xã hội. Trí tuệ giác ngộ và lòng từ bi của đức Phật đã là nguồn sống tâm linh cho hàng triệu người con Phật trên thế giới trải qua hơn hai mươi lăm thế kỷ nay. Chính trí tuệ giác ngộ và lòng từ bi của đức Phật đã góp phần rất lớn vào việc xoa dịu và chữa lành những vết thương chiến tranh, thù hận, và bạo lực cuồng tín trên thế giới. Đó chính là lý do tại sao vào năm 1999 Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc đã ra Nghị Quyết vinh danh đức Phật và tổ chức ngày lễ Vesak hàng năm tại trụ sở chính của Liên Hiệp Quốc. Đại Thập Giác Ngộ cũng đã được Tổ Chức Giáo Dục, Khoa Học, và Văn Hóa Liên Hiệp Quốc (UNESCO) công nhận là một trong những di sản văn hóa của nhân loại.

Ngày nay, nơi thánh địa thiêng liêng nhất của hàng trăm triệu người Phật tử trên thế giới, và cũng là di sản văn hóa của nhân loại đã bị đánh bom. Đây có thể nói là một tổn thất lớn lao của toàn thể nhân loại đối với biểu tượng tinh thần từ bi, hòa bình, và truyền thống văn hóa cao đẹp.

Vì lẽ đó, thay mặt cho Tăng, Ni và Cư Sĩ Phật Tử thuộc 4 Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Âu Châu, Úc Châu, Hoa Kỳ và Canada, chúng tôi nhất tâm kêu gọi Ông Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc và Bà Tổng Giám Đốc UNESCO can thiệp với chính phủ Ấn Độ để có biện pháp an ninh hữu hiệu hơn nhằm bảo vệ nơi di sản văn hóa quý giá này của nhân loại; đồng thời nên nghiêm trị, cải hóa và ngăn ngừa

những người mang dụng tâm xấu ác muốn biến thánh địa Từ Bi và Giác Ngộ của Phật giáo chìm ngập trong máu lửa bi thương.

Thành tâm kính chúc Ông Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc và Bà Tổng Giám Đốc UNESCO thân tâm an lạc để tiếp tục phục vụ cho nhân loại.

Thành kính thỉnh nguyện,
Phật Lịch 2557, Santa Ana, ngày 10 tháng 7 năm 2013

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Liên Châu
 Văn Phòng Điều Hợp
 Chánh Văn Phòng

Sa Môn Thích Tín Nghĩa

Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ

Sa Môn Thích Minh Tâm

Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu

Sa Môn Thích Như Huệ

Hội chủ Hội Đồng Điều Hành

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại
 tại Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan

Sa Môn Thích Bốn Đạt

Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại
 tại Canada

Nơi nhận:

- Văn Phòng Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc:
 Mr. Ban Ki-moon, The United Nations, 760 United Nations Plaza, Manhattan, NY 10017, USA

- Văn Phòng Chính UNESCO:
 Mrs. Irina Georgieva Bokova, 7, place de Fontenoy
 75352 Paris 07 SP France

CUỘC ĐỜI THANH THOÁT

(Đây là bài hát cổ nhạc theo điệu Bình Bán mà Thăng Hoan sáng tác để dâng lên linh hồn Cha Mẹ là những nhạc sĩ đương thời hầu ghi lại hình ảnh cuộc đời thanh thoát của hai người)

Tâm hồn ta rỗng rang
 Với cô Hằng soi khắp bốn phang
 Ngọn thanh phong phảng phất nhẹ nhàng
 Khiến lòng này thêm phân khởi hân hoan
 Cỏ cây ẩn hiện ngồn ngàng
 Cảnh trí xem muôn vàng tươi đẹp
 Cành tha thướt uốn mình theo gió
 Gục gặc đầu chào khách tiêu dao
 Tỉm tím hoa ửng lộn khoe màu
 Đều long lanh muôn vạn điểm sương
 Thỉnh thoảng bay ngào ngạt thời hương
 Mùi xông ướp đêm trường canh thâu
 Kể bên đé ngâm vọng trâm
 Văng vẳng nghe nhỏ to êm đêm
 Đạo quanh lân xa gần ngoạn cảnh
 Cô Hằng cùng ta thường cạnh bên nhau.

Từ xưa những bậc thanh cao
 Cũng cánh này nước này trời Nam
 Chấn công danh nhân ân lâm san
 Với gió trắng thi tửu cung đàn
 Giờ ta đây kính ghi đôi lời
 Cảm tình thường trăng kỷ niệm ngàn xưa
 Ngàn xưa rồi đến hôm nay
 Thời gian thay đổi đổi thay
 Cổ kim cách biệt, nhưng tinh thần như một
 Còn gió còn trăng vẫn vui thanh bạch
 cho đời an lạc.

THĂNG HOAN



thơ

NỖI LÒNG XA XỨ

Thuyền êm lướt sóng nước sông đầy,
 Lưng trời nhận trắng thẳng cánh bay,
 Cô thân chích ảnh nơi đất khách,
 Thủ phận an bần ở xứ người.
 Tìm bạn cố tri nào đâu thấy!
 Đôi mắt trông chờ chẳng có ai?
 Nỗi lòng xa xứ, ôm kỷ niệm.
 Đất khách quê người nói gì đây?

ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

Quý hạ Quý tỵ - July 10, 2013

THIÊN NHỆ VÀO ĐỜI

Theo mây
 Thiên nhẹ vào đời*
 Theo trăng thiên cổ
 Thiên ngôi trong trăng.

Theo sông
 Thiên thả bụi trần.
 Theo người
 Thiên xả nghiệp nhân luân hồi

Theo đời
 Thiên xóa lệ rơi
 Trong Mê có Ngộ
 Đời vui có Thiên.

KIỀU MỘNG HÀ

June-17-2013

* Tựa Thi phẩm.

HIỂU NHÌN TỪ NHỮNG BẢN KINH KHÁC NHAU

Thích Nguyên Hiệp

Hiếu là một đề tài khá quan trọng trong những thảo luận Phật giáo. Trong nhiều kinh sách Phật giáo, ta có thể tìm thấy những lời dạy liên quan đến chủ đề này. Và khi đọc vào những kinh sách đề cập đến hiếu hạnh, hay về những mối liên hệ giữa cha mẹ và con cái, từ cả hai nguồn Nam và Bắc truyền, ta có thể thấy hiếu được trình bày dưới những góc độ khác nhau.

Trong bài viết ngắn này, tôi mạo muội trình bày ba khía cạnh về hiếu khi đọc vào những bài kinh liên quan đến chủ đề này: 1. Hiếu là báo đáp công ơn; 2. Hiếu như một chuẩn tắc đạo đức xã hội; và 3. Hiếu như một phẩm hạnh cao tột.

Hiếu là báo đáp công ơn

Công ơn của mẹ cha được nói nhiều với những cách thức khác nhau. Kinh sách Phật giáo có nhiều lời tán dương về ân đức cao dày của mẹ cha, và cũng có những lời dạy về đạo làm con và về cách thức báo đáp ân đức đó.

Những bài kinh quen thuộc như kinh *Vu lan*, kinh *Báo ân cha mẹ* đã nói khá rõ về công ơn của cha mẹ, và cũng chỉ ra cách báo đáp công ơn đó như thế nào. Công ơn cha mẹ mà những bản kinh này nêu ra gồm có những điểm chính như: ăn mang nặng đẻ đau, ân khổ nhọc nuôi dưỡng, ân hy sinh cho con và luôn thương nhớ đến con... Ở một vài bản kinh khác, chúng ta cũng gặp những điểm tương tự. Ví dụ như kinh *Bốn sự* nói: "Cha mẹ đối với con cái ân đức cao nặng sâu dày; ân đức sản sanh từ tâm bú mớm, ân đức tắm giặt nuôi nấng trưởng thành, ân đức cung cấp các món cần dùng, ân đức chỉ dạy cách sống ở đời. Cha mẹ luôn luôn muốn con vui khỏe, được vui; không bao giờ thôi nhớ thương con, thương con như bóng theo hình." Một bài kinh khác đã ví công ơn cha mẹ như núi cao biển rộng, nói đến sự cao ngất

và bao la của ân đức đó: "Cha lành ân cao như non Thái/ Mẹ hiền ân sâu như biển cả/ Nếu ta ở đời trong một kiếp/ Nói ân mẹ hiền không thể hết." (Kinh *Tâm địa quán*).

Nhưng theo Phật giáo, chúng ta không chỉ mang ân cha mẹ trong một đời hiện tại, mà còn thọ ân mẹ cha trong vô lượng kiếp. Trong kinh *Phân biệt*, Đức Phật dạy rằng, sự giác ngộ của Ngài ở đời hiện tại có liên quan đến ân đức

của nhiều kiếp cha mẹ trong đời quá khứ: "Ta trải qua nhiều kiếp tinh tấn nay mới thành Phật, toàn là công ơn cha mẹ ta. Vậy nên, người muốn học đạo không thể không tinh tấn hiếu thảo với cha mẹ".

Và vì công ơn của cha mẹ cao dày như vậy, Đức Phật dạy người đệ tử phải hiếu thảo và có bốn phận phụng dưỡng cha mẹ: Hãy nuôi dưỡng mẹ cha; hợp pháp và đúng pháp" (Kinh *Tiểu bộ*, Kinh tập, chương 2, kệ 404). Và những ai nuôi dưỡng cha mẹ với đầy đủ lòng yêu thương và trách nhiệm sẽ được các bậc Hiền thánh tán dương khen ngợi, sau khi qua đời sẽ được sanh về thiên giới, hưởng được nhiều phúc lạc. (Xem thêm *Tương Ưng I*, Chương 7).

Tuy nhiên, nếu đền đáp công ơn cha mẹ theo thường tình thế gian, như chỉ biết chăm sóc phụng dưỡng, thì không bao giờ đền đáp đủ ân đức; và cho dù phải hy sinh bản thân vì cha vì mẹ đi nữa, cũng không thể đền đáp hết được ân đức đó: "Có hai hạng người, này các Tỷ kheo, ta nói không thể trả ơn được. Thế nào là hai? Mẹ và cha. Nếu một bên vai cõng mẹ, này các Tỷ kheo, nếu một bên vai cõng cha, làm vậy suốt trăm năm, cho đến trăm tuổi; nếu đâm bóp, thoa xức, tắm rửa, xoa gội, và dầu tại đây, mẹ cha có vài tiểu tiện đại tiện, như vậy, này các Tỷ kheo, cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ mẹ và cha." (Kinh *Tăng chi Bộ II*, phẩm IV). Và vì vậy, cách thức báo hiếu rốt ráo nhất có thể đền đáp được ân đức mẹ cha là: "Ai đối với cha mẹ không có lòng tin, khuyến khích, hướng dẫn an trú các vị ấy vào lòng tin; đối với mẹ cha theo ác giới, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào thiện giới; đối với mẹ cha xan tham, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào bố thí; đối với mẹ cha theo ác trí tuệ, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào trí tuệ. Cho đến như vậy, này các Tỷ kheo, là làm đủ và trả ơn đủ mẹ và cha." (Kinh *Tăng chi Bộ II*, phẩm IV).

Ở trên là một vài trích dẫn từ những bài kinh nói về ân đức cha mẹ; và đạo làm con nên đền đáp ân đức đó như thế nào. Ta có thể tìm thấy nhiều hơn những lời dạy tương tự như vậy trong những bản kinh khác. Và hiếu, khi được nhìn từ những trích dẫn ở trên, có thể tạm xem (hiếu) như là một bốn phận, là một sự đền đáp ân đức mà ta đã thọ nhận: bởi vì cha mẹ đã hy sinh vì con, nên con cái cần kính trọng và đền công ơn cha mẹ, bằng những phương thức khác nhau.

Hiếu như một chuẩn tắc đạo đức xã hội

Trong một vài bản kinh khác, hiếu không chỉ là một nếp sống giới hạn trong phạm vi gia đình, một sự đền đáp công ơn, mà còn được xem như một chuẩn mực đạo đức có sự tác động sâu xa vào sự ổn định xã hội. Gia đình, rõ ràng, góp một chức năng quan trọng trong việc duy trì sự ổn định chung của tổng thể xã hội. Một trong những chức năng chính của gia đình như được thấy là nơi nuôi dưỡng và giáo dục con trẻ; vì vậy, hơn bất kỳ nhóm xã hội nào khác, nó tạo nên một sự ảnh hưởng bền bỉ, mật thiết và sâu sắc vào thói quen, thái độ và kinh nghiệm xã hội của một đứa trẻ. Gia đình đóng vai trò then chốt



trong việc hình thành nên nhân cách một con người, hay nói cách khác là tiến trình xã hội hóa một con người được khởi đầu từ gia đình.

Một điểm quan trọng khác của gia đình là chức năng "tổ ấm" của nó, là nơi người ta nhận lấy và chia sẻ tình cảm yêu thương với những người thân; và hạnh phúc hay khổ đau mà những thành viên trong gia đình nhận được hẳn có sự tác động nhất định ra ngoài xã hội. Và thường là, khi một người không có tình thương đối với cha mẹ hay những người thân thì vị ấy khó có thể có tình thương và cảm thông đối với nhân quần; và khi một người không tốt được với những thành viên khác trong gia đình, vị ấy khó có thể tốt được với cộng đồng xã hội. Và vì vậy khi sự bất hiếu xảy ra trong gia đình, nguy cơ góp phần làm suy thoái đạo đức xã hội có thể xảy ra.

Ta có thể tìm thấy quan điểm này trong kinh *Chuyển luân thánh vương sutra* (Cakkavatti Sihanāda sutta, *Trường Bộ kinh*). Tuy bài kinh này không phải dành riêng để nói về gia đình hay những mối quan hệ giữa các thành viên trong đó, cũng không phải đề cập đến hiếu hạnh và những lời dạy liên quan, nhưng nguyên nhân đưa đến sự suy thoái xã hội mà bài kinh đưa ra bao hàm ý nghĩa nói trên.

Bài kinh này cho rằng, sự thiếu hiếu kính đối với cha mẹ là một trong những dấu hiệu của cõi đời suy vong, điều dẫn đến làm suy giảm tuổi thọ và những giá trị khác của loài người. Và khi tuổi thọ của loài người càng giảm thì sự bất hiếu càng tăng. Bài kinh xem hiếu thảo như là một khía cạnh, một chuẩn mực đạo đức trong các thiện pháp khác mà con người cần thực hành để làm hưng thịnh xã hội. Những thiện pháp khác mà bài kinh nhấn mạnh nhiều lần là: không lấy của không cho, không làm các tà hạnh, không nói dối, không nói hai lưỡi, không ác khẩu, không nói lời phù phiếm, từ bỏ tham, từ bỏ sân, từ bỏ tà kiến...

Nói chung, ở đây hiếu kính cha mẹ được xem như là một chuẩn mực sống căn bản có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống gia đình và rộng ra đến toàn xã hội. Tuy nhiên, một người con bất hiếu vẫn đề không phải quy hết trách nhiệm lên người con ấy, mà còn phải xét đến vai trò của những bậc cha mẹ và những người liên quan trong gia đình và cả tổng thể xã hội. Kinh *Chuyển luân thánh vương sutra* nói thêm rằng, dấu hiệu của suy thoái xã hội là khi những thành viên trong gia đình không còn nhận ra nhau và không còn giữ được vai trò của mình. Họ không còn biết kính trọng lẫn nhau, và gây nên những hành vi phi đạo đức.

Ở những bản kinh khác nhau, chúng ta có thể tìm thấy nhiều lời dạy về đạo làm con, ca ngợi về hạnh hiếu, bốn phận của người con đối với cha mẹ, và phước đức dành cho người có lòng thương yêu và phụng dưỡng mẹ cha. Tuy nhiên chúng ta ít thấy những lời kinh nói về trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái. Một trong ít bài kinh đặt ra vấn đề này là Kinh *Giáo thọ Thi-ca-la-việt* (Sigālovāda sutta,



Trường Bộ kinh). Kinh *Giáo thọ Thi-ca-la-việt* đề cập một cách cụ thể về những mối quan hệ hỗ tương giữa cha mẹ và con cái, và cũng chỉ ra bốn phận mà mỗi người cần thực hiện khi ở trong những mối quan hệ đó. Ở đây, kinh *Giáo thọ Thi-ca-la-việt* đặt những trách nhiệm và bốn phận cho các mối quan hệ một cách hài hòa, và khuyến mọi người nên thực hiện tốt vai trò của mình để tạo nên sự ổn định cho gia đình và xã hội, để có được sự an lạc trong đời sống.

Kinh *Giáo thọ Thi-ca-la-việt*

chỉ ra năm điều mà một người con cần có đối với cha mẹ: bốn phận đối với cha mẹ; gìn giữ gia đình và truyền thống; bảo vệ tài sản thừa tự; lo tang lễ khi cha mẹ qua đời. Và cũng có năm điều dành cho các bậc cha mẹ: ngăn chặn con làm điều ác; khuyến khích con làm điều thiện; dạy con nghề nghiệp, cưới vợ gả chồng xứng đáng cho con; và trao của thừa tự cho con vào một thời điểm thích hợp.

Kinh *Giáo thọ Thi-ca-la-việt* không phải là một bài kinh dành riêng để nói về bốn phận giữa cha mẹ và con cái. Bài kinh này xem mỗi quan hệ giữa cha mẹ và con cái là một trong sáu mối quan hệ căn bản ở xã hội thời bấy giờ. Và hạnh phúc, sự ổn định, thịnh vượng mà gia đình và xã hội có được chỉ khi những thành viên trong xã hội thực thi theo những quy chuẩn dành cho mình. Hiếu nghĩa với cha mẹ, thương yêu và giáo dưỡng con cái, do đó, được xem như là những yếu tố quan trọng trong việc hình thành nên những con người tốt góp phần đem lại phúc lạc cho bản thân và cuộc đời.

Hiếu như một phẩm hạnh cao tốt

Chúng ta hẳn đã quen thuộc với câu kinh "Tâm hiếu là tâm Phật, hạnh hiếu là hạnh Phật. Gặp thời không có Phật, phụng thờ cha mẹ chính là thờ Phật vậy" (kinh *Đại tập*). Với lời dạy này, Phật giáo đã xem việc thực hành hiếu hạnh mang một ý nghĩa rất cao: thờ cha mẹ như thờ Phật.

Quan điểm tương tự có thể tìm thấy trong kinh tạng Pāli. Trong *Tăng chi bộ kinh*, Đức Phật nói rằng một gia đình mà ở đó con cái hiếu nghĩa với cha mẹ thì gia đình đó được sánh bằng với Phạm thiên, hay sánh bằng với các bậc Đạo sư. Ta biết rằng Phạm thiên là vị thần tối cao trong Ấn giáo, và các bậc Đạo sư luận là những vị rất mực được kính trọng trong xã hội Ấn Độ cổ đại. Người có lòng hiếu thảo, như vậy, được xem là người đáng tôn kính nhất. Thờ cha mẹ như thờ Phật, thờ những bậc Đạo sư thì có lẽ chỉ có Phật giáo đặt ra. Chúng ta đọc một đoạn kinh để thấy rõ điều này: "Những gia đình nào, này các Tỷ kheo, trong ấy, các con cái kính lễ mẹ cha ở trong nhà, những gia đình ấy được chấp nhận ngang bằng với Phạm thiên. Những gia đình nào, này các Tỷ kheo, trong ấy, các con cái kính lễ mẹ cha ở trong nhà, những gia đình ấy được chấp nhận như các Đạo sư thời xưa. Những gia đình nào, này các Tỷ kheo, trong ấy, các con cái kính lễ mẹ cha ở trong nhà, những gia đình ấy được chấp nhận là đáng được cúng dường." (*Tăng chi Bộ III*, phẩm IV).

Bởi vì thờ cha mẹ giống như thờ các bậc Đạo sư,

thờ Phật, cho nên ai làm hại cha mẹ thì cũng giống như làm hại Phật, được xếp vào một trong năm loại "ngịch tội" (tội giết cha, tội giết mẹ, tội giết A-la-hán, tội làm chảy máu thân Phật, và tội phá hòa hợp Tăng). Và khi cha mẹ được xem như là "Phật trong nhà" thì việc "Phụng dưỡng mẹ và cha, là vận may tối thượng." (Mangalasuttam, Hạnh phúc Kinh).

Phật giáo Đại thừa đề cao hạnh nguyện Bồ tát và tình thương phổ quát. Việc thực hành con đường Bồ tát để đạt đến Phật quả không tách rời khỏi việc phụng sự chúng sinh. Một vị Bồ tát luôn thương yêu và làm lợi ích chúng sanh giống như thương yêu và làm lợi ích cha mẹ mình. Lý tưởng này có thể bắt gặp ở nhiều bản kinh Đại thừa, ví dụ như phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện của kinh *Hoa Nghiêm* ghi: "Bao nhiêu chúng sanh sai khác trong tất cả mười phương pháp giới, hư không giới... tôi đều tùy thuận tất cả mà thật hành vâng thờ, cúng dường, như kính cha mẹ, như thờ bậc thầy, chư A-la-hán, thậm chí giống như phụng thờ Đức Như Lai."

Hẳn nhiên đây là con đường tu tập của một vị Bồ tát lý tưởng, vị có trí tuệ Bát nhã, thấu triệt tánh không và có lòng từ bi bình đẳng. Và ở đây, hành giả không chỉ hiểu thảo với cha mẹ của mình, mà còn "hiếu" với tất cả chúng sanh. Hiếu ở đây như một thực hành tu tập vượt qua khỏi khái niệm hiếu hạnh thông thường của thế gian, tức vượt ra khỏi những giới hạn của phân biệt và chấp thủ, những điều được xem gây chướng ngại cho việc thực hành lòng từ bi phổ quát.

Phụng sự chúng sinh như cha mẹ, một mặt vì hạnh nguyện cao thượng của bậc Đại Bồ tát, luôn quán triệt tánh không và nhìn thấy cõi đời "bất nhị" dựa trên tinh thần "Phật và chúng sinh tâm vô sai biệt"; và mặt khác vì Phật giáo tin vào giáo lý luân hồi, xem mọi chúng sinh đều là cha mẹ hay người thân của mình: "Tất cả nam nhân là cha ta, tất cả nữ nhân là mẹ ta. Từ nhiều đời ta đều thác sinh nơi đó. Vì lẽ ấy nên chúng sinh trong lục đạo đều là cha mẹ ta" (Kinh *Phạm võng*, phẩm Bồ tát tâm địa). Xét ở khía cạnh đạo đức, niềm tin này giúp con người sống biết kính trọng và thương yêu người khác hơn.

Thực hành hiếu theo hạnh nguyện Bồ tát là đưa hạnh hiếu ra khỏi phạm vi gia đình để hòa nhập vào cộng đồng xã hội rộng lớn. Và nếu nhìn từ góc độ này, hạnh hiếu đã trở nên có vai trò quan trọng không chỉ trong phạm vi gia đình, mà còn ở phạm vi xã hội. Nhưng dù thực hành hiếu hạnh ở phạm vi nào, mục đích sau cùng của các bậc Bồ tát là giúp chúng sinh đạt đến sự an vui, giải thoát. Đó là tinh thần quan yếu của Phật giáo.



thơ



NGÀY BA MẮT

*Cuối tháng mười bầu trời không có nắng
Màn đêm về thấy vắng bóng hình Ba
Nước mắt rơi con đếm mấy tuần qua
Ngày Ba mất là ngày con buồn nhất
Mỗi chủ nhật chúng con thường cúng thất
Nguyện cầu Ba được thanh thân Niết Bàn
Con cũng nguyện cho Má được bình an
Để sống mãi với các con và cháu
Ngày Ba mất đó là ngày thứ sáu
Cả bầu trời như sụp đổ Ba ơi!
Tai muốn nghe Ba khuyên bảo vài lời
Nhưng Ba hồi lâu còn nghe được nữa
Con khóc ngất tim con như ngừng đập
Tiếng niệm Phật Di Đà làm tỉnh giấc
Thấy bàng hoàng Ba vĩnh viễn xa con.*

MÙA AN CƯ

*Bát Nhã mùa an cư kiết hạ,
Con ở nhà thông thả lo tu.
Mỗi đêm tụng niệm công phu,
Khai kinh Thủy Sám tiếp thu lời thầy.
Con đã tụng gần xong quyển thượng,
Ngày mai này tiếp nối quyển trung.
Mừng vì tu tập chuyện chung,
Mọi người Phật tử có cùng niềm tin.
Trọng kinh dạy nên chuyên sám hối,
Để dứt trừ ác nghiệp tạo ra.
Chúng sanh trong cõi ta bà,
Thương nhau ví cũng như là anh em.
Lỡ chân đạp ngày đêm vương tội,
Con xin nguyện sám hối từ đây.
Thấy lòng thanh thản nhẹ bay,
Không mang sầu khổ từ rày lạc an.
Rồi Bát Nhã đến ngày ra hạ,
Con cũng đà hoàn mãn quyển kinh.
Chúng ta đạo hữu thâm tình,
Cùng nhau về lại chùa mình mà tu.*

DIỆU ĐỨC

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Ý NGHĨA CÚNG DƯỜNG
THẬP PHƯƠNG TĂNG*Điều Ngự Tử TÍN NGHĨA*

Mỗi năm Giáo hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, đều có tổ chức An cư Kết hạ. Chư tôn đức trong Giáo hội thường quan tâm việc tu tập, giữ gìn giới luật cho nhau, nên thường tìm những nơi có thể dung chứa ít nhất 150 vị Tăng Ni trở lên. Đa phần là tổ chức tại miền Nam California, phần lớn là do Phật Học Viện Quốc Tế bảo trợ tất cả. Tính đến nay là đã 9 mùa An cư:

1. Mùa An cư Ất Dậu – 2005, Đạo tràng chùa Phật Đà, có 55 vị,
2. Mùa An cư Bính Tuất – 2006, Đạo tràng chùa Phật Tổ, có đến 150 vị,
3. Mùa An cư Đinh Hợi – 2007, Đạo tràng Phật Học Viện Quốc Tế, có đến 155 vị,
4. Mùa An cư Mậu tý – 2008, Đạo tràng chùa Phật Đà, có đến 200 vị,
5. Mùa An cư Kỷ Sửu – 2009, Đạo tràng Phật Học Viện Quốc Tế, có 68 vị Tỷ kheo, 64 vị Tỷ kheo ni, 4 vị Sa di, 6 vị Thức xoa và 12 vị Sa di ni. Tổng cộng là 158 vị.
6. Mùa An cư Canh dần – 2010, Đạo tràng Phật Học Viện Quốc Tế, có 175 vị tham dự,
7. Mùa An cư Tân mao – 2011, Đạo tràng Phật Học Viện Quốc Tế, có gần 205 vị ghi danh, nhưng tham dự chính là 185 vị.
8. Mùa An cư Nhâm thìn – 1012, Đạo tràng chùa Bát Nhã, có đến 210 vị tham dự chính thức.
9. Mùa An cư Quý tỵ - 2013, Đạo tràng Phật Học Viện Quốc Tế, khi ghi danh là 215 vị, nhưng thực sự tham dự chính thức chỉ có 175 vị.

Đó là những thành tựu khá đặc biệt của Đạo tràng An cư mà Giáo hội đứng ra đảm trách.

Mỗi mùa An cư đều có lễ Bồ tát, tụng giới, lễ Chúc tán và những buổi học cho cả hai chúng xuất gia và tại gia. Đặc biệt năm nay 2013, các bậc Trưởng thượng chỉ chứng minh, đa phần là Tăng Ni trẻ phụ trách về những đề tài trình bày cho Đại chúng đồng thảo luận.

Riêng những mục chuyên đề như hướng dẫn giới luật, ngày thọ An cư và ngày Tự tứ thì có chư Tôn đức niên cao, lập trường trình bày. Phần lớn là chuyên môn về Luật nên trưởng hạ cung thỉnh Hòa thượng Thích Thái Siêu hướng dẫn. Vì, Đạo tràng An cư phần nhiều là Tăng Ni trẻ mới hội nhập vào xứ cờ Hoa, nên cần phải được hướng dẫn tường tận.

Nhơn đây, chúng tôi cũng trích một phần lời dạy từ trong kinh Vu Lan Bồn, do Đại lão Hòa thượng Thích Trí Quang chú giải. Ngài hướng dẫn rằng:

Thập Phương Tăng, Thập Phương Chúng Tăng hay Thập Phương Đại Đức Chúng Tăng, ba từ ngữ này chỉ là một.

Bởi vì Tăng hay Tăng già, là dịch âm từ Phạn ngữ Sangha. Dịch ra là Chúng. Muốn được gọi là Chúng thì phải từ Bốn vị trở lên, có cuộc sống hòa hợp với nhau theo nguyên tắc của phép lục hòa; như vậy mới được gọi là Chúng hay Tăng. Tăng Chúng hay Chúng Tăng là được ghép từ Hoa-Phạn. Cho nên

danh từ Thập Phương Tăng là chư Tăng ở khắp mọi nơi. Khi tất cả những vị này đều tập hợp lại một chỗ,

trong một thời gian nào đó (như những lúc Chư tăng câu hội an cư ở một đạo tràng), thời gian dài ngắn, lâu mau hay vĩnh viễn, v.v... với số lượng từ bốn vị hay nhiều đến bao nhiêu, được gọi là Thập Phương Tăng, nghĩa là có khả năng đại diện Thập Phương Chúng Tăng.

Vì vậy việc cúng dường Thập Phương Tăng trong ngày Tự tứ cần sự đồng nhất, không có ý niệm riêng biệt, người thọ cũng không có niệm riêng biệt và sự quân phân cũng giống nhau. Đó là phổ đồng cúng dường.

Riêng về phần cúng dường Thập Phương Tăng trong những ngày mà không phải là Tự tứ thì y theo giới thứ 27 “Không được thọ thỉnh riêng biệt” và giới 28 “Không được thỉnh Tăng riêng biệt” của giới Bồ tát mà thi hành. Ở đây nhấn mạnh về Thỉnh và thọ thỉnh hay cúng và thọ cúng, không được riêng biệt mà phải tuần tự. Tuần tự Thập Phương Tăng đang trú xứ ở một nơi.

Ví dụ tại Trường hạ Phật Học Viện Quốc Tế năm 2013, hôm nay có tất cả là 175 vị, kể từ Trưởng lão Hòa thượng Thiền chủ đến vị Sa di ni.

Sau khi nhập hạ, đến ngày thứ ba tuần hạ sau đó, có một vị thí chủ xin cung thỉnh Mười lăm vị đến cúng dường qua một buổi lễ đặc biệt. Vị Thiền chủ cho Đại chúng rõ và cử đi từ vị thứ nhất, đến vị thứ 15. Thí chủ cũng tùy duyên như thế. Đến một ngày kế nào đó, có thí chủ khác đến xin thỉnh 30 vị, thì Đại chúng cũng cử đi từ vị thứ 16 cho đến vị thứ 43 (tức là 30 vị). Cứ tuần tự như thế, thì các vị lúc đi ít, lúc đi nhiều đều được đại diện Thập Phương Tăng. Còn thỉnh thỉnh thì không được gọi là đại diện Thập Phương Tăng. Tín chủ cứ thỉnh hết lớp này đến lớp khác. Nếu giáp vòng thì bắt đầu lại. Người thỉnh hay cúng theo thứ tự, là thỉnh hay cúng theo sự đề cử và chỉ định của Đại Chúng Tăng. Như vậy, người thỉnh hay cúng dù ít hay nhiều, có thể là Một hay mấy vị đi nữa, thì Một hay nhiều vị được cử đi đều đại diện cho Thập Phương Tăng mà thọ thỉnh hay thọ cúng. Mặc dầu những vị thọ thỉnh hay thọ cúng, nhìn vào tuy thấy ít, nhưng ý nghĩa rất sâu rộng là vị được thọ thỉnh hay thọ cúng cả Thập phương Tăng. Phước đức là cúng cả Thập phương Tăng vậy.

Ngược lại, thỉnh hay cúng và thọ thỉnh hay thọ cúng riêng biệt, dù là số lượng đông bao nhiêu chẳng nữa, cái tình cách đại diện Thập Phương Chúng Tăng như đã nói ở trên cũng mất đi, và đó là: “*Nề nếp của ngoại đạo, bày đức Phật không có quy chế ấy*” (Đó là cái quy chế có tính cách xả bỏ thiên vị mà bình đẳng quân phân và rộng lớn) nên gọi là phạm giới.

Tuy nhiên, sự thỉnh hay cúng và thọ thỉnh hay thọ cúng trong sự cúng dường cầu nguyện, ngoài trường hợp trên đây thì không kể, hoặc có nhiều tình tiết khác, ngoại lệ.

Liên quan đến việc thỉnh cúng hay thọ thỉnh và thọ cúng không được riêng biệt này, quý vị nên vào kinh Tăng Nhất A Hàm, thì rõ hơn khi đức Phật dạy cho Tôn giả La Vân ở trong Đại tập, 2, 791 và 792.



TIN TỨC SINH HOẠT

CÂU CHUYỆN
TƯỢNG ĐÀI QUÁN THẾ ÂM**Thích Đức Trí***(Viết cho dịp Lễ khánh thành ngày 7, 8, 9/06/2013
tại chùa Tam Bảo)*

Câu chuyện thể này, khoảng tháng 5 năm 2005 khi cố đại Lão Hòa Thượng Thích Mãn Giác về chùa Tam Bảo trong dịp lễ Phật đản. Một buổi khuya nọ, HT nằm trong phòng ngủ nghe đàn Ngỗng trời kêu ríu rít trong không gian vườn chùa. Sáng ra, Ngài bảo sao nghe tiếng ngỗng kêu nhiều quá, chúng vui mừng chẳng? Tôi trả lời vì sau vườn chùa có hồ nước rộng trên đất của người Ấn Độ nền đàn ngỗng thường về làm tổ và dạo chơi. Ngài dạy tôi nên mua thêm miếng đất đó để sau này xây tượng đài Quán Âm trong vườn chùa mới có ý nghĩa lớn. Tôi suy nghiệm việc này nên làm, sau ba tháng tôi vận động Phật tử mua được miếng đất 7 acres có hồ nước đỏ. Tiếp theo, cuối năm 2005 tôi hợp Phật tử đưa chương trình xây dựng tượng đài Quán Thế Âm, bà con ai cũng hoan hỉ đồng tình ủng hộ. Thế là chương trình gây quỹ để làm tượng bắt đầu.

Từ khi về đây chưa đầy một năm, cố HT Hội chủ Thích Mãn Giác về chứng minh hai cuộc lễ tại chùa Tam Bảo. Sau đó vài tháng tôi lên chùa Việt Nam, Los Angeles để thỉnh Hòa Thượng về chứng minh lễ đặt đá xây dựng tượng đài Quán thế âm vào ngày 5 tháng 11-2006. Lúc đó HT đang bệnh, có lẽ Ngài biết chắc không đi được, khi nằm trên giường nghe tôi trình bày Phật sự này, gương mặt Ngài hoan hỉ gật đầu và mỉm cười.

Thời gian sau khi Ngài viên tịch, lòng tôi cũng chơi vơi, tôi chỉ nhớ lời dạy đột sau cùng khi về chùa Tam Bảo chứng minh lễ Vu Lan năm 2005; khi ban đạo từ Ngài nhắc tôi rằng: Ở đây, sau này có chuyện vui buồn thì đừng nản lòng và nhớ hai câu thơ này:

"Ta từ sanh tử về chơi

Ngồi trên chóp đỉnh mỉm cười với trăng."

Đúng thiết, sau khi Ngài viên tịch tôi đã trải qua nhiều thử thách quá, đôi lúc thấy mệt mỏi sự đời, tôi nghiệm lại câu thơ Hòa Thượng và tự nhủ lòng mình, có lẽ Ngài

biết trước và dạy tôi chẳng? Mỗi lúc nghĩ như thế, tôi cảm nhận Hòa thượng như đang ở quanh đây, an ủi, dìu dắt tôi vượt qua mọi chướng ngại.

Trở về công tác dựng tượng, tôi cứ suy tư hoài, vườn rộng 17 acres, chùa mới chưa xây, dựng tượng chỗ nào cho phù hợp? tượng lớn hay nhỏ? tiền nhiều hay ít? Trong đầu tôi mỗi khi đi dạo quanh vườn chùa suy xét, có lúc tôi trèo lên trên nóc nhà để ngắm cảnh vật xung quanh để tìm vị trí dựng tượng; vì đất chùa Tam Bảo có thể đồi, hơi dốc, chỗ cao nhất so với chỗ thấp nhất trong một mảnh vườn chênh lệch từ 8-10 feet. Hơn nữa, vườn rộng nên nhìn bằng mắt thường không thấy đúng như khi kỹ sư xây dựng đo độ dốc của đất. Lúc đó tôi phải hình dung vị trí tổng thể chùa trong tương lai để dựng tượng, hoàn toàn không căn cứ trên mô hình cơ sở vật chất đã hiện có. Vì chùa lúc đó chỉ đang làm Conceptual Master site plan.

Điều kỳ lạ, trải qua hơn sáu tháng, chuẩn bị làm tượng bằng fiber glass cho nhẹ, dễ vận chuyển, vừa rẻ tiền. Qua nhiều bản thiết kế từ Việt Nam gửi qua, City hoàn toàn không chấp nhận, vì cấu trúc không đạt yêu cầu. Có lẽ vì vùng đất này hay bị Tornado (cuồng phong, trốt) nên họ duyệt rất nghiêm khắc. Qua nhiều lần mưa gió lớn, một năm thỉnh thoảng có vài ngày tuyết phủ quanh chùa. Tôi tự quyết với lòng mình, ở đây phải làm tượng bằng đá mới được lâu dài.

Cho đến ngày 25 tháng 3-2009 City chính thức cấp giấy phép xây dựng với bản thiết kế tượng đá như bây giờ. Vì tượng đá hoa cương nền nặng tới 210 tấn, tức trên 400.000 pounds không thể đưa qua Mỹ được. Tôi chọn số 49 feet là chiều cao, vì con số này thuộc pháp số có nhiều ý nghĩa trong lịch sử và triết học Phật Giáo. Và tôn tượng được ghép từ 12 khối đá tượng



trung cho 12 lời nguyện từ bi cứu khổ của Bồ Tát Quán Thế Âm. Đó là lý do chính yếu giúp tôi mạnh dạn hợp đồng tạc tượng. Do vậy, tôi tự nghĩ là bất kể tiền đủ hay thiếu, cứ theo ý nghĩa ấy mà làm từng bước một, không giới hạn thời gian. Bước thứ nhất tạc tượng, bước thứ hai làm đài để dựng tượng, bước thứ ba chuyển tượng, bước thứ tư dựng tượng và đánh bóng tượng, bước thứ năm làm sân và trang trí trụ đèn. Điều may mắn đối với tôi nữa, trong thời gian này, cũng nhờ Bồ Tát gia hộ, tôi được quý thầy ở tu viện Quảng Hương Già Lam và quý thầy thân quen giúp đỡ quá trình hợp đồng và tạc tượng, chỉnh sửa tượng.

Ngày 4 tháng 6 năm 2010 tượng mới đưa đến chùa Tam Bảo, trong giai đoạn này chùa không đủ tiền. Điều may mắn khác là được thầy Như Minh ở chùa Việt Nam Los Angeles và nhà văn Vĩnh Hào cùng Ni sư Diệu Tánh ở CA nhiệt tình khích lệ và vận động. Việc vận chuyển này có sự cúng dường với số tiền khá lớn của cô Quảng Nguyên tại CA. Đây là Phật tử đã cúng dường số tiền lớn nhất cho công trình này.

Ngày 16 tháng 7 năm 2010 tượng đã được dựng lên tại chùa Tam Bảo, trải qua bảy ngày mới dựng và ghép xong 12 đốt tượng Quán Thế Âm. Năm đó trời rất nắng, khá lâu ngày đã không có mưa, điều ấn tượng trong tâm thức làm tôi khó quên vì có cảm giác một sức mạnh tinh thần kỳ lạ vào chiều và tối hôm dựng tượng xong. Như thế này, qua một tuần làm việc với công ty xe cầu lớn gồm 5 người Mỹ và công Ty xây dựng từ Dallas về khoảng 6 công nhân chuyên làm bê tông. Khi đổ đầu

của tượng Quán Âm, tức đốt thứ mười hai dựng lên xong, công nhân xây dựng vừa ra khỏi chùa, gió mát thổi mây về, một trận mưa đổ xuống trong vòng một tiếng đồng hồ. Tất cả dấu hồ và bụi đất trên thân tượng sạch trướng. Đến lúc 8 giờ tối, trăng lại lên, cảnh trời mây dịu dàng, không gian như dâng lên một sức mạnh của sự bình yên khó tả. Tất cả cảm giác ấy, tôi không diễn tả hết, trong lòng lúc ấy khởi lên ý nghĩa câu niệm: "Nam Mô Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát". Với tôi, đó là câu chân ngôn có sức mạnh vô song mà tôi đã trải nghiệm và vượt qua nhiều nguy hiểm trong đời sống mấy chục năm qua cho đến hôm nay; thiết nghĩ, nó có giá trị cho đến mãi mãi về sau.

Năm nay, Đại Lễ Khánh Thành Quán Âm Phật Đài tại chùa Tam Bảo tổ chức vào ngày 7, 8, 9 tháng 6 năm 2013 thì công trình này mới gọi là hoàn thành viên mãn. Chương trình khánh thành tượng đài Quán Thế Âm rất phong phú, số đông Tăng Ni về chứng minh và thực hiện các pháp sự tri ân và báo ân Bồ Tát. Ngoài ra có chương trình đại nhạc hội cúng dường đại lễ khánh thành, mục đích phổ biến rộng rãi đến mọi Phật tử đã nhiệt tâm cúng dường tịnh tài xây dựng. Hơn thế nữa, đây là cơ hội cho người có duyên lành về dự lễ và chiêm ngưỡng, cầu nguyện để gieo duyên lành với Bồ tát Quán thế Âm, xây dựng đời sống an lành trong cuộc đời, gieo duyên với Tam Bảo.

Người xuất gia không phải chỉ mục đích xây chùa to Phật lớn, bốn đạo tín đồ đông, nhưng với tôi tượng đài Quán Âm Bồ Tát có nhiều ý nghĩa khác trong đó. Vì sức mạnh đưa đến hạnh phúc cho nhân loại là giá trị niềm tin của Tình Thương chân thật và Trí Tuệ cứu khổ ban vui trong đời. Giá trị ấy có trong hình ảnh Bồ Tát Quán Âm. Tượng đài này có thể tồn tại vài trăm năm trên xứ sở Hoa Kỳ, nếu xem đó là công trình văn hóa thì văn hóa ấy là thông điệp đạo đức Phật giáo trong đời. Đó cũng là tâm nguyện của chư Tăng và Phật tử chùa Tam Bảo đã phát tâm kiến tạo tượng đài Quán Thế Âm Bồ Tát.

Chùa Tam Bảo, Tulsa, OK, Hoa Kỳ
Tỳ kheo Thích Đức Trí
kính bút

Khóc Con

(Viết tặng hương hồn con, Vĩnh Đức)

thơ TÂM TÂN



Xác con làm thơm Đất Nước
Hồn con làm ngát gió mây
Hình hài môi thắm má hồng
Mưa run ai ấp, nắng gầy ai che?
Nhớ thương lòng Mẹ tái tê
Ngày nào đất thả con về, con ơi!
Mơ áo mãi giọng cười nét khóc
Dáng Kim-đồng sắc ngọc thơm bông.
Kiêu kiêu mẹ nhận kỳ công:
Ngàn hương từ-quý do lòng sinh hoa.
Môi son núc giọt ngà âm âm,
Mắt nhìn Mẹ thăm thẳm nguồn thương
Ai giao rót huyết pha xương
Con là tất cả phi thường, con ơi!
Phút con biết sắp rời xa mẹ
Mắt đầm nhìn trào lệ đau thương.
Oằn trên tay Mẹ phần xương,
Phần hồn lẫn với nguồn thương, biến rồi!
Ai nỡ cướp con tôi măng sữa,
Chôn vùi sâu, cách cửa âm dương!
Nơi đây hơi Mẹ ấm giường,
Sao con nằm chốn gió sương mưa dầm?
Dưới huyết trùng, nắng hằm thiêu đốt
Héo thân con, đau buốt lòng Mẹ!
Mưa Đông rồi tiếp nắng Hè
Đất vun cỏ đắp khôn che âm tình
Này, Mẹ giữ áo xinh mấy chiếc
Áp bên lòng thắm thiết hương son.
Đêm đêm hư ảnh chập chờn
Tay ôm siết áo, tưởng con nằm kề!
Tâm cuồng loạn, mê mê tỉnh tỉnh
Con tôi đâu? Ai phỉnh đi rồi!
Cửa Âm mở rộng cho tôi
Nhìn con khoảnh khắc mỉm cười trong mơ!
Con, con hồi! tóc tơ mấy sợi
Còn vương theo mũ gối con đây!
Hình hài môi thắm má hồng,
Nhớ cười chim hót, nhớ say hương nồng?

Gió nước biển... băng khuâng trầm ngát
Đất lửa tan... man mác hương thơm
Đêm đêm hư ảo chập chờn
Lòng rưng rưng khóc vọng hồn con thơ!

**LỄ HÚY NHẬT ĐỆ NGŨ NIÊN ĐLHT. THÍCH HUYỀN QUANG —
CHUNG THẤT ĐLHT THÍCH NGUYỄN LAI TẠI TV SƠN TÙNG, NGÀY 29.6.2013**



Photos: Hophap.net

**LỄ HÚY NHẬT ĐỆ NGŨ NIÊN ĐLHT. THÍCH HUYỀN QUANG —
CHUNG THẤT ĐLHT THÍCH NGUYỄN LAI TẠI TV SƠN TÙNG, NGÀY 29.6.2013**



Photos: Hophap.net

CHA MẸ VÀ CON CÁI QUA CÁI NHÌN NHÂN DUYÊN

Chân Hiền Tâm

Xưa ở Nhật Bản, có một người tên Kisuke chăm sóc cha mẹ rất kính cẩn. Anh thường bị bạn bè lôi vào chốn trà đình tửu quán, nhưng anh cương quyết từ chối với một lý do rất thú vị: "Một đứa con có được thân thể là nhờ mẹ và tinh thần là nhờ cha. Vì thế không thể dẫn cha mẹ đi uống rượu".[1] Thời nay ít ai lập luận như thế khi bị cuốn vào những trò đen đỏ, rượu chè. Có người còn cho lòng trung tín và kính cẩn đối với cha mẹ là lạc hậu. Có người, vì cờ bạc rượu chè đã giết cả cha lẫn mẹ. Đứng trên mặt giáo dục mà nói, đó là sự suy đồi về đạo đức. Việc giáo dục đạo đức cho con trẻ ngay từ khi còn bé đã không được chú trọng đúng mức. Đứng trên mặt Duyên khởi mà nhìn, mọi hiện tượng đều không ra ngoài nhân duyên. Song hiện nay, ít ai tin vào nhân quả. Càng không thấy được mặt nhân duyên của các pháp...

Công ơn như trời biển

Với cái nhìn của đức Phật, ân đức của cha mẹ rất lớn. Kinh Báo Ân nói: *"Này thiện nam tử! Cha có từ ân. Mẹ có bi ân. Bi ân của mẹ dù nói một kiếp cũng không thể hết. Ta nay vì ông chỉ nói ít phần. Giả như có người vì cầu phước đức, lấy chiên đàn trăm hương dựng lập phòng xá, dùng các bửu trang nghiêm v.v... cung kính cúng dường cho một trăm đại Bà la môn tu tịnh hạnh, một trăm đại thần tiên có thần thông, một trăm thiện hữu v.v... nhất tâm cúng dường như thế mãi đến ngàn kiếp, không bằng một niệm trụ tâm hiếu thuận, dùng chút sắc vật cúng dường bi mẫu, tùy thời cung phụng hầu hạ. Công đức trước, dù có trăm ngàn vạn phần cũng không sánh được... cho nên các ông cần tăng tu hành hiếu dưỡng. Phước đức đó không khác người cúng dường Phật".* Cúng dường hàng trăm, hàng ngàn các vị có giới đức thần thông trong ngàn kiếp không bằng một niệm hiếu thuận, phụng dưỡng cha mẹ.

Nhân duyên có công đức lớn

Ân đức đầu tiên, là nhờ cái duyên cha mẹ ta mới có thân. Kể là *"Cha mẹ nghĩ tưởng đến con không gì sánh được. Từ lúc thọ thai cho đến khi sinh, chịu nhiều khổ não không thể nào nói. Dù được bao thứ dục lạc, y phục, đồ ăn v.v... cũng đều một lòng nghĩ tưởng đến con. Khi còn trong thai, mẫu mẹ nuôi dưỡng các căn. Khi ra khỏi thai sữa mẹ nuôi dưỡng trăm ngàn vạn đầu..."*. [2] Phật nói tóm lược. Mình mổ xẻ ra mới thấy công cha nghĩa mẹ đông

mãi không đầy.

Đa phần con trẻ đều là hy vọng hạnh phúc của đấng sinh thành. Không thể tránh được lo lắng, đùm bọc, yêu thương. Chín tháng cưu mang nặng nhọc nồn ọe, có khi đau nhức khắp người. Tiết chế ăn uống, sinh hoạt v.v... những gì dù thứ mình thích nhưng hại cho con đều tự hạn chế. Sinh nở ít người không đau. *"Khổ nạn trong đời không phải là ít, nhưng lần duy nhất tôi thấy kiếp người khổ nạn là khi sinh con đau lòng. Đau đớn cùng cực. Nhưng không một niệm oán trách mới lạ"*. [3] Con vui thì

cha mẹ vui. Con đau, cha mẹ cũng đau. Tinh thần cho đến vật chất, cố gắng lo toan cho con đầy đủ. Gạo tiền cơm áo khi đau, khi ốm, khi ăn, khi học... khổ nhọc bao nhiêu cũng gắng cho tròn. Mười mấy năm trời lo toan mọi thứ không hề tính kể.

Con cái lớn rồi, đời sống con trẻ không yên, lòng cũng không yên. Ngay cả chết rồi, cũng vẫn theo đó không rời. *"Cha mất khi tôi mười hai. Nhưng đến năm bảy, ngày tôi bỏ hết chuyện đời chuyển tâm cho việc tu hành một năm, ông mới báo mộng mình đi đầu thai, nét mặt chưa hết lo lắng. Trước đó, cái khoảng mấy chục năm trước, mỗi lần sắp có nạn tai, tôi đều thấy ông như một điềm báo để mà chuẩn bị..."*. Cái tình

cha mẹ đối với con cái không thể nói hết. Thiên chức cha mẹ hình như vốn vậy. Không phải chỉ có con người, con vật yêu con không kém. Khi cần cũng dám liều thân. Ngày xưa ở nước Căng-già, có người phụ nữ ôm con lội sông. Nước lớn, ôm con không thể qua được, nhưng quyết không bỏ con trẻ mà sống cho mình. Cả hai cùng chết. Vì công đức đó bà sinh lên trời. [4]

Lo toan, khổ nhọc, thương yêu, hy sinh, giáo dưỡng nên đức sinh thành trưởng dưỡng con cái rất là lớn lao. Dù công trưởng dưỡng không có thì công mang nặng đẻ đau cũng nặng hai vai. Phật khuyên phải gánh cho tròn. Phật nói gánh được thì phước ngang bằng phước cúng dường Phật.

Nhân duyên của những trái nghịch

Sự đời không phải khi nào cũng thuận.

Là do cái thế đối đãi ở thế giới này. Thế nào cũng có ít nhiều những cái nghịch lòng xảy ra khi đã thấy cái thuận lòng. Chỉ là thiếu duyên thì ẩn. Đủ duyên thì hiện. Không phải mẹ nào cũng đều hy sinh mọi thứ cho con. Không phải cha nào cũng biết lo toan đầy đủ. Có mẹ bỏ con cho kiến dập vùi. Có cha đánh con đến nổi thương vong. Con trẻ, không phải



ai cũng hiểu thuận, vẫn thấy có người đứng vững với những lo toan vất vả của đấng sinh thành. Đứa thì thuận thảo. Đứa chưa mở miệng đã thấy nhăn nhó... Mọi thứ đều có nhân duyên. Đều do nghiệp lực[5] thiện ác mình đã gây tạo trong đời. Hoặc tôi lỡ gieo cái nhân không tốt với bạn một kiếp nào đó. Kiếp này đủ duyên chúng ta trở thành mẹ con, nhưng thuận thì ít mà nghịch thì nhiều. Hoặc với cha mẹ, tôi không lo toan đầy đủ, lại hay trái nghịch lời cha mẹ dạy nên rồi chiêu cảm cái quả con cái trái nghịch. Hoặc trong hiện tại, tôi không làm tròn những gì mà bậc cha mẹ đã làm, khiến phần công đức cha mẹ vốn có không đủ để được hiểu thuận v.v... Có vô số duyên không tốt làm nhân để cho cái quả nghịch lòng xảy ra. Tùy nhân tùy duyên mà thuận và nghịch đan xen nặng nhẹ. Không có thương yêu đùm bọc mà vẫn hiểu thuận. Hoặc có thương yêu đùm bọc mà không hiểu thuận. Hoặc không hiểu thuận cũng không có sự đùm bọc thương yêu v.v...

Tâm tịnh thì cõi Phật tịnh

Do nhân bất thiện quá khứ đủ duyên mà có cái quả nghịch lòng hiện tại.[6] Nhưng ngay hiện tại, nếu ta hiểu về nhân quả, tỉnh giác làm chủ thân, khẩu, ý nghiệp của mình, thì chuyển được nghiệp của mình và con, của cha và mẹ. Chính vì chỗ này, Phật dạy phật tử tu hành, biết nhân biết quả để mà định tỉnh. Cái định tỉnh này rất là quan trọng. Nó là cái nhân giúp ta không bị cuốn vào dòng xoay thương ghét. Nhờ đó mới thay đổi được những gì cần phải thay đổi.

Xét theo âm đức sinh thành dưỡng dục, nhân duyên rất lành, đương nhiên con trẻ phải có hiểu thuận, nhưng mà con trẻ trái nghịch, thì biết là do cái nhân không thuận mình đã tạo ra với chúng. Hoặc do tâm hạnh của mình có chỗ thiếu sót với người, không ở kiếp này thì những kiếp trước mà ra như thế. Thể giới nhân duyên, không thể có quả mà không có nhân. Phải thấy cho được lỗi mình nằm ở chỗ nào. Đối với cha mẹ bà con quyến thuộc bạn bè hàng xóm xã hội, mình có bạc ác chơi ngang? Nếu không, thì với con trẻ mình lo chưa tròn, tình thương không đủ để chúng cảm nhận? Hay lo quá đà, cái gì cũng muốn chúng theo ý mình, khiến chúng phát điên? Xét hết kiếp này mà thấy mọi thứ mình đã vuông tròn không lỗi thì do cái nhân ở kiếp quá khứ. Cái kiếp mà với nghiệp thức của mình hiện nay, chưa thể thấu được, chỉ biết dựa vào kinh luận tin hiểu.

Quan trọng là cần thấy đúng cái nhân để mà sửa trị. Phải diệt đúng nhân thì quả mới tiêu. Nếu lỗi hiện tại không thấy, cứ đổ cho nhân kiếp trước, không chịu sửa đổi cái nhân hiện tại thì nghiệp không tiêu. Giả như hiện đời mình dạy con trẻ tham tiền vợ vét của người bất kể thủ đoạn. Một ngày đẹp trời nào đó, nó hốt cái nhà cho mình ra đường... Thì phải thấy rằng, là do cái nhân dạy con của mình không đúng. Phải thấy cái nhân gây ra cái quả, thành tâm sám hối không làm thế nữa. Giữ tâm cho thiện, tụng kinh, niệm Phật, ngồi thiền, công quả cúng dường Tam bảo, làm phước giúp đỡ mọi người v.v... làm được thứ gì đó làm, mang công đức đó hồi hướng cho mình cho con cùng với tất cả chúng sinh cộng nghiệp sống thiện làm thiện, để được quả báo an lành. Làm vậy thì chuyển được nghiệp. Chấm dứt hiện tại đau khổ. Không để thông lòng khổ nạn vào những kiếp sau.

Nếu không thấy được lỗi mình, một mực kêu



trời kêu đất, không thì đổ cho cái nhân kiếp trước rồi ì ra đó không chịu sám hối, thay đổi ý tưởng hành vi của mình thì trước ba ba sau vẫn ba ba. Nếu còn khởi lên cái niệm ai oán phát lời nguyên rủa thì con sẽ đọa. *"Nếu nam nữ nào bội ân không thuận, khiến cho cha mẹ sinh niệm ai oán, mẹ phát lời ác, con liền theo đó mà đọa. Có khi rơi vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh"*. [7] Cũng là chuyển nghiệp, mà chuyển vào chỗ tối hơn. Con đọa, mình đâu được yên. Khổ lại chồng khổ, kéo dài. Cho nên, Phật dạy cần phải thường xuyên quán tâm, hiểu biết nhân quả. Quán tâm để kịp tỉnh giác khi niệm ai oán muốn phiền xuất hiện. Có vậy mới dừng được dòng nghiệp lực. Không thì cứ theo cái niệm tức giận mà phát lời ác. Cái vòng oan nghiệt mình đã tạo ra tiếp tục xoay vần.

Về phần con trẻ, vài chục năm trước, cái nhìn của tôi với việc hiểu hạnh rất ư sòng phẳng giữa nhân và quả. Cha mẹ không có trách nhiệm với con thì nó ăn ở bất nhân là chuyện thường tình, không có tội lỗi, cũng thấy đáng đời.[8] Bây giờ...

Không phải vì tôi đứng ở vị trí làm mẹ cần sự hiểu thuận của con mà nghĩ khác đi. Chỉ vì cuộc đời trải nghiệm qua nhiều. Đã như thật biết thế nào là "Khổ", là "Tập", là "Diệt", là "Đạo". Cái nhìn không còn như xưa. Cái nhìn mang tính nhân quả bây giờ không có cái tâm sòng phẳng sát phạt nghiêng về một bên. Một sự thương cảm nhiều hơn. Về cả hai phía. Bởi vì quả chính là nhân, đủ duyên sinh ra quả khác. Quả khác làm nhân, đủ duyên sinh ra quả nữa. Cứ thế xoay vần. "Tôi nhận ra rằng: Với nó, tôi dễ nổi giận hơn với đứa khác, dù việc nó làm không phải khi nào cũng sai. Trong khi con em, dù bực, tính mắng một trận nhưng thấy mặt rồi, mọi thứ nguôi ngoai. Thiên hạ nói tôi và nó khắc nhau. Cũng vì những nổi giận ấy, tình thương nó dành cho tôi với đi. Tôi biết có lúc nó đã oán tôi". Khắc nhau, chỉ là hệ quả của một cái nhân không thuận đã gieo từ kiếp quá khứ. Tình thương trở nên gập ghềnh chỉ vì cái nhân không tốt đã tạo với nhau. Do chính nhân đó nên mọi giận dữ rất dễ xảy ra. Và nếu không tỉnh để dừng, sự giận dữ ấy sẽ là cái duyên tạo thành cái nhân oán thù. Để rồi tới đây, nhân duyên ràng buộc qua lại... *"Rối loạn như một ở kén, rối ren như một ông chỉ, giống như cỏ munja và lau sậy babaja. Không thể ra khỏi khổ xứ, ác thú, đọa xứ, sinh tử"*. Chỉ vì "Không có giác ngộ. Đã không thâm hiểu được giáo pháp này". [9]

May mắn là trong cái mớ rối ren tưởng chừng không thể gỡ nổi, con người vẫn có khả năng xoay chuyển vận nghiệp của mình. Nếu tin nhân quả mà Phật đã dạy và đủ định tĩnh để dừng thì mọi rối ren sẽ được tháo gỡ, cho dù lúc đầu tưởng đối khó khăn, bởi theo cái đà của dòng nghiệp lực, dễ quên. Cũng vì nhận ra cái rối ren ấy, tôi đã thay đổi cái nhìn. Một mớ nhân duyên không biết khởi đầu từ đâu, như trứng cho gà, gà lại sinh trứng, mà cứ đút đầu vào đó thì chỉ hại mình thiệt người.

Cho nên, chẳng may trong vai người mẹ bất hạnh, ai oán có khởi, tôi cũng nhủ rằng điều đó không nên. Cái nhân từ trong chính mình. Nếu mình không chịu tỉnh giác, thấy lỗi, sửa đổi, buông bỏ... hiện tại không những không vui, tương lai càng thêm khổ đau. Bởi vì cái niệm ai oán nhất định lưu dấu. Sợ nhất việc đó. Chính vì quá khứ lưu dấu mà nay mọi thứ cứ như có sẵn vận mệnh cho mình và người. Nhất cử nhất động cứ như có cái gì đó sai khiến trời buộc. Muốn thoát nhưng cứ chui vào. Muốn tỉnh mà cứ hay quên. Cũng vì mọi thứ tích tụ, lưu giữ, trời buộc. Cho nên, chọn đường tỉnh giác, thấy lỗi, buông bỏ... là cách khôn ngoan hơn hết. Trách cứ, muộn phiền, oán giận chỉ làm khổ mình, buộc thêm rối ren. Buông được, chính là tự mình an ổn cho mình. An ổn mình rồi, con cái nhất định thay đổi. Niệm xấu không còn lưu dấu. Chỉ còn trí tuệ từ bi.

Giờ còn nghe dạy niệm oán của mình nếu phát thành lời, sẽ khiến con trẻ đoạ lạc, càng thấy thất kinh. Nói gì thì nói, con cái là máu là huyết của mình, khi giận thì nói cho hả. Nó có bề gì làm sao mình yên? Dù có hả dạ yên được, cái dây nhân duyên oan nghiệt tạo ra với nhau lại sẽ vận hành tiếp tục. Cho nên, không sinh cái niệm ai oán, không chỉ cứu con mà còn cứu mình, không chỉ kiếp này mà cả những kiếp về sau.

Chẳng may trong vai người con bất hạnh, tôi tự nhủ rằng: "Tâm tịnh thì cõi Phật tịnh". Cảnh giới mình gặp bất hạnh vì mình đã gieo cái nhân bất tịnh.[10] Cho dù không được thương yêu, không được dưỡng nuôi đàng hoàng, vẫn còn cái công mang nặng đẻ đau. Dù muốn dù không nhân duyên thế rồi. Hiểu dưỡng phải có, không thể tránh được. Cho nên, tự xét thân mình ngay trong hiện tại đã tạo nghiệp gì mà có trái nghịch. Thấy được thì sửa. Không nữa thì quán nhân quả quá khứ cho qua, không để muộn phiền xuất hiện. Vẫn cứ hết lòng với cha với mẹ để xóa nghiệp cũ. Tôi không chủ trương thiên hạ chơi xấu, mình chơi xấu lại, mặc dù cái tật trả đũa còn ẩn dấu đó. Chơi qua chơi lại, oan nghiệt kéo dài ích chi? Ở đời phải biết thương mình. Thương cho đúng cách, cho có trí tuệ, để mình và người yên vui. Với suy nghĩ đó, cho dù cha mẹ không sinh không nuôi, mình thấy vẫn phải hết lòng trong những điều kiện mình có.

Và lại, bất hạnh chưa hẳn đã là bất hạnh. Vì pháp nhân duyên nên không có tánh cố định. Giá trị của pháp tùy duyên mà hiện. Có khi chính cái bất hạnh nó giúp mình rút kinh nghiệm để sống tốt hơn. *"Một thời, tôi thấy bất mãn mẹ mình vô cùng. Bởi bà đã để của cải em mình phung phí. Khi tôi lớn lên,*



phải tự nương chài nhọc nhằn, lời qua tiếng lại. Tôi nghĩ nếu tôi có tiền cha mẹ để lại, mọi thứ nhất định khác đi. Nhưng rồi nhờ ánh sáng đạo. Hiểu về nghiệp duyên nhân quả giữa người với người, tôi thấy thương mẹ nhiều hơn. Tôi hiểu không phải do bà mà do duyên nghiệp của chính chúng tôi. Không phải ở đời muốn hưởng là đã hưởng được. Mọi thứ đều có nhân duyên. Và trong những duyên tương tự, tôi thành người có kinh nghiệm, tôi hiểu tôi cần làm gì để được an vui. Với tôi, bà là hiện thân của vị Bồ-tát, dạy tôi biết sống thế nào để có hạnh phúc bằng những nghịch duyên".[11] Ở đời, ít ai không sợ nghịch duyên, mọi thứ chỉ muốn thuận lòng. Nhưng chính nghịch duyên giúp ta vững chãi, hiểu biết sâu sắc những gì cần hiểu, hiểu thấu nỗi khó của người để mà thương yêu. Không có nghịch duyên, nhân lực không chỗ

phát huy v.v...

Cho nên với tôi, chỉnh sửa người mình, cái chính là để trau dồi nhân lực, có định, có tuệ và vì lợi ích cho người hơn là vì sợ nghịch duyên mà phải thay đổi. Thuận nghịch đều có cái hay của nó. Trong kinh Pháp Hoa, Phật nói: *"Thuở ấy, vua đó thời chính là ta, còn tiên nhân đó nay chính là ông Đề-Bà-Đạt-Đa. Nhờ thiện-tri-thức Đề-Bà-Đạt-Đa mà ta đầy đủ sáu Ba-la-mật, từ - bi - hỷ - xả, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thân sắc vàng tía, Thập trí lực, Tứ vô úy, Tứ nhiếp pháp, Thập bát bất cộng pháp, thần thông đạo lực, thành bậc Chánh đẳng chánh giác rộng độ chúng sinh. Tất cả công đức đều nhân nơi thiện-tri-thức Đề-Bà-Đạt-Đa mà có".*[12] Cho nên, quan trọng không phải là ở nghịch duyên hay là thuận lòng mà là định tuệ. Có định có tuệ, nghịch duyên tức là thuận duyên. Muốn có định tuệ, phải biết xả tâm, phải biết buông tâm đồ kị, sân giận, oán thù v.v...

Phật dạy báo ân

Trong kinh Lễ Bái Sáu Phương,[13] Phật dạy gia chủ từ Thi-ca-la-việt 5 cách phụng dưỡng cha mẹ: *"Được nuôi dưỡng, tôi sẽ nuôi dưỡng lại cha mẹ. Tôi sẽ làm bốn phận đối với cha mẹ. Tôi sẽ gìn giữ gia đình và truyền thống. Tôi bảo vệ tài sản thừa tự. Tôi sẽ làm tang lễ khi cha mẹ qua đời. Nay gia chủ từ! Con cái phụng dưỡng cha mẹ theo 5 cách như vậy".*

1/ *Được nuôi dưỡng, sẽ nuôi dưỡng lại cha mẹ:* Đó là lẽ thường của luật Nhân quả. Song có khi mình thấy ít nhiều ngoại lệ, là do nhân quả chi phối ba thời. Nhưng dù không được nuôi dưỡng mà vẫn có tâm phụng dưỡng cha mẹ, là hạnh của hàng Bồ-tát. Là việc nên làm.

Thực tế hiện nay, có người không có khả năng nuôi dưỡng cha mẹ. Có khi cha mẹ còn phải nuôi lại. Song dù không có khả năng, vẫn phải có lòng chăm sóc, thăm hỏi. Tránh việc cờ bạc, rượu chè, đàng điếm, vui chơi khiến cha mẹ buồn. Cha mẹ lo nghĩ buồn bực, chẳng may phát ra lời ác thì mình liền đoạ.

2/ *Làm bốn phận đối với cha mẹ:* Bình thường thăm hỏi, thưa thỉnh, lo cơm, lo nước. Ốm đau thì lo chăm sóc thuốc thang. Tùy theo điều kiện của mình, lo cho cha mẹ sao cho tinh thần ông bà yên vui.



Kinh dạy: *"Nếu nam nữ nào theo lời mẹ dạy vâng thuận không trái, chư thiên hộ niệm, phước lạc vô biên"*. [14] Đó là cái quả mà một người con thuận thảo được hưởng. Nhưng nếu cha mẹ muốn con làm việc nghịch đạo thì sao? Việc này Phật cũng dặn dò: *"Nếu cha mẹ khởi tà kiến thì nên giúp cha mẹ có chánh kiến. Nếu cha mẹ làm việc ác, phải khuyên khích cha mẹ hướng đường thiện..."*. Việc này đòi hỏi người con phải có nhãn lực, trí tuệ. Có trí mới biết việc nào dẫn đến quả xấu, việc nào đưa đến quả tốt mà tránh, mới biết khuyên ngăn khích lệ cha mẹ làm cho đúng pháp. Nhẫn lực giúp ta kiên trì khuyên ngăn cha mẹ không làm việc xấu mà không khiến ông bà buồn. Bởi thường thứ gì nghịch ý cũng khiến phát sinh buồn lòng. Ít ai hiểu rằng, đó là cách thương trí tuệ. Cho nên, cái khó là làm thế nào để cha mẹ hiểu, không buồn, mà việc gây nhân vẫn không xảy ra. Có định, có tuệ, có nguyện hồi hướng, ứng duyên liền có pháp dùng.

3/ *Giữ gìn gia đình và truyền thống*: Với anh chị em trong nhà thì đùm bọc thương yêu, không tính thiệt hơn. Với gia đình riêng của mình thì biết tạo dựng hạnh phúc, dạy con ngoan ngoãn, hiếu hạnh với cha mẹ mình. Cha mẹ nhất định an vui.

Giữ gìn truyền thống, là nghĩ những việc có thể ảnh hưởng đến cha mẹ mình, đến danh dòng tộc, không bao giờ làm. Không nên vì những ưa thích ham vui của mình, khiến người phi báng cười chê, làm mất danh dự cha mẹ. Nếu mình có tâm gìn giữ truyền thống gia đình thì có việc gì ảnh hưởng đến truyền thống đó, mình sẽ nhất quyết không làm. Phật dạy giữ gìn truyền thống, thì truyền thống đó nhất định không khiến ta gây ác nghiệp.

4/ *Bảo vệ tài sản thừa tự*: Vì dạy cho gia chủ tử nên có phần tài sản thừa tự này. Được thừa tự tài sản, là một trong các phước báu. Bảo vệ tài sản thừa tự chính là bảo vệ phước báu của mình. Tài sản cha mẹ để lại, nếu thấy phá tán, cha mẹ sẽ buồn. Vì thế, bảo vệ tài sản thừa tự giúp cha mẹ vui, cũng là phụng dưỡng cha mẹ ở mặt tinh thần.

Khiến cho tài sản đó được phát triển thì càng tốt nữa. Cần phát triển nó bằng hướng lương thiện. Không nên phát triển theo hướng cho vay nặng lãi, buôn bán ma túy, á phiện v.v... Phát triển theo hướng như vậy là bán cái phước mà mua nạn tai.

Một cách bảo vệ tài sản thừa tự nữa là cúng dường Tam bảo, bố thí, giúp đỡ anh em, giòng tộc, người nghèo khổ, bệnh hoạn, lỡ thời. Vì nhân cúng dường bố thí sẽ giúp của cải sung túc hiện tại vững bền, công việc làm ăn thuận lợi, có ra liền vào.

5/ *Làm tang lễ khi cha mẹ qua đời*: Khi Di mẫu qua đời, đức Phật đã đích thân làm lễ cúng dường. Ngài dạy: *"Cha mẹ sinh con, mang nhiều lợi ích cho con, ân trọng dưỡng nuôi, bú mớm ấm bông, cần phải báo ân. Không được không báo ân. Chư Thiên nên biết, chư Phật quá khứ, thân mẫu sinh thành đều diệt độ trước, chư Phật Thế Tôn đều tự cúng dường trà tỳ xá lợi. Giả như chư Phật Thế Tôn tương lai, thân mẫu sinh thành cũng diệt độ trước, chư Phật sẽ tự cúng dường. Do phương tiện này mà biết, Như Lai nên tự cúng dường cha mẹ, chẳng phải Trời, Rồng, Quỷ, Thần làm được"*. [15] Cho nên, con cái đích thân làm lễ cúng dường cho đấng sinh thành, nhất định cần thiết cho việc báo hiếu.

Tang lễ, thì theo phong tục từng miền, nên tùy gia đình mà việc tổ chức tang lễ thấy có khác nhau. Nhưng dù tang lễ thế nào, vẫn có hai việc cần làm là "không sát sanh" và cần "bố thí cúng dường". Không nên giết trâu, heo, gà v.v... làm cỗ mời nhau như tục làng quê vẫn làm. Cũng không vung vãi đồ ăn thức uống phí phạm. Cúng được cỗ chay càng tốt. Bố thí, là thí cho người nghèo khổ. Không của thì mang công sức giúp người, dùng đó hồi hướng. Lấy tiền phúng điệu đem tặng các viện mồ côi, dưỡng lão v.v... cũng là hình thức bố thí. Làm vậy, người chết được phước một phần, người sống sáu phần. [16] Một công hai việc rất lành.

Phật tử, thì thêm tụng niệm, cúng dường Tăng chúng thanh tịnh, lấy đó hồi hướng. Cần tự đích thân làm lễ cúng dường. Không phải đưa tiền ra đó là xong, cần một tấm lòng. Tùy duyên mà làm cho hết sức mình.

Song việc bố thí muốn được thuận lòng người chết, kết quả nhờ đó được mỹ mãn hơn, thì khi cha mẹ còn sống, mình nên khuyên khích cha mẹ mở lòng san sẻ. Ít nhất là thấy bố thí, không tâm khó chịu mà nên hoan hỉ vui theo. Việc san sẻ này, không phải chỉ có đạo Phật mới khuyến khích làm, ngay cả Cao Đài, Thiên Chúa v.v... thấy đều khuyến khích. Bởi vì cái quả của nó mang lại phước báu vô kể.

Đó là 5 việc mà Phật dạy cho Thi-ca-la-việt phụng dưỡng cha mẹ. Chỉ cần đủ các điều kiện như ông thì cứ theo đó mà làm. Không đủ thì tùy căn nghiệp mỗi người hiện đời mà có gia giảm, miễn làm hết sức hết lòng là được.

Một cách báo hiếu trọng lượng hơn nữa là giúp cha mẹ *"qui y Tam bảo, có lòng tin kiên cố đối với Tam bảo. Có lòng tin hiểu đối với 4 thứ Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Thành tựu tín, giới, đa văn, bố thí, trí tuệ, xa lìa nghiệp sát, đoạn trừ nghiệp sát, không cho mà lấy, tà dâm, nói dối, xa lìa nghiệp uống rượu, đoạn trừ nghiệp uống rượu"*. [17] Giúp cho cha mẹ kiện cố lòng tin và qui y Tam bảo còn tương đối dễ. Có đủ lòng tin đối với Tứ đế, thành tựu tín, giới, đa văn... thì không phải dễ. Bản thân nếu không có sự hiểu biết, giữ giới, tu tập sâu sắc thì không thể làm điều đó. Đức Phật đã làm như thế đôn đôn Di mẫu. Phụng dưỡng cha mẹ như thế nhất định hơn hẳn cách thức mà Phật đã dạy cho chàng Thi-ca-la-việt. Bởi vì báo hiếu như thế mới thật giúp cho cha mẹ có đủ chánh kiến, chánh ngữ, chánh mạng, chánh nghiệp, không đi làm đường, luôn được an vui hạnh phúc trong cõi vô thường tạm bợ. Nhờ có chánh kiến, cha mẹ mới biết tạo dựng phước báu. Nhờ có phước báu, con cái trả ân mới nhận lãnh được. Không thì dù cho con cái có lòng, cũng không đủ duyên mà nhận.

Với hàng Bồ-tát tu Bồ-tát hạnh, Phật dạy: *"Này*

Thiện nam tử! Để cầu bồ-đề có 3 loại ba-la-mật: 1/ Bồ thí ba-la-mật. 2/ Thân cận ba-la-mật. 3/ Chân thật ba-la-mật. Nếu có người phát tâm bồ đề vô thượng, dùng bảy báu đầy khắp Tam thiên đại thiên thế giới thí cho vô lượng chúng sinh bần khổ, đó chính là Bồ-thí ba-la-mật. Nếu người phát đại bi tâm, vì cầu vô thượng chánh đẳng chánh giác, dùng vợ con mình bố thí tâm không lần tiếc. Tay, chân, đầu, não v.v... đều theo sở cầu của người mà thí, chính là Thân cận ba-la-mật. Còn người khởi tâm bồ-đề vô thượng, trụ vô sở đắc, khuyến các chúng sinh đồng phát tâm này, dùng một bài kệ bốn câu nói pháp chân thật thí cho chúng sinh, khiến họ qui hướng chánh giác vô thượng, đó là Chân thật ba-la-mật. Hai bồ thí trước, chưa gọi là báo ân. Tu Chân thật ba-la-mật mới gọi là chân thật báo ân".[18] Sống được với tâm chân thật, cúng dường pháp bảo giúp cho chúng sinh hành thiện, qui hướng Tam bảo, phát bồ-đề tâm... mới là chân thật báo ân.

Phật dạy nhiều cách báo ân, là do căn nghiệp chúng sinh không đồng. Tùy lực tùy phần, hợp với pháp nào làm theo pháp đó. Cố làm, làm cho đầy đủ là được. Kì nhất là chẻ việc dễ cho là báo ân không trọn mà pháp thâm sâu thì không dụng tới vì nói khó làm.

Chân Hiền Tâm

[1] Thiền Vị Trên Đầu Lưỡi – Takashina Rozen – NS Hạnh Huệ và Thuần Bạch dịch.

[2] Kinh Đại Thừa Bản Sinh Tâm Địa Quán, phẩm Báo Ân. Đại Chánh Tạng tập 3.

[3] Lời tâm sự của một người mẹ.

[4] Kinh Đại Thừa Bản Sinh Tâm Địa Quán, phẩm Báo Ân. Đại Chánh Tạng tập 3.

[5] Còn có nguyên lực. Như Mục kiền Liên phát nguyện làm con bà Thanh Đề để cứu vớt mẹ. Đây chỉ nói đến nghiệp lực.

[6] Quá khứ và hiện tại nói đây chỉ cho sự trước sau, không nhất thiết là kiếp quá khứ và kiếp hiện tại.

[7] Kinh Đại Thừa Bản Sinh Tâm Địa Quán, phẩm Báo Ân. Đại Chánh Tạng tập 3.

[8] Chỉ là một suy nghĩ sai lầm. Vì thế xin đừng tách nó ra khỏi bài viết như một câu khẳng định độc lập.

[9] Kinh Trường Bộ, phẩm Kinh Đại Duyên, số 15.

[10] Đây nói về nghiệp lực của chúng sinh, không nói đến nguyên lực.

[11] Lời tâm sự của một phụ nữ.

[12] Phẩm Đề Bà Đạt Đa.

[13] Kinh Trường Bộ quyển II.

[14] Kinh Đại Thừa Bản Sinh Tâm Địa Quán, phẩm Báo Ân. Đại Chánh Tạng tập 3.

[15] Kinh Tăng Nhất A-hàm quyển 3. Phẩm Đại Ái Đạo Nhập Niết Bàn.

[16] Theo Kinh Địa Tạng Bốn Nguyên.

[17] Kinh Cù Đàm Di - Kinh Trung A-hàm quyển 4

[18] Kinh Đại Thừa Bản Sinh Tâm Địa Quán, phẩm Báo Ân. Đại Chánh Tạng tập 3.

DU TỬ

Chơi trong cội của người ta
 Bao lần phát hỷ cuồng ca một mình
 Cô thân làm khách hữu tình
 Đi-về lận đận lộ trình tử-sanh.
 Triều trong khổ hải bủa quanh
 Tình trong nhân thế mong manh đường trần
 Nhẹ nhàng một đóa thanh vân
 Lãng du năm tháng vẫn ngân ấy thôi!
 Chiều hoang ở dưới chân đồi
 Nằm khềnh trên cỏ quên đời bốn ba .
 Thưa người tri kỷ gần xa:
 "Hành vân lưu thủy" Bá Nha vọng đàn.(*)
 Trăm năm giấc mộng kê vàng (**)
 Buồn vui chung cuộc mấy hàng nhả tin
 gọi theo mây gió chút tình!

.....

HIỀN NGUYỄN

thơ

(*) Từ Kỳ khảo bản "Lưu Thủy hành vân". Bá Nha nghe mà hiểu tâm trạng của bạn

(**) Người học trò nghèo trong quán trọ ngủ quên, thấy mình trải qua mây mười năm thẳng trăm đường công danh, đến khi thức giấc thì nói kê (hoàng lương) nấu vẫn chưa chín.



TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

TRẢ ƠN ĐỦ
CHO MẸ VÀ CHA*Quảng Tánh*

Một thời, Thế Tôn ở Sàvatthi, tại vườn ông Anàthapindika. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

1. Nay các Tỷ-kheo, ta sẽ giảng cho các Thầy về địa vị bậc không phải Chân nhân và địa vị bậc Chân nhân. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

Này các Tỷ-kheo, thế nào là địa vị bậc không phải Chân nhân? Người không phải Chân nhân, này các Tỷ-kheo, không biết ơn, không nhớ ơn. Đối với những người độc ác, đây là đặc tánh của họ được biết đến, này các Tỷ-kheo, tức là không biết ơn, không nhớ ơn. Đây hoàn toàn là địa vị kẻ không Chân nhân, này các Tỷ-kheo, tức là không biết ơn, không nhớ ơn. Còn bậc Chân nhân, này các Tỷ-kheo, là biết ơn, là nhớ ơn. Đối với những thiện nhân, đây là đặc tánh của họ được biết đến, này các Tỷ-kheo, tức là biết ơn, nhớ ơn. Đây hoàn toàn là địa vị bậc Chân nhân, này các Tỷ-kheo, tức là biết ơn, nhớ ơn.

2. Có hai hạng người, này các Tỷ-kheo, ta nói không thể trả ơn được. Thế nào là hai? Mẹ và Cha. Nếu một bên vai công mẹ, này các Tỷ-kheo, nếu một bên vai công cha, làm vậy suốt trăm năm, cho đến trăm tuổi; nếu đâm bóp, thoa xức, tắm rửa, xoa gội, và dầu tại đây, mẹ cha có vài tiểu tiện đại tiện, như vậy, này các Tỷ-kheo, cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ mẹ và cha. Hơn nữa, này các Tỷ-kheo, nếu có an trí cha mẹ vào quốc độ với tối thượng uy lực, trên quả đất lớn với bảy báu này, như vậy, này các Tỷ-kheo, cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ mẹ và cha. Vì có sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, cha mẹ đã làm nhiều cho con cái, nuôi nấng, nuôi dưỡng chúng lớn, giới thiệu chúng vào đời này. Nhưng này các Tỷ-kheo, ai đối với cha mẹ không có lòng tin, khuyến khích, hướng dẫn an trú các vị ấy vào lòng tin; đối với mẹ cha theo ác giới, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào thiện giới; đối với mẹ cha tham, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào bố thí; đối với mẹ cha theo ác trí tuệ, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào trí tuệ. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là làm đủ và trả ơn đủ mẹ và cha.

(Kinh Tăng Chi Bộ I, chương 2, phẩm Tâm thăng bằng, phần Đất)

SUY NGHIỆM:

Sống ở đời, biết ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ để hiếu kính đã là điều khó. Nhưng để trở thành người con có hiếu đúng nghĩa, tâm hiếu và hạnh hiếu vẹn toàn lại càng khó khăn hơn. Trong nhiều kinh điển, Thế Tôn thường nói đến công ơn cha mẹ bao la như trời biển, dù chúng ta có hiếu thảo đến mấy vẫn khó có thể đáp đền. Tuy vậy, pháp thoại này Thế Tôn đã chỉ bày một phương thức báo hiếu khác với lệ thường, đó là hướng dẫn cha

mẹ tu học, chuyển hóa ba ác nghiệp, mà theo Ngài là “trả ơn đủ cho mẹ và cha”.

Trước hết, Thế Tôn xác quyết rằng, biết ơn và nhớ ơn là đặc tính của bậc chân nhân, của bậc thiện nhân. Khi một người không có hay đã đánh mất đặc tính biết ơn và nhớ ơn thì chắc chắn đó là người độc ác, là kẻ bất nhân, bất chính.

Thế nhưng, dù là bậc chân nhân, là người hiền thiện biết hiếu thảo đến mấy đi nữa vẫn chưa làm đủ hay trả ơn đủ cho mẹ và cha. Ngay cả những bậc giàu sang, uy quyền tột bậc trên thế gian, một lòng cung phụng song thân thì vẫn không đủ, vì ân đức cha mẹ sinh dưỡng, tác thành cho con cái nên người quá lớn, đến độ không thể nghĩ bàn.

Theo Thế Tôn, hiếu dưỡng trong ý nghĩa thông thường thì dù chu toàn, tận hiếu cũng vẫn chưa đủ. Nên song hành với phụng dưỡng vật chất, kính thuận, người con Phật chí hiếu phải biết khuyến hóa cha mẹ tin tưởng Tam bảo sâu sắc, an trú vào thiện giới, biết bố thí cúng dường, luôn sống với sự soi sáng của tuệ giác. Làm được như thế tức là đã làm đủ, trả ơn đủ cho mẹ và cha.

Rõ ràng, Thế Tôn rất chú trọng đến sự chuyển hóa nghiệp lực cho cha mẹ để mong đời sau cha mẹ tái sanh vào cảnh giới tốt đẹp hơn. Vì đời sống hiện tại vốn hữu hạn và vô thường. Sau đời sống này còn vô số kiếp sống khác nữa. Nếu thương cha mẹ mà thiếu trí tuệ, có thể tạo thêm nghiệp cho cha mẹ mà không tích lũy được phước báo nào cả thì chưa thể gọi đó là thương, là hiếu đúng nghĩa và trọn vẹn nhất.

Vì thế, người con Phật hiếu đạo luôn phụng dưỡng và kính thuận cha mẹ trong hiện đời nhưng cũng không quên tạo dựng hành trang an lành cho cha mẹ khi già từ cuộc thế, để tái sanh vào cõi lành. Hành trang đó chính là tín, giới, thí và tuệ. Điều này có nghĩa là đời này và đời sau cha mẹ đều hạnh phúc. Vì thế mà Thế Tôn khẳng định là đã làm đủ và trả ơn đủ cho mẹ và cha.



Theo Dấu Lặng nghe Điệp khúc Dương cầm của Thầy Tuệ Sỹ

HUỲNH KIM QUANG

Cõi thơ của Thầy Tuệ Sỹ mệnh mông bất ngát. Cao thì bay vút từng không. Sâu thì hun hút hồ thẳm. Biết đâu mà dò để gọi là theo!

Với người viết bài này, có lẽ là ngồi bệt xuống đất nhìn trũng trũng vào mấy dấu lặng trên “Những Điệp Khúc Cho Dương Cầm” của Thầy để mà nghe, có thể chỉ như là “vịt nghe sấm,” nhưng, may ra còn nghe được vài khoảng lặng vô thanh đầu đó, sau những cung bậc du dương siêu thoát.

“Những Điệp Khúc Cho Dương Cầm” là tập thơ gồm 23 bài – đúng hơn là 23 điệp khúc -- của Thầy Tuệ Sỹ được xuất bản trong nước vào năm 2009. Tập thơ này được một nghệ sĩ nổi danh của Pháp Dominique de Miscalut dịch sang tiếng Pháp và trình bày với những hình ảnh nghệ thuật trong tác phẩm Pháp Ngữ “Refrains pour Piano.”

Bài này chỉ viết lại một vài cảm nhận khi đọc tập thơ bằng tiếng Việt “Những Điệp Khúc Cho Dương Cầm” của Thầy.

Dấu lặng là khoảnh khắc ngừng nghỉ sâu lắng không nhạc không lời trong bản nhạc. Nó cũng cần thiết có mặt trong bản nhạc giống như những âm thanh giai điệu khác. Đôi khi dấu lặng còn cần thiết và mang ý nghĩa huyền diệu hơn nhạc điệu khác trong bản nhạc.

Cũng thế, trong cuộc sống thường nhật với những thao tác liên tục của dòng vọng động qua thân, khẩu và ý, con người bị cuốn hút vào quỹ đạo quay cuồng của mộng tưởng điên đảo, thì những khoảnh khắc dừng lại, buông xả, lắng tâm là cần thiết và bổ ích vô cùng. Đó là những dấu lặng trong bản nhạc cuộc đời.

Thật vậy, có bao giờ bạn lắng tâm để thưởng thức những khoảnh khắc im lặng tốt cùng xây đến



thật bất ngờ giữa dòng thác lũ ba đào của âm thanh và nhạc điệu? Nếu bạn từng trải qua giây phút cực kỳ huyền diệu ấy chắc bạn cảm nhận như mình đang bơi lội trong cõi không gian vô cùng mà ở đó chỉ có sự hỷ lạc mẫu nhiệm trong trạng thái vắng bóng mọi thứ nhân ngã bỉ thử và phiền não uế trước.

Cuộc đời của một thiền sư là khoảnh khắc kéo dài vô tận của những dấu lặng an nhiên, tự tại và siêu thoát giữa cuộc đời phiền não, khổ đau. Thầy Tuệ Sỹ là một thiền sư như thế.

Trong đôi mắt sáng hoắc của Thầy, dòng tử sanh vô tận chỉ còn là bóng dáng mờ ảo sau ngọn lửa bập bùng của trí tuệ bừng lên, để nhìn sâu vào đó và liễu ngộ rằng nó chỉ là huyền mộng. Như thế, tử sinh đâu có khác gì cánh chim chợt hiện chợt ẩn trong quầng trời vô biên! Điệp khúc đầu tiên rung lên cung bậc mở ra con đường đến đi tự tại trong cõi nhân gian:

*“Ta nhận chìm thời gian trong khóe mắt
Rời thời gian ứng đó đêm thiêng
Đêm chợt thành mùa đông huyền hoặc
Cánh chim bạt ngàn từ quầng Vô biên.”*

Trong Kinh Tiểu Duyên của Trường A Hàm, chẳng phải đức Thế Tôn đã kể chuyện loài người đến thế giới này từ cõi Trời Quang Âm ở Sắc Giới Thiên hay sao? Cho nên Thầy mới nói trong điệp khúc thứ 2:

*Từ đó ta trở về Thiên giới,
Một màu xanh mù tủa Vô biên.
Bóng sao đêm dài vời vợi;
Thật hay hư, chiều nhỏ ưu phiền.*

*Chiều như thế, cung trầm khắc khoải.
Rất đầu tay nốt nhạc triền miên.
Ôm dấu lặng, nhịp đàn dứt vợi.
Anh ở đâu, khói lụa ngoài hiên?*

Từ Quang Âm Thiên xuống cõi nhân gian làm người nên mới có những ưu phiền, khắc khoải, và những cung bậc của kiếp người rung lên. Nhưng đến khoảnh khắc lắng sâu của dấu lặng thì đó là cõi vô biên, nên cảnh vật ngoài hiên là khối lụa huyền hoặc như có như không.

Trong bản nhạc làm sao chỉ toàn là dấu lặng. Trong cõi người làm sao tránh khỏi những ưu phiền. Cái tuyệt vời của Thầy là liễu ngộ rất tinh tường phím đen, phím trắng trong bản nhạc cuộc đời chỉ là ảo tượng. Và rồi, Thầy đem bao nhiêu ưu phiền của năm tháng đi qua gửi vào dấu lặng đó. Gửi vào dấu lặng thì có khác gì hóa thân cho nó vào cõi vô cùng. Vì vậy, trong điệp khúc thứ 9, vang lên cung bậc:

*Đôi mắt cay
phím đen phím trắng
Đen trắng đuổi nhau
thành ảo tượng
Trên tận cùng
điểm lặng tròn xoe
Ta gửi đó
ưu phiền năm tháng.*

Trực thức về bản chất cuộc đời của chính mình không chỉ là tri kiến như thật về thực tại mà một người con Phật cần có, đó còn là đức nhẫn phi thường của một nhà tu hành đạo hạnh. Nhẫn thọ từ nỗi thống khổ trăm lần đến sự hỷ lạc siêu thoát bằng tâm thái bình lặng an nhiên không một gợn sóng động tâm. Điệp khúc thứ 13 vang lên nhạc âm hưởng đó:

*Ô hay, giây đàn chợt đứt.
Bóng ma đêm như thật.
Căn đầu ngón tay giá băng.
Điệp khúc lắng trầm trong mắt.
Rồi phím đàn lơ lửng;
Chùm âm thanh rời, ngón tay rất bóng
Chợt nghe nguyệt quế thoảng hương
Điệp khúc chậm dần theo dấu lặng.*

Có lúc điệp khúc dương cầm lắng sâu đến mức như tan theo mùi hương nguyệt quế, như hóa thân thành con kiến bò quanh triền núi, hay len lỏi tận dưới gốc cụm cỏ dại. Điệp khúc 20 là giai điệu huyền bí lạ lùng mà người nghe dường như phải bước bỏ cái hình hài nhân ngã to lớn để có thể theo chân con kiến bò dưới cọng cỏ và nghe mùi đất thở. Cái mùi mà Triết Gia Phạm Công Thiện trong tác phẩm "Khởi Mạch Nguồn Thơ Thi Sĩ Seamus Heaney" xuất bản tại California, Hoa Kỳ vào năm 1996, gọi là "mùi thổ ngời." Ở đây không phải chỉ ngửi mùi thổ ngời, mà còn ngửi mùi đất thở nữa. Chỗ tuyệt cùng của sự sâu lắng, của dấu lặng trong "Những Điệp Khúc Cho Dương Cầm" là ở đây. Có thể nghe và ngửi "mùi đất thở."

*Theo chân kiến
luồn qua cụm cỏ
Bóng âm u
thế giới chập chùng
Quăng im lặng
Nghe mùi đất thở.*

Đoạn khúc 23 khép lại "Những Điệp Khúc Cho Dương Cầm" như thế là đoạn cuối của đời người nằm yên vĩnh viễn nơi tha ma mộ địa.

*Giăng mộ cỏ
mưa chiều hoen ngấn lệ
Bóng điều tàn
huyền sử đứng trơ vơ*



*Sương thấm lạnh
làn vai hờn nguyệt quế
Ôm tượng đài
yêu suốt cõi hoang sơ.*

Điệp khúc vẽ lại thật sống động cảnh tượng nơi nghĩa địa, với cơn mưa chiều, nước mắt, hình bóng điều tàn, sương thấm lạnh là những hình ảnh lột tả được cả tâm trạng và hoàn cảnh trong đoạn cuối của đời người.

Nhưng, trong cõi chung đó, vẫn bừng sáng lên niềm riêng rất đáng quý, rất cao đẹp, rất thương yêu. Đó là tấm lòng yêu thương vô lượng của Thầy đối với cuộc đời, đối với con người, và đối với chúng sinh.

*Ôm tượng đài
yêu suốt cõi hoang sơ.*

Tấm lòng đó ắt hẳn đã nằm sâu trong dấu lặng của "Những Điệp Khúc Cho Dương Cầm" mà Thầy vừa tấu lên.

Có ai nghe chăng?

Chắc chắn là có, chư thiên ở cõi trời Quang Âm, những con kiến đang bò sát dưới cụm cỏ dại, và còn nữa, tiếng thở của đất động dậy đầu đó trên khắp hành tinh này.

Bạn đọc có thể vào đọc "Những Điệp Khúc Cho Dương Cầm" bản tiếng Việt của Thầy Tuệ Sỹ trên trang mạng Hoa Vô Ưu www.hoavouu.com, hoặc theo link này http://hoavouu.com/D_1-2_2-258_4-19578/nhung-diep-khuc-cho-duyang-cam.html

ĐẠO HIẾU của PHẬT và CÁ ĐẠO VIỆT NAM

Tuệ Như



Đức Phật hay Đạo Phật tự ngàn xưa không những giới thiệu cho chúng ta có nhận thức được sự KHỔ và con đường tu tập để đưa đến chấm dứt mọi khổ đau ngay trong hiện tại, mà còn giúp cho chúng ta có một tâm nhìn trong sáng để trang bị hoàn thiện về đạo lý "Nhân bản" của con người trên mọi sinh lộ của cuộc đời.

Tuy nhiên, Đạo Phật khi du nhập vào bất cứ một quốc độ nào, trước tiên là phương pháp chuyển hóa để thực hiện tinh thần hội nhập, lưu xuất trong cộng đồng, lại cần phải tùy vào nền văn hóa giáo dục, những phong tục tập quán truyền thống đã được truyền tụng, tôn trọng, ca ngợi sẵn có của quốc độ ấy. Thế nhưng, cho dù có sự khác biệt thế nào đi nữa, thì lời dạy của Đức Phật cũng đã được khẳng định về mặt đạo lý hay luân lý của con người từ muôn thuở xa xưa cho đến ngàn thuở xa sau, như:

*"Tâm Hiếu là tâm Phật"
Hạnh Hiếu là hạnh Phật"*

Tâm và Hạnh là hai nhân tố song hành bất tuyệt biểu thị một giá trị tồn tại bất biến trong mọi hình thức đạo lý của con người. Chúng ta thấy, sự minh chứng đạo lý nơi bản xứ trong truyền thơ dân gian "Quan Âm Diệu Thiện" và đã được dân chúng Việt Nam biết đến nhiều, như:

*"Chân như Đạo Phật Nhiệm mầu
Tâm trung chữ Hiếu, niệm đầu chữ Nhân
Hiếu là độ được song thân
Nhân là cứu vớt trăm luân muôn loài..."*

Qua lăng kính đạo đức của người Việt Nam đã có từ những thời đại xưa, sự chất lọc ý thức truyền thừa không ngừng trong cộng đồng xã hội, đã tạo nên những đường nét thẩm mỹ bằng những ý niệm hành động giáo dục trong sáng lành mạnh được thấm nhuần vào trong mọi tầng lớp sinh hoạt đậm chất liệu đạo đức con người và vẫn luôn được thấp sáng, hiện hóa trong sự tươi mát, không những tự ngàn xưa, mà còn cho cả đến ngàn sau.

Do đó, để xây dựng cho bản thân một nhân cách đích thực, thì

tinh chất của nhân cách ấy chính là lòng "Nhân", những nỗi trắc ẩn trong đời sống được nói đến và được hành động một cách đúng đắn. Nhưng "Hiếu" lại chính là cội gốc của Nhân, là nền tảng đạo đức muôn đời trong trời đất. Theo quan điểm của Nho Giáo, thì Hiếu là gốc của Đức, là nguồn của Giáo, bước đầu của đạo Hiếu là phải giữ mình, vì thân thể tóc da của ta là từ nơi cha mẹ, nên không dám làm tổn thương, là nết đầu của Hiếu. Lập thân đem lại lợi mình, có danh phận ở đời, làm rạng rỡ cho cha mẹ, dòng họ, là nết cuối của Hiếu "*Thân thể phát phu, thụ chi phụ mẫu, bất cảm hủy thương, Hiếu chi thủy dã. Lập thân hành đạo, dương danh ư hậu thế, dĩ hiển phụ mẫu, Hiếu chi chung dã*" (Hiếu Kinh).

Thế nhưng, nếu đức tính Hiếu hay Nhân không được nuôi dưỡng để được lớn mạnh trong mỗi lúc, thì mọi hình thức trong cuộc sống sẽ bị biến dạng và sẽ làm nguy hại cho xã hội con người, nhất là ngay trong thời đại của chúng ta. Điều ấy, Đức Phật đã nói lên ngay từ buổi ban đầu, điều mà có năng lực ươm mầm cho đức Nhân và Hiếu, như:

"Nầy Mahanama, dựa trên thiện nam tử có lòng Tin, các người trong gia đình được lớn lên về 5 phương diện; 1./ Lớn lên về lòng Tin, 2./ Lớn lên về Giới, 3./ Lớn lên về học hỏi (các Thiên pháp), 4./ Lớn lên về Bố Thí, 5./ Lớn lên về Trí Tuệ. Dựa trên thiện nam tử có lòng Tin, các người trong gia đình được lớn lên vì 5 sự lớn lên này" (Kinh Tăng Chi, II).

Như vậy, qua 5 sự nuôi dưỡng ấy để được lớn lên, lớn mạnh, không phải chỉ để trong gia đình, mà là luôn thuận theo dòng chảy của thời gian, dầu có bao biến động làm cồn lên nhịp sống, v.v... thì sự trải nghiệm qua bao giai đoạn, mỗi chặng đường đời. Khi ấy, con người vẫn tiếp nhận, tiêu hóa và tồn tại một giá trị bất tuyệt không thể thiếu được đó là Hiếu, nếu thiếu, thì không thể tròn nghĩa con

người. Bởi vì, trong mỗi đời người ít nhiều đều có sự nếm trải, tiếp nhận hay từ chối.

Những tiếp nhận nào mà trong đó có sự xúc cảm từ địa vị, lợi lạc từ tài sản, những lạc thú từ những tiểu tiết thường tình... thì sớm chiều rồi cũng sẽ tàn phai vô vi, lãng quên theo dòng biến động thay đổi bất tận của thời gian, nó sẽ trở thành những hoài niệm vô vọng mà thôi. Nhưng, đạo lý "Hiếu" luôn được thấp sáng, rực sáng tận sâu thẳm tâm hồn của con người, luôn soi rọi trên mọi nẻo đời và vô cùng theo với thời gian, thành một sức sống tươi mát thánh thiện. Sự sống ấy, luôn nói lên cách hành xử căn bản từ tinh chất "Nhân Bản", đó là việc biết ơn và đền ơn.

Nói đến việc biết ơn và đền ơn, trước hết, với thái độ của người con và nhất là đối với người đẻ tử Phật không gì khác hơn là thực hiện tỏ bày một niềm Hiếu Tâm, Hiếu Hạnh và Hiếu Kính, Hiếu Đạo đối với Tổ thầy, ông bà cha mẹ khi còn sanh tiền khi chúng ta còn có cơ hội chỉ đến với chúng ta một lần trong đời, như lời dạy của Đức Phật đã cảnh báo, đánh thức trong lòng cho mỗi người con, đó là vận may tối thượng đến với con cái:

*"Phụng dưỡng cha và mẹ
Là vận may tối thượng"*

(Kinh Tiểu Bộ I)

Cái vận may ấy, chúng ta có thể đánh mất bất cứ lúc nào trong cuộc đời vô thường và ngắn ngủi này. Chính vì lẽ đó, Đức Phật đã nhấn mạnh vào trọng điểm nhằm nhắc nhở người con phải thấy và biết về hai cái ơn sâu nặng ấy.

Với đạo lý Nho giáo, Đức Khổng Tử cũng đã khuyên nhắc chúng ta: "*Cư tắc trí kỳ Kính, Dưỡng tắc trí kỳ Lạc, Bệnh tắc trí kỳ ưu, Tang tắc trí kỳ Ai, Tế tắc trí kỳ Nghiêm*" (Ở thì phải hết lòng cung kính, Phụng dưỡng thì phải vui vẻ, đau yếu thì phải biết lo toan, qua đời thì phải thương tiếc, cúng tế thì phải biết trang nghiêm). Qua những điều ấy, cũng đã thể hiện tương quan đến sự sống và sự chết từ cái đẹp suốt nguồn của đạo lý con người muôn thuở.

Chúng ta cùng nghe lại, cùng suy nghiệm những lời quý giá bao đời của cha ông chúng ta trong kho tàng ca dao dân ca Việt Nam, như:

*"Ru hời, ru hời, ru hời
Công cha như núi ngất trời
Nghĩa mẹ như nước ở ngoài
biển Đông
Núi cao, biển rộng mênh
mông
Cù lao chín chữ ghi lòng con
đi".*

Con người khi sanh ra trong đời, luôn có sự đan xen nhiều mối quan hệ chằng chịt trong xã hội, thế nhưng trong đó, mối quan hệ gần gũi thiêng liêng mật thiết nhất, đó là cha và mẹ, ân nghĩa sâu nặng nhất cũng bắt đầu từ cha và mẹ. Và cũng chính nhờ vào mối quan hệ thiêng liêng đó, nên có sự nuôi dưỡng mầm yêu thương ấy của những bậc cha mẹ cũng như những nhà lãnh đạo về mặt đạo đức, văn hóa giáo dục một cách tích cực trong sáng đúng nghĩa, thì đây là một cơ may đem lại cho đời sống từ gia đình đến ngoài xã hội trong một đất nước hằng có được một nếp nghĩ, sinh hoạt lành mạnh, nhiều sự bình yên. Nếu trái lại, thì sẽ phát sinh những bất an, đồng thời làm mất đi một trật tự đáng tiếc.

Qua một cái nhìn khác về đạo lý của "Hiếu", Đức Phật đã giúp cho chúng ta phân định được giữa cái "Thiện và Ác" như sau: *"Này các tỳ kheo, đối với những người độc ác, đây là những đặc tánh của họ được biết đến, tức là không biết ơn và không đền ơn. Còn bậc chân nhân, này các tỳ kheo, là biết ơn, là đền ơn. Đối với những thiện nhân, đây là những đặc tánh của họ được biết đến, tức là biết ơn và đền ơn..."* (Kinh Tăng Chi I, 118).

Chúng ta thấy, Đức Phật nhấn mạnh ở chỗ *"... Đây là những đặc tánh của họ được biết đến..."* Thế nên, sự sai khác chênh lệch nhau đã được bắt đầu từ một phát xuất do ý niệm đưa đến hành động, Và cũng từ hành động đã biểu thị cho thể giới tâm tư của vị ấy có cao thượng hay thấp kém. Đến đây, chúng ta lại nghe thêm lời dạy khác của Đức Phật giữa cái ác và cái thiện như thế nào!

*"Điều thiện tối cao
Không gì hơn bằng Hiếu
Điều ác cực ác
Không gì hơn bất hiếu"
(Kinh Nhãn Nhục).*

Nếu như theo đà xu hướng và phát triển của xã hội hôm nay, thì cái ác (bất hiếu), nói một cách khác là không biết ơn và đền ơn cũng đã được báo động một cách đáng lo ngại về mặt đạo đức giáo dục, trọng khi mức sống không phải dễ dàng đem lại ổn định phần đông cho số người trong cộng đồng. Mặc dù trên hình thức nào đó, chúng ta thấy những phương tiện phục vụ ngày càng nâng cao theo mỗi lúc. Đồng thời, tạo thêm nhiều nhu cầu bám víu, kích thích từ những cảm thọ lạc thú thấp kém hay bởi lắm bề bộn để được sinh tồn trong cuộc sống mà lãng quên hay bỏ qua đi v.v... Điều này, đối với những nhà lãnh đạo tinh thần tôn giáo cũng như các vị có chức năng trong giới đào tạo và giáo dục của một tổ chức quốc gia, tưởng cũng cần phải theo dõi, quan tâm đến sâu sắc và có một định hướng hợp lý. Tất nhiên, cũng không thể không nói đến trách nhiệm trong việc chăm sóc, quản lý từ phía cha mẹ mà trước đây trong kho tàng tục ngữ đã nói đến:

*"Cha mẹ ngoảnh đi, thì con
dại*

*Cha mẹ ngoảnh lại, thì con
khôn"* (tục ngữ VN).

Mặt khác, để nâng lên tính cách tuyệt vời của Đức Nhân, Đức Hiếu qua giáo lý của Phật, lời dạy đã vượt ra ngoài phạm trù ước định giữa cha mẹ và con cái, giữa bản thân và quyền thuộc, nhằm mở rộng sự toàn mãn chân thiện của một tâm hồn, đó là:

"Giới danh vi Hiếu" (Giới là Hiếu - Giới Kinh)

Như vậy, Hiếu là cội nguồn của Giới, nếu người không hiếu thảo, thì người ấy không thể giữ giới trọn vẹn và do vậy, không thể tạo tác được các pháp lành (thiện pháp). Sự thâm thúy sâu kín trên đã minh họa cho một hiện trạng xã hội hưng thịnh một nếp sống lành mạnh (Chân-Thiện-Mỹ) hay một hình ảnh suy yếu, nguy hại từ sự lo âu, sợ hãi của hôn loạn. Bởi vì, Hiếu mà ta thấy được là do "Hạnh" mà ra, còn Hiếu mà ta không thể thấy được bằng mắt, đó là "Lý của Hiếu". Vì rằng; nhờ "Lý" (ý thức chơn chánh) mà "Giới" phát sinh, nhờ "Hạnh" (hành động đúng pháp) nên "Giới" mới hiển lộ. Nếu như người chỉ có "Hạnh" mà không nương theo "Lý" thì chỉ biết hiếu thảo với cha mẹ mà không có mở rộng tình thương yêu với mọi

người, khi ấy chúng ta có thể sanh tâm bất thiện...

Do đó, ngoài tinh thần báo đáp ân nghĩa sinh thành của con cái, đã được nhắc nhớ qua lời ca dao, như:

*"Nghĩa cha sanh cùng công
mẹ dưỡng*

*Thì ngày đêm tư tưởng chó
khâu"*

*Hai công đức ấy nặng thay
Xem bằng bể rộng, xem bằng
trời cao"*

(Ca dao)

Chúng ta còn phải hiểu thêm về lời dạy của Đức Phật, không phải chỉ biết ơn và đền ơn phụng dưỡng thôi là đủ, mà tự thân có thực hiện tu tập những giới pháp của bậc Thánh để được thuần tịnh tâm tư, còn giúp cho cha mẹ biết hướng tâm về Tam Bảo, các thiện pháp, biết bố thí, có chánh kiến... để trở thành bậc thiện trí trong giáo pháp của bậc Thánh và trong đời sống hiện tại.

Giá trị đích thực của Hiếu không phải qua sự lập đi lập lại một định nghĩa nào đó, mà là ngay trong mỗi hành động ứng xử hằng ngày luôn phát tiết một cử chỉ chân thật và tôn kính, trân trọng, không giấu lại bên trong những điều bất mãn, nhọc nhằn hay một ý niệm cố gắng nào đó. Nghĩa siêu vượt về Hiếu, nó không phải là một qui định, một nghĩa vụ, một bốn phận bắt buộc, mà là phải từ nguồn mạch yêu thương chân thật từ tinh chất đạo đức giáo dục mà các bậc Thánh đã thực hiện và đề ra.

Tóm lại, Đức Phật Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni đã là một gương sáng của đức Hiếu Hạnh, đã thể hiện qua nhiều đời kiếp và cho đến đời sống cuối cùng nơi cõi đời hiện tại, khi chấm dứt con đường sinh tử, công hạnh thiêng liêng đối với cha mẹ từ muôn đời nay đã viên mãn.

Đồng thời, từ khi Đạo Phật có mặt trong đời và theo suốt dòng thời gian trên 25 thế kỷ đi qua là một nhân chứng của đạo lý tình thương, biết ơn, nhớ ơn và đền ơn. Và cũng kể từ khi giáo lý bậc giác ngộ hội nhập cùng với đạo lý dân tộc Việt Nam đến nay, đã trở thành một nếp sống mang tính đặc thù và hòa quyện suốt chiều dài lịch sử của quê hương Việt và cùng với kho tàng ca dao, dân ca dân gian thấm đậm những sắc màu tươi mát, bình an mẫu nhiệm từ bao thế kỷ xa xôi, hiện tại và cho đến vô tận mai sau.

Trung tuần tháng 7.2013



GÁNH CHUỐI CHỢ LÀNG XA

Con nhớ ngày xưa
 Vườn nhà nhiều chuối
 Chuối trở chín quày
 Mẹ đem bán chợ làng xa.
 Mẹ rọc kỷ phơi khô từng cọng chuối
 Thất vọng ru con
 Kêu kẹt tiếng ời ... à !
 Con lớn lên trong lời ru của mẹ
 Bước vào đời xuôi ngược vạn đường mây
 Tóc mẹ trắng cho xanh hồn con trẻ
 Mẹ ưu tư lo lắng những đêm ngày.
 Sự nghiệp công danh
 Dòng đời nước chảy
 Phương trời quê vẫn sáng một tâm hồn
 Con vẫn đi với cuộc đời trang trải
 Vẫn nhớ thương về tuổi mẹ hoàng hôn.
 Nhớ mái chùa nâu
 Nhớ bóng Từ Tôn
 Tiếng kinh tụng lừng thom theo lối cỏ.
 Bây giờ
 Mẹ không ru con sớm chiều hai buổi
 Không kết vồng bằng dây chuối ngày xưa.
 Nhưng mẹ vẫn chăm từng buổi chuối
 Trong lòng mẹ khi đời con có tuổi
 Con nghe nhịp đời trong nhịp vồng đong đưa.
 Đâu những cánh cò quê hương bay lá
 Dòng sông trôi chở nặng hạt phù sa
 Quanh mái nhà xưa
 Vẫn nghe chim trảo gọi
 Tiếng bông bênh trôi trong bóng nắng
 Ngoài vườn hương chuối chín
 Mẹ vẫn còn đem bán chợ làng xa.

VÀNG TRẮNG THU

Thoáng trông chiếc lá vào thu
 Chuông chùa ngân, nhớ mùa Vu Lan về
 Chạnh niềm dậm khách trời quê
 Sương mờ giăng bóng chiều lê thê buồn.
 Nắng vàng trôi khuất hoàng hôn
 Tiếng chim ngày muộn gọi hồn sương đêm
 Đời như chiếc lá bên thêm
 Xa cảnh...là để đi tìm cội xưa.
 Giờ đây mùa lại giao mùa
 Nát nguồn lệ cũ sớm trưa... cung đàn
 Đã đành thôi, chiếc lá vàng!
 Đã đành thôi gió lên ngàn chiều nghiêng.
 Đã đành giữa cõi ưu phiền
 Bến trầm luân trắng giọt triền miên rơi
 Cánh chim thông thả chân trời
 Đã không sương khói, không lời nước mây.
 Thu xưa dưới ánh trăng này
 Người buông tay giữa chợ ngày hợp tan
 Thu nay cũng ánh trăng vàng
 Kinh thom huyền diệu theo ngàn cỏ hoa.

thơ

MẶC PHƯƠNG TỬ



TU SĨ VÀ LUẬT DI TRÚ TẠI HOA KỲ

GIẢI ĐÁP THẮC MẮC (tiếp theo)

Tổng Vụ Pháp Chế GHPGVNTNHNK thực hiện

HUỲNH TẤN LÊ biên soạn



Trong bài viết hôm nay chúng tôi xin tiếp tục đưa lên đây một số câu hỏi mà hằng ngày quý Tăng Ni thường hay hỏi và cũng là thắc mắc chung của hầu hết mọi người.

Câu hỏi 6. Tôi đã có R1, đang xin I-360 thì chùa A họ cancel R1 của tôi, tôi có thể nhờ chùa B tiếp tục xin I-360 được không?

Đáp: R1 đang có Sở Di Trú (SDT) cho phép làm việc tại chùa A. Bây giờ sang chùa B việc đầu tiên là phải xin lại R1 để làm việc tại chùa B một cách hợp pháp. Tuy nhiên chùa A đã cancel R1 là một việc quan trọng. Mặc dù họ cho phép thời gian bất hợp pháp tối đa là 180 ngày nhưng phải thận trọng, nếu mới vừa cancel thì mình xin R1 tại chùa B không có gì trở ngại vì có sự liên tục. Việc tiếp theo là phải chứng minh hai năm liên tục làm việc trước ngày nộp đơn xin R1 tại chùa B. Đây là việc khó khăn vì đã cancel rồi thì làm sao chùa A chứng nhận được. Nếu có chứng nhận thì chứng nhận làm việc đến ngày họ gửi đơn lên SDT xin cancel mà thôi. Thời gian làm việc tại chùa B không thể chứng nhận được vì chưa có R1 tại chùa B. Có một lý do có thể nại ra được là Giáo Hội thuyên chuyển tôi từ chùa A sang chùa B. Điều kiện này thành công khi cả hai chùa đều đồng tình như vậy và SDT có lúc chấp thuận lúc không. Tóm lại khi không vui thì ráng tìm một chùa khác xin lại R1 cho mình trước khi xảy ra những chuyện không tốt hay về VN rồi nhờ một chùa nào đó xin R1, khi có kết quả R1, xin interview đến Hoa Kỳ lại là tốt nhất.

Câu hỏi 7. Tôi đã có thẻ xanh, muốn về VN thăm chơi, có cần xin phép gì không?

Đáp: Không cần nếu đi một hai tuần hay một hai tháng. Thật ra SDT không có một giới hạn nào về thời gian ra khỏi Hoa Kỳ nhưng căn cứ vào những câu hỏi trong mẫu N-400 xin quốc tịch Hoa Kỳ thì họ có yêu cầu ghi ra tất cả những lần ra khỏi Hoa Kỳ và hỏi là có lần nào trên sáu tháng không. Từ đó nhiều người khuyên rằng không nên ở quá sáu tháng cho mỗi lần đi. Cách an toàn nhất là sau khi có thẻ xanh xin một giấy phép Re-Entry Permit tức điền mẫu đơn "I-131 Application for Travel Document" có giá trị trong hai năm (không phải đi hai năm) và mình đi đâu trong thời gian hai năm này cho đâu có trên sáu tháng, SDT ở phi trường cũng không bao giờ nói rằng mình không còn có ý định thường trú ở Hoa Kỳ.

Câu hỏi 8. Tôi thường xuyên về VN và đi hành hương ngoại quốc, có thể xanh đúng 5 năm rồi, tôi có thể xin quốc tịch được không?

Đáp: Được, nếu tổng cộng thời gian ra khỏi Hoa Kỳ không quá 30 tháng tức một nửa thời gian 5 năm. Nếu đã đi quá 30 tháng thì chờ đợi thêm một thời gian để tính ngược lại trong 5 năm mình có đủ 30 tháng ở Hoa Kỳ rồi mới nộp đơn N-400.

Câu hỏi 9. Có thể xanh rồi, tôi muốn di chuyển đến một chùa khác để làm việc được không?

Đáp: Được, nhưng nhớ là ơn đền nghĩa trả, ai đã cứu mang mình đến đây và lo cho mình yên ổn nhất là những ngày đầu tiên chân ướt, chân ráo. Nhớ điền mẫu "AR-11 Change of Address" khi đổi địa chỉ.

Câu hỏi 10. Khi có quốc tịch tôi có thể bảo lãnh thân nhân trực hệ ở VN đến Hoa Kỳ không?

Đáp: Được, nhưng SDT cần lợi tức tối thiểu cho số thân nhân mà mình bảo lãnh, trường hợp không đủ thì có thể nhờ người làm mẫu đơn "I-864 Affidavit of Support".

Trong kỳ sau sẽ tiếp tục câu hỏi thứ 11.

Mọi sự phê bình, bổ túc, cần hỏi thêm và đề tài đề nghị xin liên lạc Tòa Soan Báo Chánh Pháp hay điện thư drlehuynh@gmail.com hoặc gửi thư về Tổng Hội Cư Sĩ Phật Giáo 1612 N. Spurgeon Street, Santa Ana, CA 92701.



ITemple: HoPhap.Net

Chư tôn đức Tăng Ni và đông đảo nhân sĩ trí thức, đồng hương Phật tử, quang lâm tham dự Lễ Tưởng Niệm 50 năm Bô tát Quảng Đức Vị Pháp Thiêu Thân tại Jerome Center, thành phố Santa Ana, ngày 23.6.2013.

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

CẢM NGHĨ VỀ Ý NGHĨA
CỦA VÔ THƯỜNG
NHÂN MÙA VU LAN*Hoang Phong*

Thiền sư Đạo Nguyên (1200-1252) là một trong những nhà tư tưởng lớn nhất của nước Nhật. Mồ côi cha từ năm hai tuổi, đến năm bảy tuổi thì mẹ lại mất. Khi nhìn thấy xác mẹ được đưa lên giàn hỏa ông đã khóc, thế nhưng có thể là ông đã không khóc như một đứa bé. Nhìn thân xác mẹ cháy trong lửa đỏ và những đám khói bốc lên, có lẽ ông đã hình dung ra cho mình một con đường. Được một người chú đem về nuôi, thế nhưng năm mười hai tuổi thì ông bỏ nhà trốn vào vùng núi Hiei đi tìm một người chú khác là một nhà sư sống trong vùng này, để xin được vào chùa.

Trong Đại Bát Niết Bàn Kinh (*Mahaparinirvana-sutra*) có một câu như sau: "Trong số tất cả các dấu chân, chỉ có dấu chân voi là to lớn nhất. Trong số tất cả những thứ suy tư, chỉ có sự suy tư về vô thường là quan trọng nhất". Tất cả mọi sự vật đều phù du. Tất cả các thứ cấu hợp đều tan rã. Tất cả những gì sinh ra đều sẽ đi đến cái chết, và cái chết thì cũng chỉ là một sự chuyển hóa trong khung cảnh của vô thường.

Kinh sách thường nêu lên bốn dấu ấn (*caturlaksana*) căn bản của toàn bộ giáo huấn Phật Giáo, đây là: tất cả mọi hiện tượng cấu hợp đều vô thường, tất cả những gì hư cấu đều khổ đau, tất cả mọi hiện tượng đều không có cái ngã, niết-bàn là an bình. Dấu ấn thứ nhất là vô thường và đây cũng chính là cái nhìn của Phật Giáo vào thế giới. Cái nhìn ấy giúp chúng ta nhận ra sự chuyển động thường xuyên và cùng khắp của mọi hiện tượng trong thế giới, và thật ra thì thế giới cũng chỉ gồm toàn là hiện tượng. Mọi hiện tượng đều xô đẩy nhau, níu kéo nhau để cùng chuyển động và xoay vần trong vòng sinh diệt.

Quá trình chuyển động, hủy hoại và sinh thành đó của mọi hiện tượng thường xuyên tiếp diễn bên ngoài thế giới và cả bên trong tâm thức của mỗi con người. Sáng sớm mở cửa nhìn ra ngoài trời, mây vẫn bay, chim vẫn hót, bước ra đường, phố chợ vẫn ồn ào. Thế giới dường như vẫn còn nguyên, vẫn giống như ngày hôm qua. Thế nhưng thật ra thì mỗi chúng ta đã lật quyển nhật ký của đời mình sang một trang mới, và pho sách lịch sử khổng lồ của vũ trụ cũng đã sang trang. Một đêm dài hay cả một kiếp người cũng chỉ như một dấu phẩy hay một dấu chấm trên dòng chữ bất tận của vô thường.

Ra đường trông thấy một cô gái thật đẹp, thế nhưng bước thêm vài bước nữa thì chúng ta cũng có thể bắt gặp một bà lão lưng còm, da nhăn và tóc bạc. Vô thường đôi khi thật lộ liễu nhưng lắm khi cũng rất kín đáo, hay ít ra cũng vượt khỏi sự suy nghĩ thường tình của chúng ta. Phật Giáo phân chia vô thường làm hai thể loại khác nhau: vô thường thô thiển và vô thường tinh tế. Vô thường thô thiển là đôi má nhăn nheo trên gương mặt của một bà lão, là

*Như những vì sao, những con ruồi đang bay hay ánh
lửa của một ngọn đèn dầu,*

*Như một ảo giác ma thuật, một giọt sương mai hay
một bọt bong bóng,*

*Một giấc mơ, một tia chớp hay một áng mây bay,
Đây là cách phải nhìn vào mọi hiện tượng tạo tác từ
những điều kiện trôi buột.*

Lời Phật dạy - Kinh Kim Cương
(*Vajracchedika prajnaparamita-sutra*)

tiếng nổ lách tách của những thanh củi đang cháy trên thân xác người mẹ của Đạo Nguyên, hay những đám khói đen bốc lên từ giàn hỏa. Vô thường thô thiển cũng có thể rất bình dị và yên lặng như một bọt bong bóng ở thêm sâu vào một buổi sáng trời mưa.

Vô thường tinh tế thì giống như một vì sao giữa trời. Hình ảnh và vị trí của ngôi sao Bắc Đẩu mà chúng ta trông thấy hôm nay là hình ảnh và vị trí của nó cách đây đã 430 năm ánh sáng. Vô thường tinh tế cũng là con ruồi đang vờn bay trước mặt, một giấc mơ đêm qua, một thoáng xúc cảm trong tim hay một niềm hạnh phúc trong lòng. Cái vô thường tinh tế cũng là những biến đổi trong từng đơn vị của tri thức trên dòng chảy của nó. Mỗi đơn vị vi tế ấy tiếp nhận các vết hằn đủ loại của nghiệp để nhào nặn chúng, tiêu hóa chúng và để chuyển sang cho một đơn vị khác. Những đơn vị ấy của dòng tri thức nối tiếp nhau để đưa chúng ta phiêu du trong giấc mơ đêm qua và trong những giấc mơ khác vào những đêm hôm trước và cả trong cơn lốc của thế giới hiện tượng đang diễn biến chung quanh chúng ta hôm nay.

Riêng vô thường hay là dấu ấn thứ nhất trong số bốn dấu ấn của giáo huấn Phật Giáo còn được phân chia thành bốn dấu ấn thứ yếu là: tất cả những gì kết hợp sẽ xa lìa, tất cả những gì sinh ra đều sẽ chết, tất cả những gì được kiến tạo sẽ sụp đổ, tất cả những gì kết hợp rồi sẽ tan rã. Tất cả bốn dấu ấn này đều là những nguyên nhân cội rễ mang lại khổ đau. Vì thế có thể bảo rằng vô thường chính là khổ đau, và nếu vô thường là bản chất của mọi hiện tượng thì khổ đau cũng sẽ cùng với mọi hiện tượng và cả vô thường bằng bạc và chuyển động trong thế giới, trong từng đơn vị vi tế của dòng tri thức cho đến từng tế bào và cả trong tâm thức của mỗi con người.

Khổ đau lại được kinh sách chia làm ba thể loại: *khổ đau của khổ đau (dukkha dukkha)*, *khổ đau vì vô thường (viparinama dukkhata)* và *khổ đau liên quan đến thể dạng trôi buột của sự hiện hữu (samskaradukkhata)*. *Khổ đau của khổ đau* là những khổ đau lộ liễu nhất và thô thiển nhất: sinh lão bệnh tử và phải kết hợp với những gì mà mình không muốn. *Khổ đau tinh tế nhất* và khó nhận thấy nhất là *khổ đau của sự hiện hữu*, đây là khổ đau vì phải hình thành trong thể dạng trôi buột tạo ra bởi tác động của nghiệp, một hình thức lo âu mang tính cách hiện sinh hay là một sự bất toại nguyên sâu xa, thường xuyên và ẩn kín về sự hiện hữu của chính mình trong thế giới luân hồi (*samsara*), nói một cách cụ thể hơn thì đây là cái khổ đau của sự biến động thường xuyên của năm thứ cấu hợp còn gọi là ngũ uẩn tạo ra một cá thể.

Khổ đau vì vô thường được xếp vào thể loại thứ hai tức là nằm vào giữa hai thể loại trên đây, đây là: phải xa lìa những gì mà mình yêu thích và không chiếm hữu hay thực hiện được những gì mà mình

thèm muốn. Chúng ta muốn được trẻ mãi, muốn giữ mãi khả năng tinh thần cũng như sự linh hoạt của thể xác, muốn những người thân sống mãi và lúc nào cũng yêu thương mình. Thế nhưng tất cả đều sẽ ra đi, tất cả đều xa lìa, tất cả đều đổ vỡ. Khi ôm hôn một đứa bé hay ẩm một hải nhi vào lòng và đồng thời nếu chúng ta cũng ý thức được rằng rồi đây chúng cũng sẽ phải đau yếu và già nua thì chúng ta lại càng cảm thấy yêu thương chúng hơn và siết chặt chúng hơn vào lòng mình. *Khổ đau của vô thường* không lộ liễu như *khổ đau của khổ đau* thể nhưng nó cũng không đến nỗi quá khó để nắm bắt như *khổ đau của sự hiện hữu*. Tuy nhiên không mấy khi chúng ta ý thức được những thứ khổ đau ấy một cách thật minh bạch, đây chẳng qua là vì thông thường chúng ta không chấp nhận hoặc không nhìn thẳng vào mặt loại khổ đau này.



Khổ đau của khổ đau là những gì không lẫn tránh được, thật vậy nào chúng ta có tránh khỏi được sinh, lão, bệnh, tử và những gì mà mình không thích đâu. Chúng ta chỉ biết tìm cách làm ngơ hoặc nhẫn nhục chịu đựng những thứ khổ đau ấy. Do đó khổ đau của khổ đau mang tính cách "thụ động" một cách khá rõ rệt. Đối với *khổ đau của sự hiện hữu* cũng thế, chúng ta không thể chối bỏ ngũ uẩn của mình được, không thể trừ bỏ để dành những lo buồn và ray rứt trong tâm thức mình. Những khổ đau ấy mang tính tự tại nơi chính sự hiện hữu của chúng ta, vì thế nó cũng là những gì rất "thụ động" mà chúng ta phải gánh chịu.

Trái lại *khổ đau vì vô thường* là thứ khổ đau khuấy động nhất, nguy hiểm nhất vì chính những thứ khổ đau ấy đã tạo ra mọi sự phức tạp và khó khăn cho toàn thể xã hội con người. Tại sao lại như thế? Bởi vì con người luôn tìm cách đương đầu với vô thường, không chấp nhận xa lìa những gì mình yêu thích và phải chiếm hữu cho bằng được những gì mình ham muốn. Con người luôn tìm cách phấn đấu dưới mọi hình thức để chống lại vô thường, thế nhưng sự chống chọi ấy chỉ mang lại tuyệt vọng mà thôi.

Nếu con người tỏ ra cam phận và nhẫn nhục trước *khổ đau của khổ đau* và *khổ đau vì sự hiện hữu* thì lại phản ứng một cách rất hăng say và tích cực trong việc đương đầu với vô thường trên mọi lãnh vực. Đây cũng là mối quan tâm và âu lo chủ yếu nhất trong mọi sinh hoạt của con người, và cũng là nguyên nhân cội rễ sâu kín nhất mang lại khổ đau cho họ.

Đang dọn bàn ăn ta thấy một con ruồi bay trước mặt, ta bèn cầm ngay một chiếc quạt và rình rập nó, chờ lúc nó đậu xuống thành bàn thì đập bẹp nó để bảo vệ lấy cái vô thường của chính mình. Vào một đêm trăng sao vắng vạc, thay vì thả hồn mình vào vũ trụ để hòa nhập với vô thường và sự vận hành của các vì tinh tú, thì ta lại cầu khẩn đủ mọi thứ, chẳng hạn như cầu xin tình yêu của một người nào đó đối với mình luôn được bền vững, và quên mất rằng các vì sao mà mình trông thấy khi ánh sáng của chúng đến được địa cầu thì một số cũng đã nổ tung và biến mất từ lâu rồi. Một buổi sáng trời mưa, khi trông thấy những bọt bong bóng ngoài sân thì thay vì liên tưởng đến cái mong manh của kiếp nhân sinh và nghĩ

rằng mình sẽ có một buổi sáng thanh thản để ngắm nhìn những giọt mưa vỡ trên thềm cửa để tìm về với chính mình, thì lại cầu nhàu oán trách nếu trời cứ mưa như thế này thì làm sao mà đi dạo phố được!

Những gì vừa nêu trên tuy thật bình dị và tầm thường thế nhưng chúng đã phản ánh một cách vô cùng kín đáo sự nắm bắt và bám víu vào "cái tôi" và cái "của tôi" mà vị đại sư Buddhadasa từng thuyết giảng. Khi nghe nói đến "cái tôi" hay

cái "của tôi" thì phản ứng của chúng ta là nghĩ ngay đến những gì thật quan trọng và nguy hiểm, thế nhưng thực ra thì "cái tôi" và cái "của tôi" ấy là những cảm tính tàng ẩn bên trong những hành động thường nhật thật nhỏ nhặt và bình dị của mình nhằm để chống lại vô thường.

Chúng ta quên rất nhanh một giấc mơ đêm qua. Thật thế không biết bao nhiêu chuyện còn đang chờ đợi mình vào ngày hôm nay. Chỉ toàn là bận rộn. Thế nhưng chúng ta cũng quên rằng tất cả những thứ bận rộn ấy lại cũng chỉ là một giấc mơ. Sự khác biệt giữa một giấc mơ và những thứ bận rộn mà chúng ta gọi là hiện thực thì cũng giản dị thôi. Trong giấc mơ chỉ có phần tri thức vẫn tiếp tục sinh hoạt, ngũ giác "ngủ yên" không tác động hoặc gần như không tác động đến sự vận hành đó của tri thức. Dòng tri thức không bao giờ ngưng nghỉ kể cả trong giấc ngủ hay sau khi chết, những gì tích tụ và lưu giữ trên dòng tri thức luôn tương tác với nhau qua một quá trình biến đổi liên tục. Trong giấc ngủ thì tâm thức được thả lỏng vì không bị những sự cảm nhận của ngũ giác tấn công nó, dòng tri thức nhờ đó sẽ làm hiện ra trong tâm thức những hậu quả phát sinh từ quá trình tương tác của những gì mà nó ghi nhận và lưu giữ được. Có những giấc mơ thật đẹp, thế nhưng cũng có những giấc mơ hãi hùng, tất cả đều phản ánh những gì mà dòng tri thức đã tồn lưu, nếu nói theo kinh sách thì đây là những vết hằn của nghiệp được ghi đậm trên dòng tri thức. Chúng hiện lên trong giấc mơ như những "tiền vị" của khổ đau mà chúng ta sẽ nếm được một cách thật sự bằng ngũ giác trong những bối cảnh thích nghi vào một thời điểm nào đó sau này.

Thật ra thì lúc nào chúng ta cũng sống trong một giấc mơ triền miên mà thôi, có lúc chỉ có dòng tri thức hoạt động làm hiện ra những giấc mơ trong khi ngủ, có lúc, chẳng hạn như khi đang thức, thì ngũ giác chen vào để khuấy động dòng tri thức đó, tấn công nó và tạo ra một trận chiến thật hỗn loạn. Những lúc mà trận chiến ấy đang bùng lên và tiếp diễn thì chúng ta gọi đây là hiện thực. Những người hành thiền thường bảo rằng khi họ tréo chân ngồi xuống trong yên lặng thì đây là cách giúp họ dẹp yên cuộc chiến ấy.

Bảy tuổi đầu khi nhìn xác mẹ trên giàn hỏa và những đám khói bốc lên thì cuộc chiến ấy cũng đã bùng lên thật mãnh liệt trong lòng cậu bé Eihei, một cuộc chiến chống lại với vô thường. Năm mười hai tuổi thì cậu bé đã hiểu được phải làm thế nào để chiến thắng và dẹp yên cuộc chiến ấy. Cậu bé Eihei sau này chính là vị đại thiền sư Đạo Nguyên.

Mùa Vu Lan, Bures-Sur-Yvette
Hoang Phong

CÓ NGHĨA CÓ NGHÌ

(Phật Pháp Thứ Năm — bài viết hàng tuần của GDPT do Nhóm Áo Lam thực hiện)



Thưa Anh Chị Em Áo Lam,

Ca dao Việt Nam có câu:

*Trai mà chí, gái mà chí**Con nào có nghĩa có nghì là hơn!*

để nói lên quan niệm “trọng nam khinh nữ” (coi trọng con trai và khinh thường con gái). Nhưng đó là thời xưa rồi, bây giờ trong xã hội, ngay trong nội các, quốc hội v.v... người nữ đã có thể vượt xa nam giới về tài năng cũng như trí tuệ - như bà Dương Nguyệt Anh, một nhà khoa học xuất sắc là một điển hình - nên không ai còn nghe các câu ca dao này nữa; nhưng trong hàng Phật tử chúng ta lại có nghe câu:

KINH PHẬT NÓI VỀ CHA MẸ VÀ VIỆC BÁO ƠN

“Người nào muốn báo ơn nghĩa to lớn cả cha mẹ, không có cách nào hơn là phát tâm Bồ đề cầu giác ngộ, rồi tìm cách hướng dẫn người thân của mình và chúng sanh đồng phát tâm Bồ đề, đó là cách báo ân rốt ráo”.

(Kinh Phương Tiện Phật Báo Ân)

“Này các tỳ kheo! Có hai người mà các thầy không thể nào đền ơn cho hết được, đó là cha và mẹ. Nếu có kẻ vai trái công cha, vai phải công mẹ, đi xa ngàn dặm, cung phụng đủ mọi thức ăn, đồ mặc, chăn nệm và thuốc thang, thậm chí cha mẹ có tiểu tiện, đại tiện trên vai đi nữa, cũng chưa trả được ân sâu cha mẹ. Các thầy phải biết, ân cha mẹ nặng lắm, bỗng bề nuôi nấng, dưỡng dục đúng lúc, làm cho ta trưởng thành. Vì thế, mà biết ân đồ khó trả. Do vậy, người con hiếu thảo muốn báo đáp công ơn cha mẹ đúng chánh pháp cần phải thực hành những việc sau đây:

- Nếu cha mẹ chưa có niềm tin, phải khuyến khích cha mẹ phát tâm tin tưởng tam bảo.
- Nếu cha mẹ xan tham, phải khuyến khích cha mẹ phát tâm bố thí.
- Nếu cha mẹ theo điều ác, phải khuyến khích cha mẹ hướng về đường thiện.
- Nếu cha mẹ theo tà kiến, phải khuyến khích cha mẹ trở về với chánh kiến.

Làm được như vậy là trả ơn cha mẹ đúng với chánh pháp, khiến cha mẹ không những được an vui trong hiện tại, mà còn gieo phước lành trong tương lai”.

(Kinh Tăng Nhất A Hàm)

*Danh mà chí, tướng mà chí,**Con nào có nghĩa có nghì là hơn!*

Ca dao tục ngữ nói lên những điều do kinh nghiệm cuộc sống đem lại cho nên nó phản ánh cuộc sống, câu nào lỗi thời thì không còn xuất hiện trên miệng của nhân gian nữa. Như vậy, tại sao bây giờ lại có câu nói này trong chúng ta? - Xin thưa là tại vì có nhiều đứa con bình thường xưng danh rất ồn ào là con cưng của cha mẹ, là cháu nội đích tôn của ông bà v.v... nhưng khi có việc cần lo cho cha mẹ, ông bà nội ngoại thì không bao giờ biết “xắn tay áo” lên mà lo, chỉ đứng ngoài nhìn và còn phá đám nữa! Những đứa con ấy bị thế gian chê cười là “con mất dạy”! Còn những đứa con được gọi là “có nghĩa có nghì” là những đứa con tuy bị cha mẹ hắt hủi bỏ bê nhưng khi cha mẹ đau ốm, già yếu... chúng tới lui thăm hỏi săn sóc tận tình không cần ai kêu gọi, mời thỉnh. Tại sao mình gọi là cha mẹ? - Vì mình mang giòng máu của họ, mình chịu chung vinh nhục, lên xuống của dòng họ v.v... chứ không phải vì mình hưởng bổng lộc của họ!

Liên hệ thực tế giữa GDPT với chư Tăng Ni, nói chung là Tăng Bảo. Chúng ta gọi chư Tăng Ni là cha mẹ không phải vì họ sinh mình ra, cũng không phải quý Thầy sáng lập ra GDPT nhưng là vì chư vị sống theo đời sống đức Phật, đáng Thế Tôn của người Phật Tử, chúng ta là con của đức Phật, muốn noi theo gương Ngài, vậy thì chư Tăng Ni chính là hình ảnh mà chúng ta phải nương tựa và học tập; đồng thời phải bảo vệ khi cần; chỉ là vì vậy thôi.

Thưa Anh Chị Em,

Nếu đã là Phật tử mà nói rằng “tôi chỉ có nhị quy chứ không có tam quy vì tôi không phục mấy Thầy” thì thật là trệt lắt! “Mấy Thầy” là ai? Nếu chỉ có cá nhân Thầy A, hay Thầy B thì đâu có phải là Tam Bảo? Tam Bảo là tập thể Tăng già sống chung với nhau trong tinh thần Lục hòa, theo mô hình như ngày xưa Phật còn tại thế. Các bạn còn nhớ câu chuyện giữa vua Tịnh Phạn và đức Phật Thích Ca khi ngài trở về kinh thành Ca Tỳ La Vệ không? Ngài ôm bình bát dẫn đầu Tăng đoàn đi khất thực từng nhà



trong kinh thành thủ đô mà vua cha của ngài cai trị. Vua không chịu nổi, ra gặp Phật nói rằng:

"Tại sao con làm như vậy, một vị vương giả lại đi xin ăn khắp thành phố, coi sao được?"

Đức Phật trả lời:

"Xin đức Vua cho phép con làm theo truyền thống của dòng họ con."

Vua ngạc nhiên:

"Dòng họ con? đó là dòng họ vua chúa, được mọi người tôn kính chứ đâu phải dòng Thủ đã la hay Ba-li-a đâu mà phải đi xin ăn?"

Đức Phật thưa:

"Đa, đó là dòng họ thế gian, còn dòng họ mà con muốn nói là dòng họ tâm linh của con, là chư Phật trong ba đời đều khát thực như vậy."

Thưa Anh Chị Em, chúng ta cũng như vậy, nói "chư Tăng Ni là cha mẹ chúng ta" là nói về dòng dõi tâm linh chứ không phải dòng dõi thế gian với họ Lê, họ Trần, họ Nguyễn, họ Lý... Do vậy, chúng ta không thể từ chối vai trò "làm con" của mình cũng như không cần tranh giành với ai làm gì! Nhưng Tăng bảo không phải là một người - cho dù người đó ở vào một chức vụ lãnh đạo cao nhất. Ngoài ra, như chúng ta đã biết, Giáo hội đầu tiên của Phật giáo chính là Tăng đoàn thời đức Phật. Như vậy, chúng ta đã rõ về ý nghĩa "cha con", về Tăng bảo, về Giáo hội v.v... Chúng ta không thể phủ nhận vai trò cố vấn giáo hạnh của chư Tăng Ni cũng như công ơn giáo dưỡng của chư vị, và chúng ta cũng không thể bảo rằng Phật giáo không cần Giáo hội hay không có Giáo hội.

Trở lại vấn đề: Cha mẹ phải như thế nào đối với con cái để con cái trở thành những đứa con "có nghĩa có nghi" mà không phải là những đứa con "mất dạy"? Tất cả anh chị em huynh trưởng chúng ta, phần nhiều đã có con cái nên đây không phải là câu hỏi khó trả lời! - Muốn cho con cái mình có hiểu, bản thân mình phải làm gương, đừng gieo vào lòng con những hạt giống thiếu giáo dục, thiếu văn hoá... mà ngược lại phải gieo trồng, nuôi dưỡng và phát triển những hạt giống nhân văn: hiểu biết, thương yêu, hiểu kính, tử bi, trí tuệ... Thật là hạnh phúc cho ai có được những bậc cha mẹ như vậy. Cha mẹ và con cái - dù là theo thế gian hay trong truyền thống tâm linh - không cần danh xưng, hình tướng gì cả, nhưng rất cần được chăm sóc lẫn nhau, trân trọng lẫn nhau như chăm sóc những đoá hoa hay thưởng thức một bức tranh nghệ thuật - mà "**những người ngoài đường**" không thể nào cho mình hay nhận từ mình được.

Thân kính chúc Anh Chị Em và tất cả mọi người luôn tâm bình khí hòa để nhận chân được ai là cha mẹ / con cái của mình và ai là "những người ngoài đường" để ứng xử đúng cách, để không có gì phải hoang mang, chao đảo, lay động v.v... và nhất là để khỏi gây tổn thương cho đàn em và cả bản thân chúng ta.

Trân trọng,

Nhóm Áo Lam



thơ

Chùa Ở Trường Sa

Chùa ở Trường Sa, Song Tử Tây
Hồn thiêng sông núi tỏa nơi đây.
Sóng nước mênh mông mà có Phật.
Làm sao nói hết nỗi vui này?

Chùa ở Trường Sa chùa Nam Yết.
Chiến sĩ nghe kinh chẳng nhớ nhà.
Chuông vọng đêm đêm hồn xứ Việt.
Ấm lòng đảo nhỏ mịt mù xa.

Chùa ở Trường Sa chùa Sơn Ca.
Thầy về đem hơi ấm cho ta.

Ngày xưa Vạn Hạnh nuôi vua Lý.
Ngày nay áo Phật giữ sơn hà.

Chùa ở Trường Sa, Trường Sa Lớn.
Đảo vắng đêm về vọng tiếng kinh.
Cảm ứng người con nơi đất mẹ.
Quốc hồn bất rỗi bởi chùa thiêng.

Chùa ở Trường Sa chùa Sinh Tôn.
Nắng vàng gió nhẹ buổi hoàng hôn.
Sải cánh chim bay về bến đò.

Có thầy nên đảo chẳng cô đơn.

Chùa ở Trường Sa chiến sĩ ơi.
Trẻ con nghe tiếng kệ vui chơi.
Thầy ngồi tĩnh tọa như sông núi.
Yên lòng theo những chuyến xa khơi.

Chùa ở Trường Sa chim lao xao.
Mơ màng linh trẻ vẫy tay chào.

Từ nay chim đến nghe kinh nhỏ.

Thương đảo mà lòng nghe nao nao.

Ngày ở Trường Sa sóng nổi lên.
Bê gào, sóng dữ những đêm đen.
Phật Bà thoáng hiện đưa tay đỡ.
Bão tố muôn đời đảo vẫn yên.

Chùa ở Trường Sa chùa Việt Nam.
Nổi dài của một dải giang sơn.

Cánh tay của Mẹ vươn ra biển.

Chùa ở muôn đời với nước non.

ĐÀO VĂN BÌNH

(24/4/2013)

(Hiện nay ở Trường Sa đã có ba chùa ở Song Tử Tây, Trường Sa Lớn, Sinh Tôn và sẽ xây thêm chùa nữa ở Sơn Ca và Nam Yết)

Nghĩ về Mẹ

VÕ HỒNG

*Xót người tựa cửa hôm mai
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ
Sân Lai cách mấy nắng mưa
Có khi gốc tử đã vừa người ôm
(Truyện Kiều)*

Tựa cửa hôm mai là lời của mẹ Vương Tôn Giả. Mẹ bảo Vương "Nhữ triều xuất nhĩ văn lai" mày sáng đi mà chiều về, "tắc ngộ ý môn nhĩ vọng" thì ta tựa cổng làng mà ngóng. Hai câu mô tả lòng mẹ thương con khi con đã lớn. Trích dẫn nguyên bản để đọc lên ta xúc cảm rằng bà mẹ đó có thật.

Truyện dân gian mô tả lòng mẹ thương con thì rất nhiều. Thứ lấy một. Người mẹ bị rắn độc cắn, biết mình sắp chết bỏ con, vội vã chạy về nhà, đổ lúa vào cối mà xay, đổ thóc vô cối mà giã, gấp gấp để cho có gạo để lại con ăn sau khi mình chết. Không ngờ huyền diệu đã xảy ra: đồn cả sức lực, bắp thịt đến rã rời, truyện kể rằng chất độc toát ra theo mồ hôi, thoát ra theo hơi thở... và người mẹ được cứu sống.

Còn nhớ truyện vua Salomon xử kiện? Hai người đàn bà tranh nhau một đứa nhỏ, ai cũng nói mình là mẹ của nó. Dùng đủ mọi lý lẽ mà không giải quyết yên, cuối cùng vua phán: "Đem đứa nhỏ ra xẻ hai, mỗi người lãnh một nửa". Một người đàn bà nói: "Dạ, thà như vậy cho công bằng". Người đàn bà kia: "Thôi, tôi xin nhường". Đó là lời của mẹ bạn đó, hồi bạn nhỏ đang lắng nghe tôi. Mẹ bạn cũng sẽ xử sự như vậy nếu bị đặt vào hoàn cảnh nêu trên.

Trường hợp này thì còn đáng phục hơn: Chàng Côđắc hỏi tiên nữ Ôcxana rằng đến khi nào nàng mới yêu chàng? Nàng trả lời rằng nàng sẽ yêu người nào đem tặng trái tim người mẹ... Chàng Côđắc im lặng, lòng đượm buồn và chẳng thiết gì ăn uống nữa. Nhưng rồi cuối cùng chàng cũng mang đến cho Ôcxana trái tim của mẹ mình.

*Đường dài chân mỏi mắt hoa
Vừa lên thềm cửa, chân sa ngã nhào*

*Tim mẹ đập, ứa máu đào
Mà còn hỏi nhỏ "Nơi nào đau, con?"*

Hỡi ơi, chỉ có trái tim người mẹ mới vị tha tới mức vẫn cứ thương đứa con bội bạc dường kia!

Tưởng cũng nên nhìn qua vài gương mẹ hiền, dạy con nên người, xả thân vì nghĩa. Mẹ Mạnh Tử chọn láng giềng tốt, cắt đứt tấm vải đang dệt trên khung để làm bài học dạy cho con. Mẹ Vương Lăng (1) với bài thơ tiễn sứ giả, mẹ Từ Thứ (2), mẹ...

Lòng mẹ đối với con như vậy, còn lòng con dành cho mẹ thì sao? Trong bốn câu thơ *Đoạn trường tân thanh* nêu trên, một câu đầu nói nỗi lòng người mẹ thì hai câu sau là nỗi lòng của con. Câu trước dành cho đứa con nhỏ tuổi là Hoàng Hưng, câu sau chọn tả nhân vật hiếu tử giả nhất lịch sử: Lão Lai. Suốt cuốn *Nhị thập tứ hiếu* là 24 gương con hiếu. Nhiều gương ngang tầm với người thường, người thường làm được. Truyện Quách Cự chôn con, được chum vàng. Trời chu đáo chôn sẵn để thưởng Quách Cự, hơi khó tin đối với chúng ta hôm nay. Có vẻ như do một thí sĩ của cung đình sắp đặt

dựng lên nhằm ca tụng vương khí của triều đại, thần linh và con người giao cảm tương thân. Riêng truyện Vương Thôi có khí vị đặc biệt. Mẹ Vương Thôi sợ sấm. Ngày thường Thôi ra đồng làm việc, mà hễ trời nổi cơn sấm sét là lật đất chạy về nhà chợp mẹ hết sợ. Khi mẹ chết rồi, mỗi lần sấm sét là Thôi lại vội vàng chạy ra ôm mộ mẹ mà nói: "Có con đây, mẹ đừng sợ". Tâm hồn Vương Thôi có cái gì chất phác đơn giản của một người nông thôn quê mùa, khiến ta tin là hoàn toàn có thật. Và không cần cố gắng, khỏi phải lý giải, hễ đọc lên là lòng mỗi chúng ta đều xúc động rung rưng.

Trong kho truyện cổ của ta có chuyện *Bát canh hẹ*. Một tù nhân một hôm nhìn vào mâm cơm thấy có bát anh hẹ liền khóc òa bảo người cai ngục: "Tôi biết là mẹ tôi vừa tới thăm tôi, nhờ ông chuyển cho bát canh hẹ này. Vì hồi ở nhà mẹ tôi thường nấu canh hẹ cho tôi ăn".

Truyện kể một vị hiền giả nọ (3), một hôm phạm lỗi bị mẹ đánh. Ông khóc tức tưởi nhiều hơn mọi lần. Mẹ hỏi: "Lần này mẹ đánh ít, sao con khóc nhiều?" Thưa: "Những lần trước mẹ đánh nhiều, ngọn roi mạnh, con khóc vì đau. Lần này mẹ đánh ít, ngọn roi nhẹ, con thấy ít đau, nhưng con biết sức mẹ đã yếu, mẹ đã già, nghĩ vậy mà con khóc". Sách vở ghi biết bao nhiêu gương hiếu.

Mà nào phải lục tìm trong cổ văn mới thấy gương mẹ hiền biết cách thương con. Mẹ của người bạn cùng quê với tôi, anh Phạm Ngọc Ân, vốn không biết chữ quốc ngữ như mọi bà mẹ thời đó. Khi





Ân học võ lòng, anh lẫn lộn M với N, P với Q... rồi sang vắn ngược thì càng tha hồ lẫn lộn. Cha giận, vừa nạt, nộ, vừa vụt roi. Mẹ thương con, lén đứng dòm, lăm nhăm nhớ để rồi bày cho con. Kết quả là bà đọc được quốc ngữ và sau đó Ân học hành giỏi, làm tới chức thanh tra giáo dục. Ân nay đã đông vầy con cháu và mẹ già đã nằm yên dưới ngôi mộ bên sườn núi Ngân Sơn.

Chỉ không lưu ý đó thôi chớ hình ảnh mẹ con diễn ra quanh ta đây đây, vạn trạng thiên hình kể sao cho xiết! Mẹ ẵm con đi chợ, mẹ bồng con đi nhà thương, mẹ dắt con đi tới trường... Trên sân: gà mẹ dẫn gà con bươi rác. Trên đồng cỏ: trâu mẹ đứng yên cho trâu con sục mồm vào bầu vú, mắt nhìn hiền từ, thỉnh thoảng liếm vai liếm lưng. Con cò luộm thuộm vụng về, cái cổ dài ngoẵng, cặp chân lêu khêu vậy mà từ lưng chừng trời xếp đôi cánh đáp xuống nhẹ nhàng cạnh bầy con, dùng cái mỏ nhọn hoắt để sù sỏ, để rìa lông âu yếm... Tình mẹ con quả là thứ tình cảm thiêng liêng khó giải khi ta nhìn cặp mắt vàng lợt đó như thiếu vắng sự thông minh, cái cổ quá mảnh quá dài làm khó khăn biết bao cho sự dẫn truyền tình cảm.

Cho chí thảo mộc vô tình cũng gợi xúc cảm mẹ con. Cây chuối mẹ và bầy chuối con xúm xít. Cây ổi mẹ và lũ ổi con ngơ ngác vậy quanh. Lũ cây con rất cần mẫn nhìn mẹ mà bắt chước, mà nhại theo hình dáng mẹ, cố gắng sao cho giống mẹ.

Trên đời không ai yêu thương ta bằng mẹ. Người tình đầu thủy chung, cũng chỉ yêu ta với điều kiện. Hoặc là ta đẹp. Hoặc là ta có tài. Mẹ thì không, xấu xí cũng thương, xấu xí càng thương như nhằm bù lại những thiệt thòi cho con, như ngầm nhận sự xấu xí là do lỗi mẹ.

Không đến nỗi quá lời nếu nói rằng với mẹ, con là tất cả. Khi có

con, mẹ bình dân vạch vú cho bú, áo xống xộc xếch, quần xắn quá đùi cũng không còn thấy ngượng. Có con là như đã có đủ rồi. Không như những bạn lấy chồng năm mười năm mà chưa có con, vẫn cứ thẹn, thùng kín đáo.

Đúng, đã có đủ rồi. Vì có con, mẹ mới yên tâm, mẹ vừa hãnh diện. Con là tác phẩm tuyệt hảo của mẹ, là báu vật thiêng liêng mà mẹ vẫn không hiểu làm sao mà mình có đủ khả năng tạo thành. Cái sinh vật nhỏ đó lần lần lớn lên, có trí thông minh, thân thể phát triển vẹn toàn để có thể sẽ trở thành danh nhân, trở thành vĩ nhân. Càng thêm hãnh diện, càng được đền bù bởi mẹ mang thân phận đàn bà, từ mới sinh ra đã chịu mọi thiệt thòi. Làm lý thời xưa khắc nghiệt bắt người đàn bà không được bước đi bước nữa, phải ở vậy thờ chồng nuôi con. Trải bao cuộc chiến tranh, bao nhiêu góa phụ chôn vùi tuổi thanh xuân, đến khi nhắm mắt xuôi tay là coi như xóa sạch cuộc đời, vĩnh viễn không còn dấu vết. Cho dầu có được sắc chỉ "Tiết hạnh khả phong" hoặc dây vòng hoa và bài ai điếu.

Rốt cuộc dường như niềm vui lớn nhất trên đời là khi sinh được đứa con. Tình yêu chồng dần dần sứt qua con và nếu gặp trường hợp đón đầu phải hy sinh đời mình để cho con sống thì hầu như mọi người mẹ đều nuốt nước mắt nhận cái chết về mình, ít cần lưỡng lự.

Nước ta có hai bậc quần thoa xuất chúng. Bà Trưng và Bà Triệu, được ca ngợi là cân nhắc anh hùng, hào quang xuyên suốt lịch sử. Nhưng không thấy sử ghi là hai bà có được đứa con. Khiến có hóm xúc cảm nhìn cảnh mẹ con vui vầy của những bà mẹ (mẹ của Quỳnh Chi, Thanh Hải, Nhật Thành...) tôi chợt ngậm ngùi nghĩ đến hai bà:

Tôi chợt nhớ về Bà Trưng, Bà Triệu

Chưa một lần được nói tiếng "con ơi!"

Vì nghĩa lớn, xả thân mình lo liệu

Phần ẵm êm: xin nhường hết cho người.

Phần ẵm êm là đứa con, là tình mẹ con, dầu rằng thế tục tầm thường nhưng không phải dễ mà có được.

Tôi, thuở ấu thơ không được sống gần mẹ, đã vậy mới mười một tuổi mẹ đã từ trần. Theo cha đến chùa một lần là nhân lễ mãn tang mẹ. Lớn lên mới biết là lễ Vu Lan báo hiếu nên cứ mỗi lần xé tờ lịch nhìn thấy ghi tháng Bảy âm lịch là lòng u hoài nghĩ đến mẹ. Có một thói thúc nhẹ nhàng, một háo hức tiềm ẩn muốn được làm một cử chỉ báo ân. Nhưng mẹ đâu còn? Đành tìm trong chỗ bạn quen thân có ba người còn mẹ già, ngày Vu Lan tự tay đem một tặng vật nhỏ, gọi là góp lời cầu nguyện cùng bạn. Rồi âm thầm nghĩ đến tích Mục Liên Thanh Đề, nhớ đến quê hương xa cách, ngôi chùa làng vắng vẻ tịch liêu. Đến ngôi mộ của mẹ tôi, của bác tôi, của ông bà tôi nằm rải rác quanh hieu nơi sườn núi cuối thôn. Đến những vị xuất gia đã cắt ái từ thân, giờ này đang trì chú hộ niệm. Nhưng cắt ái từ thân đâu có nghĩa là không nghĩ đến mẹ? Đại Đức ơi, thầy nghĩ đến mẹ tha thiết như thế nào? Hòa thượng ơi, ngài nghĩ đến mẹ bồi hồi như thế nào?

Hiện rõ mái đầu bạc phơ của Hòa thượng, chân mày sợi dài trắng xóa, đáng đứng như chòm núi cao. Như đỉnh Hy mã Lạp Sơn tuyết phủ. Đỉnh núi tuyết uy nghi có biết báo ân mẹ không? Những bụi sim quây quần dưới chân núi rì rào nhớ mẹ. Mẹ là hạt sim do con chim bay qua thả rơi xuống





đất. Cây bồ đề cổ thụ thân lớn mấy người ôm, tàn lớn phủ sườn núi cũng xào xạc nhớ mẹ. Mẹ là hột bồ đề rất nhỏ ngẫu nhiên ngọn gió bay mang tới. Nhưng hùng vĩ như Hy Mã Lạp Sơn thì mẹ là ai? Tôi đành âm thầm lắc đầu vừa tưởng như nghe âm âm những chuyển động tạo sơn quần quai dựng nên dãy núi. Thành ra núi cô đơn.

Ở nhiều nước văn minh trên thế giới, người ta thỏa thuận lấy một ngày trong năm (4) đặt là Ngày lễ Mẹ (Mother's Day). Vào ngày đó, các con dẫu ở xa cũng gắng tu hội về quanh mẹ, dâng hoa tặng quà, đọc lời chúc tụng và vui vầy tiệc tùng. Trên ngực áo mỗi người con rực rỡ một đoá cẩm chướng màu đỏ. Những người con nào mà mẹ đã qua đời thì lạnh lẽo nơi ngực áo một đoá cẩm chướng màu trắng.

Ở ta, từ thập niên 50 nhiều địa phương nhân ngày lễ Vu Lan đã tổ chức nghi thức bông hồng cài áo: ai còn mẹ thì được gắn một hoa hồng đỏ, ai mất mẹ, thì một đoá hồng trắng. Một cách để nhớ mẹ, để tôn vinh mẹ, để mừng mẹ còn tại thế, để xót xa nghĩ đến mẹ đã qua đời.

Bản thân người mẹ Việt Nam không đòi hỏi được tôn vinh. Vào thế hệ tôi, người mẹ gần như chỉ lúc thức ở nhà dưới, nhà ngang, lắng xăng suốt ngày và hạnh phúc với múi dưa, với con cháu. Cha già được thông dong ngồi hút thuốc, được thưởng thức tách trà sớm, được nhắm nhấp ly rượu buổi hoàng hôn, chớ mẹ thì gần như không biết hưởng thụ là gì.

Cả ngay khi số tuổi chồng chất, đóng vai bà nội, bà ngoại. Có một thời gian, láng giềng tôi là một gia đình giàu. Khi người vợ sinh đứa con lên bốn tháng, người ta nhả về quê nhờ bà kể mẩu già, nghèo, tối coi sóc giùm nhà. Một hôm qua khung cửa tôi thấy bà ngồi vá quần cho đứa nhỏ. Tôi ngạc nhiên bởi hồi đứng nhìn. Trẻ con dưới một tuổi lớn mau, quần áo vải mới, mặc không vừa nữa thì bỏ một chỗ, quần áo vải cũ, rách thì ném làm giẻ lau, ai hơi đâu nheo mắt ngồi vá? Thôi, hiểu rồi, tâm lý người mẹ, người mẹ nhà quê, người mẹ nghèo, tần tảo, quên mình, người mẹ của thế hệ tôi đó. Thời nay có khá hơn, có biết vị kỷ hơn, nhưng có được bao nhiêu người con, dẫu đã thành đạt, nhớ đến Ngày lễ Mẹ? Nhiều bà mẹ tôi chúc lễ kỷ niệm sinh nhật cho con hằng năm, có chụp hình... Nhưng này các con, sao sinh nhật mẹ, các con không gom một bó hoa - ngắt hoa dại trong vườn ngoài rào cũng được - sáng sớm trao tay mẹ? Nếu mặc cỡ không nói được thì có thể viết trên mảnh giấy nhỏ: "Con mừng sinh nhật Mẹ" chẳng hạn. Đó, vì đa số các con vô tâm mà phải mượn lễ Vu Lan để cài một đoá hồng.

Nhưng rằm tháng Bảy không phải chỉ là ngày nhớ mẹ, báo ân không chỉ có báo ân mẹ. Còn phần hiếu thảo dành cho cha. Rộng hơn, dân tộc ta còn nhận ngày này là ngày xá tội vong nhân, chú nguyện cho thập loại chúng sinh vừa mở rộng lòng

bổ thí cho người nghèo khó nơi dương thế. Lòng nhân ái tựa biển, tràn khắp bao la trong tiếng chuông ngân vang ngày lễ.

Hãy thương yêu mẹ hết lòng, săn sóc ân cần, hầu hạ triu mến, nhất là khi mẹ già yếu bệnh hoạn xấu xí bần thiêu. Hãy nhớ lại thuở mình còn nhỏ, mặt mũi chưa được trơn láng như hiện giờ, ia đái ngay trên mình mẹ, và khi lên năm lên mười mẹ phải chịu nhịn phần mẹ để mua món ăn ngon, sắm cái áo đẹp cho mình. Hãy xúc động sụt sùi mà cầm tay mẹ, nhìn mặt mẹ, theo dõi bước đi đáng ngời của mẹ. Không như tấm lịch đẹp treo tường, tấm năm sau sẽ thay tấm năm trước, không phải như cái bàn gỗ mộc sẽ cứ đứng mãi đó nếu ta không tự ý phế bỏ. Mẹ thì không, dẫu gỗ vững chắc nhưng sự sống vốn dễ rung rinh, chẳng chóng thì chầy, rồi cũng tới một ngày - thậm chí có thể chỉ trong thoáng chốc - ta sẽ chỉ còn thấy được mẹ trong trí nhớ.

VÕ HỒNG

(1) Vương Lăng, người đất Bái là hào trưởng trong huyện, Hán Cao Tổ lúc còn hàn vi quí Vương Lăng như anh. Khi Cao Tổ khởi binh, Vương Lăng đem quân phụ trợ. Hạng Vũ buộc mẹ Lăng phải dụ Lăng về với mình. Mẹ Lăng tiền sử già, khóc nói: "Nhờ ngài nhả giùm Lăng một câu: Hãy cứ hết lòng theo phò Hán Vương, đừng vì ta mà sinh nhị tâm". Nói xong cầm gươm tự đâm chết (Hán sử)

(2) Từ Thứ quê ở Dĩnh Châu là bậc kỳ tài theo phò Lưu Bị. Tào Tháo mời mẹ Từ Thứ đến Hứa Đô tiếp đãi trọng hậu và khuyên bà viết thư gọi Từ Thứ về giúp Tào. Bà lớn tiếng mắng Tào là phản tặc rồi ném nghiên mực vào mặt Tháo. Tào Tháo muốn giết nhưng tả hữu can. Sau đó mưu sĩ của Tháo đã giả nét bút của bà viết thư cho Từ Thứ báo tin mình bị giam cầm và gọi Từ Thứ về hàng Tào. Vì hiếu, Từ Thứ về Hứa Đô gặp mẹ. Biết cả mẹ con cùng bị lừa, bà đã uất hận mắng Từ Thứ là ngu phu không biết phân biệt giả chân rồi quay khuất sau bình phong treo cổ tự ai.

3) Hàn Bá Du.

4) Ngày chủ nhật thứ nhì của tháng năm.

Câu chuyện về lòng biết ơn Mẹ

TÂM MINH NGÔ TÀNG GIAO

Một chàng trai trẻ học xong bậc đại học rất xuất sắc. Chàng nộp đơn xin vào một chức vụ quản trị viên trong một công ty lớn. Chàng ta vượt qua được đợt phỏng vấn đầu tiên. Đến lượt Ông giám đốc công ty đích thân thực hiện cuộc phỏng vấn cuối cùng để có quyết định chốt.

Ông giám đốc nhận thấy trong học bạ của chàng trai trẻ kết quả học hành tất cả đều rất tốt, liên tục từ bậc trung học cho tới các chương trình nghiên cứu khi lên đại học và sau nữa. Không một năm học nào mà anh chàng này không hoàn thành tốt đẹp.

Ông giám đốc hỏi:

"Anh có được hưởng học bổng nào khi còn theo học hay không?"

Chàng trai trẻ trả lời:

"Thưa không!"

"Như vậy là Cha anh trả học phí cho anh đi học hay sao?"

"Thưa Cha tôi đã qua đời khi tôi vừa mới được một tuổi. Chính Mẹ tôi mới là người trả học phí cho tôi."

Ông giám đốc lại hỏi:

"Thế Mẹ của anh làm việc ở nơi nào?"

"Thưa Mẹ tôi làm công việc giặt giũ quần áo để kiếm sống."

Ông giám đốc bảo chàng trai trẻ đưa đôi bàn tay của chàng cho ông xem. Chàng đưa cho ông ta coi thấy cả hai bàn tay chàng đều mịn màng và toàn hảo. Ông giám đốc hỏi:

"Vậy thì từ trước tới nay anh có bao giờ giúp Mẹ anh giặt giũ các áo quần không?"

"Thưa chưa bao giờ. Mẹ tôi luôn luôn bảo tôi phải lo học hành cho chăm chỉ và phải đọc sách vở thêm cho nhiều. Hơn nữa, mẹ tôi giặt giũ quần áo nhanh hơn tôi."

"Tôi có một yêu cầu thế này nhé! Hôm nay khi trở về nhà, anh hãy tôi giúp Mẹ anh lau đôi bàn tay của bà cho sạch sẽ, và rồi sáng ngày mai anh đến gặp lại tôi."

Chàng trai trẻ có cảm tưởng là mình có rất nhiều hy vọng sẽ được tuyển dụng vào làm chức vụ này. Khi quay trở về nhà, chàng ta sung sướng chỉ muốn xin được lau rửa đôi bàn tay của bà Mẹ. Mẹ chàng cảm thấy lạ lùng và có cảm

giác vừa vui sướng mà cũng vừa lo ngại, bà đưa đôi bàn tay cho con trai.

Chàng trai trẻ chậm rãi lau sạch đôi bàn tay của Mẹ mình, vừa lau vừa nhỏ đôi dòng nước mắt. Đây là lần đầu tiên chàng mới có dịp nhận thấy đôi bàn tay của bà Mẹ chàng quá nhăn nheo và đầy những vết bầm tím. Một vài vết bầm tím gây ra đau nhức mạnh khiến cho bà phải rùng mình khi được lau rửa bằng nước.

Đây là lần đầu tiên mà chàng trai trẻ nhận thức ra được và cảm thông rằng từ bao lâu nay chính đôi bàn tay giặt giũ quần áo hằng ngày này đã giúp trả tiền học hành cho chàng. Những vết bầm tím trong đôi tay của Mẹ là cái giá mà Mẹ chàng đã trả cho chàng được tốt nghiệp, trả cho những kết quả học hành xuất sắc của chàng và có lẽ cho cả cái tương lai sẽ tới của chàng nữa.

Sau khi lau sạch đôi bàn tay của Mẹ mình, chàng trai trẻ lặng lẽ lo giặt hết phần quần áo còn lại thay cho Mẹ. Đêm hôm đó, bà Mẹ và chàng con tâm sự với nhau thật là lâu.

Sáng sớm ngày hôm sau, chàng trai trẻ đi tới văn phòng của Ông giám đốc. Ông giám đốc nhận thấy những giọt nước mắt còn chưa ráo hết trong mắt của chàng. Ông hỏi:

"Anh có thể nói cho tôi biết vào ngày hôm qua ở nhà, anh đã làm những gì và đã học được những điều gì hay chăng?"

"Tôi đã lau rửa sạch sẽ đôi bàn tay của Mẹ tôi, và cũng đã giặt giũ hết phần quần áo còn lại."

"Hãy nói cho tôi biết cảm tưởng của anh ra sao?"

"Thứ nhất, tôi hiểu ra được thế nào là ý nghĩa của lòng biết ơn. Không có Mẹ tôi, tôi không thể là một con người thành đạt được như ngày hôm nay. Thứ hai, tôi biết cách hợp tác cùng làm việc với Mẹ tôi, và chỉ tới giờ đây tôi mới nhận thức được rằng thật gian khó và khổ nhọc để hoàn tất một công việc gì đó. Thứ ba, tôi hiểu được ra cái tầm

mức quan trọng và cái giá trị của mối liên hệ gia đình."

Ông giám đốc nói:

"Đây là những gì mà tôi cần đây! Tôi muốn tuyển dụng vào chức vụ quản lý một người phải biết quý trọng sự giúp đỡ của những người khác, một người cảm thông sự khổ nhọc của những người khác để hoàn thành nhiệm vụ, và một người không chỉ nghĩ đến tiền bạc như là mục tiêu duy nhất trong cuộc đời. Em được tuyển nhận!"

Về sau này, chàng thanh niên trai trẻ này làm việc rất hăng say, và được các nhân viên dưới quyền của chàng kính trọng. Tất cả nhân viên làm việc siêng năng và hợp tác với nhau. Công ty mỗi ngày một phát đạt thêm rất nhiều.

Một đứa trẻ được che chở và có thói quen muốn thứ gì được thứ đó thời đứa trẻ sẽ phát triển "trạng thái tâm lý quyền lực" và nó sẽ luôn luôn chỉ nghĩ đến bản thân nó trước hết. Nó sẽ không màng tới các nỗ lực của cha mẹ nó.

Khi khởi sự làm việc, nó cho rằng mọi người phải nghe theo lời nó; và khi nó trở thành một quản trị viên, nó có thể sẽ không bao giờ biết đến sự gian khó của các nhân viên dưới quyền và luôn luôn trách cứ người khác.

Đối với hạng người này, họ có thể đạt được kết quả tốt, có thể gặt hái được sự thành công trong một thời gian ngắn, nhưng cuối cùng thật sự họ sẽ không bao giờ cảm nhận được ý nghĩa của sự thành tựu. Họ sẽ cầu nhau, chắt chiu oán ghét và đấu tranh để có được nhiều thêm nữa.

Nếu chúng ta thuộc vào loại cha mẹ chuyên bao che cho con cái như thế này, xin nghĩ lại phải chăng chúng ta đang thương yêu đứa trẻ hay là đang hủy hoại chúng?

Bạn có thể cho con cái bạn sống trong một căn nhà to lớn, ăn uống đầy đủ ngon lành, lại học chơi cả đàn dương cầm, xem TV với màn ảnh rộng. Nhưng khi bạn cắt cỏ ngoài vườn, xin bạn vui lòng cho chúng cùng biết cách tham gia làm công việc đó. Sau một bữa ăn, hãy để chúng tự rửa bát đĩa của chúng nó cùng với các anh chị em khác nhé!

(phóng tác theo "STORY OF APPRECIATION, tác giả vô danh)

Nụ hoa Hiếu hạnh

TN. CHÚC HIẾU



Những ngày cuối tuần không đi học, Hòa Tâm thường một mình vào chùa để dạo bộ trong vườn, ngắm những cành hoa cúc, hoa lan tươi màu khoe sắc thắm, để buông thả tâm hồn theo tiếng kệ lời kinh... Đây mới là những giây phút tuyệt vời mà Hòa Tâm cảm nhận được trong cuộc sống.

Một mùa Vu lan nữa lại về. Cũng vào ngày cuối tuần, Hòa Tâm lại theo thói quen vào dạo bước trong vườn hoa của ngôi chùa gần nhà. Lần này, Hòa Tâm bấm đốt ngón tay thì mới hay đã hai mươi mùa Vu lan rồi, Hòa Tâm chưa có dịp về lại chùa quê mình dự lễ. Nắng chiều hôm nay sao âm ỉ quá, nhìn cây hoa sứ trước sân chùa một lần nữa chuyển mình thay áo mới, nhìn những hạt mưa li ti bắt đầu lất phất bay theo những làn gió êm dịu rơi rớt trước mặt, càng khiến lòng Hòa Tâm nao nao khó tả... Tuy xa quê, xa người thân, bạn bè, nhưng Hòa Tâm không cho phép mình quên bất cứ mùa Vu lan nào. Bởi trong Hòa Tâm, Vu lan vừa là hình ảnh đẹp, vừa mang một ý nghĩa thiêng liêng, giúp cô trở về nguồn cội tổ tiên và nơi đó có một khung trời tuyệt đẹp của tuổi thơ mà Hòa Tâm không thể nào quên...

Con đường nhỏ, hai bên là hai hàng dừa nghiêng nghiêng soi bóng xuống dòng sông. Đi sâu vào cuối đường là thấy ngay một ngôi chùa đơn sơ nằm soi bóng lung linh bên dòng sông nhỏ, là bến tụ hội của đám trẻ con làng tôi mỗi khi chiều tan học về.

Tối đến, bọn trẻ chúng tôi lại rủ nhau đến chùa tụng kinh, bởi đứa nào cũng lớn tiếng nên hầu như tiếng tụng kinh của đám Phật tử nhí chúng tôi luôn át cả tiếng của quý thầy. Sau thời Tịnh độ, thỉnh thoảng thầy lại hay giảng pháp cho bọn trẻ nghe và chất vấn giáo lý. Ai trả lời đúng thì được Thầy phát thưởng bằng những lộc Phật như bánh, trái cây v.v... khiến đứa nào cũng thích thú và háng say về chùa tụng kinh, nghe giảng.

Lễ Vu lan năm ấy, thầy truyền Tam quy Ngũ giới cho cả đám con nít chúng tôi và trên ngực áo mỗi đứa đều được cài một đoá hoa hồng đỏ bằng vải tươi thắm. Thầy còn giải thích cho chúng tôi hiểu ý nghĩa Vu lan và ý nghĩa cài hoa hồng. Khi Thầy vừa giải thích xong ý nghĩa các loài hoa hồng, thì bỗng một bạn trong nhóm la lên thật lớn: "Mô Phật thưa Thầy, bạn Hòa Tâm đã mất mẹ rồi mà sao vẫn cài hoa hồng đỏ, như vậy là không đúng ý nghĩa." Thế là cả mấy chục cặp mắt đều đổ dồn về phía Hòa Tâm và nhìn bạn ấy một cách khác lạ. Tôi thấy Hòa Tâm không nói gì mà đôi mắt chỉ rơi lệ buồn và cúi mặt xuống chẳng nhìn ai. Lau khô dòng lệ, Hòa Tâm ngước lên nhìn mọi người và tỏ vẻ tha thiết nói rằng: "Các bạn ơi, cài hoa màu gì thì không quan trọng mà quan trọng hơn hết, các bạn chính là những người hạnh phúc nhất khi còn được sống trong vòng tay ấm áp của ba mẹ, hãy trân trọng giữ gìn điều thiêng liêng ấy, bởi mất đi rồi suốt cuộc đời sẽ không tìm lại được."

Nói rồi, Hòa Tâm lại rơi lệ và lặng lẽ đi ra ngoài. Lúc đó không hiểu sao, tôi cũng chạy theo và đi một bên Hòa Tâm. Hai người không nói gì mà chỉ lặng thinh bước đi quanh dòng sông nhỏ. Đi một lát, Hòa Tâm mới quay sang nói: "Mình đã được thầy dạy rằng 'Làm con biết sống ngoan hiền, hiếu thảo tức là ý nghĩa Vu lan.' Nhưng mình lại vô phước bởi mẹ sớm qua đời. Còn ba một thân đơn chiếc tần tảo nuôi mình ăn học. Nhiều khi thấy ba quá cực nhọc, thương ba quá mình chẳng biết làm sao, chỉ biết cố gắng học tập chăm ngoan cho ba vui lòng. Mỗi khi mùa Vu lan về, mình luôn muốn cài lên áo chiếc hoa hồng đỏ để tưởng nhớ về mẹ và muốn được một lần dù chỉ sống trong mơ là được tự hào khi mình đang còn mẹ. Những lúc đó, mình đều luôn đến bên ba và nói rằng: 'Ba ơi, thầy con dạy

rằng con ngoan trò giỏi chính là ý nghĩa hai chữ Vu lan.'"

Nghe những lời Hòa Tâm tâm sự, tôi mới hiểu ra tâm tình của một người bạn dễ thương, luôn sống trầm tư này. Thì ra hằng ngày, Hòa Tâm luôn sống ngoan hiền, học giỏi là vì lúc nào trong tâm trí Hòa Tâm cũng sống đúng với hai chữ Vu lan mà thầy đã dạy.

Lúc bấy giờ, chắc có lẽ các bạn đã được thầy giải thích rõ mọi điều, nên thế là cả đám đều ào ra và chạy đến bao vây xung quanh Hòa Tâm, mỗi người đều tặng cho Hòa Tâm một cành hoa hồng tươi thắm và đồng thanh chúc mừng Hòa Tâm xứng đáng là nụ hoa hiếu hạnh như lời thầy đã dạy.

Kỷ niệm ngày Vu lan hôm ấy đối với Hòa Tâm quả thật là khó quên. Dù năm tháng qua đi và Hòa Tâm bây giờ đã lớn khôn, đã rời xa làng quê thân thương để theo ba đi sinh sống và học tập nơi khác. Nhưng mỗi năm khi mùa Vu lan trở về, Hòa Tâm lại ao ước được về chùa làng quê mình để cùng bạn bè đón Vu lan và đặc biệt là được nhận những cành hoa hồng tươi thắm từ tay các bạn nhỏ thân thương.

Năm ấy, Hòa Tâm đã thật sự trở về quê dự lễ Vu lan nhưng không còn được gặp tất cả bạn nhỏ ngày xưa. Tôi cho Hòa Tâm hay tin các bạn bây giờ mỗi người một hướng, người thì đã lập gia đình, người thì vì hoàn cảnh phải đi làm xa, người thì đi học tiếp ở các tỉnh ngoài v.v... Thế rồi tôi và Hòa Tâm cùng ra bờ sông bên chùa ngắm nhìn đám lục bình trôi. Không ai nói gì, nhưng chắc chắn trong lòng Hòa Tâm bấy giờ cũng giống như tôi, cũng mang một nỗi buồn man mác, trống trải, cảm giác thiếu vắng một cái gì đó thân thiết không diễn đạt được thành lời... Bất giác, tôi thấy Hòa Tâm chấp tay nguyện cầu: "Cầu mong các bạn nhỏ ngày xưa của tôi đều thành tựu chí nguyện và đặc biệt là luôn sống đúng với ý nghĩa hai chữ Vu lan mà thầy đã dạy."

Vừa lúc ấy, có một em nhỏ ôm bó hoa sen vào cúng Phật nhân

ngày lễ Vu lan. Nhìn em dễ thương, tôi vội hỏi: “Em dâng hoa cúng lễ Vu lan mà em có hiểu gì về ý nghĩa hai chữ Vu lan không?” Nhìn em lặng yên, tôi liền đem kiến thức học được của mình giải thích cho em hiểu. Vu lan là tiếng gọi tắt của Vu lan bồn, Trung Hoa dịch là giải đảo huyền, nghĩa là cứu tội người bị treo ngược chân lên trời, đầu xuống đất ở địa ngục... Nhưng càng nói, tôi càng thấy cô bé tròn xoe đôi mắt nhìn tôi, tỏ vẻ không hiểu điều gì. Một lát, cô bé mới nói lớn: “Từ lâu em đã hiểu thế nào là Vu lan rồi. Làm con biết sống ngoan hiền, hiếu thảo với ba mẹ là Vu lan chứ gì! Và em bây giờ lúc nào cũng vâng lời cha mẹ, học giỏi nữa đây... Dễ như thế mà chị nói chỉ dài dòng quá, em không hiểu gì hết.”

Quả thật, đã nhiều năm dài trôi qua rồi, tôi và Hòa Tâm mới được nghe lại cách giải thích Vu lan kiểu như ngày xưa chúng tôi còn bé. Hòa Tâm quay sang nói với tôi: “Một cách giải thích ý nghĩa Vu lan không sát nghĩa theo kinh điển của Thầy mình, nhưng đó chính là phương tiện giúp cho tuổi thơ hiểu về ngày Vu lan Báo hiếu một cách thiết thực, đầy tính nhân bản, là động lực giúp các em biết sống chăm ngoan và hiếu kính cha mẹ nhiều hơn.”.

Tôi nhìn Hòa Tâm lòng đầy hoan hỷ, pha lẫn cảm phục. Khúc nhạc tình người thuở ấu thời lúc này chợt tấu lên những cung bậc thân thương. Khung trời thơ mộng ngày xưa bỗng sống dậy và càng vui hơn khi em bé vừa rồi chạy ra tặng chúng tôi mỗi người một cành hoa hồng tươi thắm. Tôi nắm tay em, hỏi tại sao và làm thế nào em có được hoa hồng để tặng. Em liền nhanh nhẹn nói với chúng tôi rằng: “Em để dành tiền bố mẹ cho, mỗi năm em mua một ít hoa hồng để tặng các bạn thân trong lớp học, mừng ngày Vu lan Báo hiếu...” Chúng tôi chỉ còn biết cười hoan hỷ và cảm nhận một cách thân thương tình thân hiếu hạnh của em.

Hòa Tâm trở về nhà. Tôi ở lại dõi theo bước bạn đi mà thấy lòng thương nhớ. Lúc này tôi mới biết được bạn ấy bây giờ là một bác sĩ nổi tiếng và là một Phật tử hộ pháp rất nhiệt tình trong mọi Phật sự của các chùa. Thật cảm phục người bạn của mình đã sống đúng với ý nghĩa Vu lan và xứng đáng là nụ hoa hiếu hạnh đang dần dần nở hoa thơm ngát cho đời.



Nhớ Mãi Lời Thầy

*Từ đạo ấy lên chùa Quy-y Phật
Con cúi đầu đánh lễ xuất gia
Nương bóng thầy tìm thoát cảnh Ta-bà
Ân pháp vũ tưới hồn con sương lạnh.*

*Thầy đã gieo vào lòng con thông điệp
Biết làm người biết hiếu nghĩa mẹ cha
Hãy nương theo giáo lý Phật-đà
Và con nhé, đừng bao giờ bội ơn!*

*Đường thiên lý áng mây chiều chập choạng
Con tha hương viễn mộng âm thầm
Nơi quê nhà thầy thức với vầng trăng
Nghe bông khế trước hiên chùa nhẹ rơi.*

(điệp khúc)

*Từ đạo ấy lên chùa Quy-y Phật
Con cúi đầu đánh lễ xuất gia
Nương bóng thầy tìm thoát cảnh Ta-bà
Ân pháp vũ tưới hồn con sương lạnh.*

*Thầy đã gieo vào lòng con thông điệp
Biết làm người biết hiếu nghĩa mẹ cha
Hãy nương theo giáo lý Phật-đà
Và con nhé, đừng bao giờ bội ơn!*

*Con vất vẻo gánh đường đời xuôi ngược
Những lời khuyên thầy dạy hôm nào
Nương theo thầy con tắm ánh trăng sao
Con quỳ lạy ân mệnh mông trời biển...*

HÀN LONG AN

Rằm tháng Bảy Vu Lan – Mùa Hiếu Hạnh...

PHÙ DU MÂY TRẮNG

Cũng tháng này năm trước tôi mất Mẹ... Mẹ ra đi trong mùa Vu Lan tháng hội, gần một năm sau khi Ba tôi qua đời và tôi cũng bắt đầu thấm thía ý nghĩa của bài hát *Bông Hồng Cài Áo* hơn... Hạnh phúc thay những ai còn đấng Sinh Thành và cũng tủi xót thay cho những người mất Ba Mẹ nửa đời, để mỗi khi tưởng nhớ, chỉ còn lặng lẽ rót nước mắt mà ước ao rằng "Ước chi ta còn Ba còn Mẹ nhỉ"...

Ngoại trừ đất đá, cỏ cây và kẻ vô tri, còn vạn vật từ con người đến muông thú, đều do Mẹ cư mang và sanh thành. Cho nên tại tâm tưởng của tất cả mọi người, trong tiềm thức mờ hồ hay hiện thực, hình ảnh về Mẹ vẫn luôn tuyệt đẹp, thật sáng ngời đáng để chúng ta tôn thờ và triu mến, dù rằng *"công cha như núi Thái Sơn"* còn Mẹ hiền, thì dù sao cũng chỉ là *"như nước trong nguồn, như chuối ba hương, như xôi nếp mật và như đường mía lau"*...

Cho nên người đời ai cũng cần có mẹ, dù là trẻ thơ hay người trưởng thành. Những đứa trẻ mồ côi mất ba mất mẹ, cho dù có được người thân còn lại cưng chiều lo lắng, nuôi dưỡng tử tế cho biết mấy, lớn lên cũng cảm thấy tâm hồn khô cạn và héo mòn. Tôi nhớ có bài ca dao viết rằng *"mồ côi Ba ăn cơm với cá, nhưng mồ côi Mẹ thì lót lá mà nằm"*... Tại sao thế nhỉ, có lẽ là do tấm lòng mẹ hiền lúc nào cũng quan tâm chăm sóc tỉ mỉ, vì đó cũng là thiên tính của người mẹ...

Tóm lại Mẹ là cội nguồn của mọi tình cảm yêu thương trên đời. Mẹ cho chúng ta biết thế nào là ngọt bùi ấm lạnh. Mẹ là nguồn thương yêu cao cả của kiếp nhân sinh... Mẹ là người cứu mang chín tháng mười ngày đẻ đau cực khổ nuôi con, nói sao cho hết những ân nghĩa tình thương của mẹ... Mẹ ơi, mùa Vu Lan năm nay lại về... Nhớ năm nào cũng vào mùa Vu Lan tháng Bảy này, tôi đã vui mừng xúc động khi được cài hoa hồng đỏ lên áo khi theo Mẹ lên chùa lễ Phật, tôi đã hân hoan xiết bao khi tôi mất Ba nhưng còn có Mẹ trên đời. Nhưng nay Mẹ không

còn nữa và tôi chỉ còn nhận được một hoa hồng trắng. Tôi chỉ có một nén tâm hương dâng lên Ba Mẹ, cầu nguyện chư Phật từ bi gia hộ cho hương linh Ba Mẹ sớm về cõi an lành siêu linh Tịnh Độ.

Tôi đã thấm thía nỗi đau nào hơn khi không còn Ba còn Mẹ. Dù còn nhỏ hay khôn lớn tôi vẫn thích như trẻ thơ nũng nịu bên Mẹ những lúc đi làm về mệt mỏi hay có phiền phức, căng thẳng trong công việc để được Mẹ vỗ về khuyên nhủ những lời mật ngọt làm tôi ấm lòng. Ba tôi thì rất nghiêm khắc nhưng Mẹ tôi thì rất đối dịu hiền, chưa bao giờ tôi nghe Mẹ tôi nói lớn tiếng với ai cả... Lắm khi tôi biết Mẹ có nhiều việc không vui, nhưng không bao giờ Mẹ than phiền với ai hết, chỉ có ánh mắt Mẹ gợi thoáng một chút buồn mà thôi. Tôi rất nhớ Mẹ nhưng mà tôi cũng rất cảm ơn Mẹ đã cho tôi một món quà rất ý nghĩa khi Mẹ ra đi vĩnh viễn. Bởi vì Mẹ mà tôi mới được biết đến ngôi Thiên Lâm nhỏ bé nhưng ấm cúng Duy Mãn này và Thầy trụ trì cùng với những quý Thầy trú xứ tại nơi đây...

Tôi lúc đó cũng chưa quy y Tam Bảo, chưa thọ trì Ngũ Giới, chưa biết nhiều về Phật Pháp, ngoài trừ những lần chớ Mẹ đi chùa và đầu đó đọc vài quyển kinh sách và Phật Học. Gia đình tôi cũng hơi đặc biệt, bên nội chúng tôi theo Thiên Chúa Giáo, bên ngoại lại thiên về Phật Giáo. Bà Hai, chị của bà Ngoại của tôi là một Ni Trưởng trụ trì một ngôi Già Lam khá lớn ở Sài Gòn, còn Bà Ngoại thì ăn chay trường tu tại gia... Mẹ tôi tin Phật, tin Nhân Quả cho nên tôi cũng có chút thiện duyên quen biết và gần gũi ít nhiều với ngôi Tam Bảo. Nhưng thú thật là tôi lúc đó cũng có chút ngã mạn, vì nhân duyên bao kiếp trước cho nên tôi mặc dù còn trẻ nhưng đã tương đối tạm khá thành công trên đường đời... Nhưng dù sao đi nữa tôi cũng như Mẹ, tin Phật tin Nhân Quả và Mẹ đã gieo trồng trong tôi những hạt giống bồ đề mà chỉ

đợi đúng nhân duyên chín muồi sẽ nảy mầm tăng trưởng...

Tôi còn nhớ rất rõ, ngày ấy California trời rất ấm nóng với những cơn gió khô thổi mạnh từ sa mạc về... Tôi vừa mới mất Mẹ và đang rất lạc lõng... Tang gia bối rối, tôi được giao nhiệm vụ lo tang lễ cho Mẹ theo nghi thức Phật giáo. Hình như là trong cõi vô thường này Mẹ và gia đình tôi có chút thiện duyên với Thầy cho nên khi nghe người bạn tôi ở nhà quán Peek Family giới thiệu là chúng tôi hoan hỷ không phân vân mà cung thỉnh Thầy lo cho Tang Lễ của Mẹ, mặc dù trước đó chúng tôi chưa bao giờ được biết hay nghe đến ngôi Già Lam này cả.

Một ngôi Thiên Lâm, bề ngoài khiêm tốn nhỏ bé đơn sơ nhưng sau khi đặt chân vào, tôi có một cảm giác rất ấm cúng và linh thiêng thành kính... Và rồi Thầy trụ trì, thật hiền lành, thật từ ái, thật gần gũi làm cho gia đình tôi lần đầu tiên ghé thăm lại cảm nhận được sự tin tưởng, an ủi và cảm thông từ Thầy mặc dù chúng tôi đang rất hụt hẫng như mất điểm tựa và đang rất buồn đau... Để an ủi những đứa con vừa mất mẹ, Thầy đã hái đóa hoa ngọc lan cuối mùa cuối cùng tặng cho chúng tôi – một món lộc chùa nhỏ nhỏ mà không bao giờ chúng tôi



quên được. Đóa hoa ngọc lan thanh cao đơn giản nhưng thơm tho tinh khiết như ngôi Thiền Lâm và Thầy.

Thầy đã hết lòng chu đáo lo cho Tang lễ Mẹ, chỉ dạy cho gia đình chúng tôi, những Phật Tử mới chấp chứng ở ngưỡng cửa Đạo, những lời dạy quý báu, làm hành trang cho bước đầu "Hư Tâm Học Đạo"... Theo lời Thầy khuyên, gia đình anh em chúng tôi phát nguyện ăn chay bốn mươi chín ngày để tỏ lòng hiếu thảo và cố gắng trì tụng kinh Địa Tạng cho lễ Thất Tuần Cầu Siêu Hương Linh Mẹ. Rồi sau đó, tôi cũng tiếp tục phát nguyện ăn chay một trăm ngày, rồi ba tháng, rồi từ từ kéo dài ra mãi đến giờ...

Sau này tôi nhờ cơ duyên đưa đẩy cho nên cũng biết thêm là đối với tất cả mọi người, Thầy đều bình đẳng, cũng đều tận tâm lo lắng chu đáo, không bao giờ phân biệt giàu hay nghèo, địa vị cao hay thấp, sang hay hèn... Thầy chỉ biết lo cho Phật Pháp, cho Chùa, cho quý Tăng Ni chúng đồng tu, cho Phật tử, chưa bao giờ tôi thấy Thầy lo nghĩ cho bản thân Thầy. Lần đầu tiên gặp Thầy, cũng là lúc Thầy còn rất bận rộn xây chánh điện. Sức khỏe Thầy không tốt nhưng Thầy chẳng bao giờ ngại nặng nhọc hay dơ bẩn khó khăn, hầu như việc gì Thầy cũng đều cố gắng tự tay làm, bởi vì Chùa còn nghèo, còn thiếu thốn đủ thứ... Nhưng thiếu gì thì thiếu, nhưng Phật Pháp và tình thương ở ngôi Già Lam này thì tràn đầy không thiếu... Thầy không bao giờ khoe khoang, hay than thở hoặc cầu cạnh ai. Thầy rất ít nói, chỉ trừ khi nói về Phật Pháp thì gương mặt Thầy bừng sáng hẳn lên, Thầy trở nên linh động và giọng nói thật hùng biện tràn đầy sức thuyết phục. Lúc đó Thầy không còn bị bó buộc trong khuôn mẫu nữa, phong cách Thầy bình dị nhưng chân thật, tự nhiên nhưng cuốn hút làm người nghe Pháp toàn tâm tin tưởng. Thầy trong tâm thức tôi đúng là một vị hiền tu chân chính, là người tôi rất đối kính thương...

Bởi vì *"Thân Người khó có được; Phật Pháp khó được nghe; Duyên Tạng lành khó gặp; đất Phật khó được sanh"* cho nên có cơ duyên gặp được Thầy trong đời này thì khó khăn trăm vạn lần nên tôi phải thật trân quý những ngày tháng hiếm hoi này. Cho dù mai sau, nhân duyên thay đổi

hay đưa đẩy, tôi có thể không còn cơ hội gần gũi tới lui thăm hỏi ngôi Già Lam nhỏ bé này và Thầy Trụ trì nữa nhưng ở trong lòng tôi, hình ảnh Thầy quý yêu vẫn mãi tồn tại cũng như Phật Pháp tôi vẫn mãi tôn kính.

Nhờ quen biết Thầy, tôi bắt đầu học Phật Pháp tinh tấn hơn và cố gắng tu tập để trở thành người tốt hơn... Tôi trở nên trầm tĩnh và kiên nhẫn hơn ngày xưa nhiều lắm. Và vì hiểu câu *"Oan ức không cần biện bạch"* mà có lần Thầy đã nói cho nên tôi cũng ít nói hơn và nhận nhận không tranh cãi đua đòi hơn thua nữa, dù có lúc bị hiểu lầm bị oán trách hoặc bị chế bai... Đường ta, ta cứ đi, cố gắng tu tập, cứ ngẩng mặt nhìn thẳng giữ gìn thật đúng với ý nghĩa chân thật của Tam Quy Ngũ Giới để không hổ thẹn và không cần rút với lương tâm. Đầu đó, những lần hiếm hoi lên chùa ngồi nói chuyện hay uống trà cùng Thầy, tôi đã thấu nhất được những lời khuyên quý báu... Vì Thầy là người tu Thiền cho nên những lời nói của Thầy rất đơn sơ nhưng sâu sắc chứa đựng nhiều huyền cơ thâm thúy... Những lời nói mà lần khi sau này tôi mới thấm thía sự thâm sâu của nó. Những lời nói về sinh tử luân hồi, về Nghiệp Quả, về sự vật hư không, về duyên khởi, về vũ trụ nhân sinh, về Chân Ngã, về tất cả đều không và chẳng thể nghĩ bàn... Thì ra *"Trong nhà có báu thôi tìm kiếm; Đối cảnh không tâm chớ hỏi Thiền"*...

Người đời chúng sanh chỉ chuộng bề ngoài hào nhoáng và lời nói dịu ngọt. Ngôi Già Lam này thì đơn sơ nhỏ bé, Thầy thì rất thẳng thắn, không màu mè hoa mỹ và rất ít nói cho nên lần khi người đời hay hiểu lầm trách cứ không vui. Phật tử thường trụ cũng không nhiều lắm, nhưng khi đã gần Thầy và hiểu Thầy thì Phật tử sẽ kính thương Thầy nhiều hơn... Tôi sau những giờ làm việc hợp hành căng thẳng "trên Đe dưới Búa", tôi rất thích ghé thăm ngôi Già Lam này. Ngồi trong chánh điện nhìn lên tượng Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật tử bi, tôi cảm thấy rất thanh tịnh và thư thái trong tâm hồn... Và rồi thấp lên một nén hương trầm, ngồi uống trà nghe Thầy nói Pháp thì nhân gian còn gì phải vương vấn bận tâm! Phiền não và lo lắng cứ tạm vút ở đâu đó, trong ngôi Thiền Lâm lúc này chỉ có Phật, Pháp và



Thầy, rất bình an tự tại... Đúng là *"Đi đi không đích đến; Đến đến là đến đâu; Nếu ai còn thứ hỏi; Chẳng nói, cười Ha Ha!!!"*

Cuộc đời này là vô thường, huyền mộng, những gì thân yêu nhất rồi cũng rời khỏi tầm tay. Ngày hôm qua ta được thương yêu được quý trọng, ngày hôm nay thì ta có thể mất hết, tất cả chỉ là hư không vô nghĩa. Tôi đã buồn đau biết bao nhiêu khi tiễn Ba Mẹ ra đi nằm yên dưới lòng đất lạnh, tôi nghĩ nỗi đau này không riêng mình tôi gánh chịu mà những ai khác cũng sẽ đau khổ như tôi, tôi hứa làm những việc gì đó có ý nghĩa để giúp đỡ mọi người. Tôi cố gắng tu tập tinh tấn, đem lòng thành kính cúng dường và bố thí, tận tâm giúp đỡ những người hoạn nạn hoặc khổ không được cơ duyên may mắn như tôi... Tôi nhờ Thầy dìu dắt khuyên bảo, tôi bắt đầu tập tành tu Tổ Sư Thiền và tôi nguyện tinh tấn tiếp nối đời này mãi đến đời sau, cho đến khi thành đạo mới thôi, để đến đáp trong muôn một phần nào công ân sanh thành dưỡng dục của ba mẹ và công đức giúp đỡ của Thầy... Tôi cũng cầu mong nhiều người cũng sẽ phát nguyện như tôi để Phật Pháp mãi trường tồn và vững mạnh.

Mùa Vu Lan báo hiếu năm nay, tôi thành tâm kính dâng lên những đóa hoa hồng đỏ cho những ai còn đang Sinh Thành và những đóa hoa hồng trắng cho những ai không còn đang Sinh Thành nữa. Tôi cũng xin thành kính dâng lên những đóa hoa hồng vàng cho chư Tăng Ni, trong đó có vị Thầy của tôi...

Phù Du Mây Trắng

ĐIỆN THOẠI CÙNG CON

Trong giọng nói con trai tôi có lẫn tiếng sóng
Reo lên một đợt sóng cao. Mẹ ơi mẹ nhớ con không
Con đang ở đâu. Ừ, mẹ nhớ
Con đang ở biển, con nhặt được một con ốc đỏ
con sẽ đem về cho mẹ, con biết mẹ thích
màu đỏ, mẹ ơi, con cũng thấy nhớ mẹ
Tôi như con sóng đang tràn, đang vỡ
Không, bây giờ tôi đang thích màu xanh trong
giọng nói trẻ thơ
Tôi đang mềm như cát dưới bước chân chạy nhảy
của đứa con trai nhỏ
Và đường như tôi cũng đang bung cao
Ôi người ta đã bảo
Có được hạnh phúc
Là vô cùng khó

MUNG LUNG

Tôi nằm. Cánh võng đu đưa
Một giấc mơ của buổi trưa đưa cùng
Cả ba thành giấc mung lung
Con bướm trên cỏ không biết về cùng ai

GIẢ THỬ

Nơi không có đường chân trời
Có lẽ chẳng có gì đi xa hơn
Những bước chân

Nơi không có bóng tối
Đường như không có gì tối hơn
Đôi mắt tuyệt vọng

Nơi không có mặt trời
Chắc hẳn không có gì sáng hơn
Những giấc mơ

Nhưng không thể tưởng tượng
Một nơi không có
Con người

thơ

NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH



CHỈ LÀ CHUYỆN NHỎ

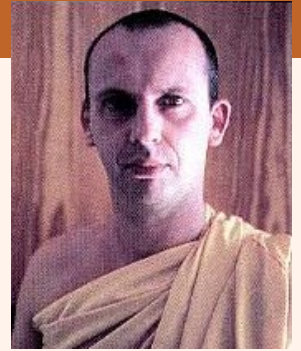
Nếu xóa được quá khứ
Mọi điều sẽ tốt hơn
Hay tệ hơn

Riêng tôi
Chắc một điều
Tôi không thể
Khác hơn
Đẹp hơn
Tốt hơn
Hai đứa con trai tôi có
Vậy thì
Quá khứ hay tương lai
Đổi thay hay bắt đầu
Chỉ là chuyện nhỏ *

* Trong một vở kịch, quên tên

HỎI HAY ĐÁP ĐÚNG

Nguyên tác Anh ngữ "Good Question, Good Answer" của **Ven. Shravasti Dhammika**
Thích Nguyên Tạng dịch



(tiếp theo kỳ trước và hết)

CHƯƠNG 10 TRỞ THÀNH PHẬT TỬ

Những điều bạn nói thật là thú vị đối với tôi. Làm thế nào để tôi trở thành một Phật tử?

Đáp: Ngày xưa có một người tên là Ưu-Ba-Ly. Ông là tín đồ của một đạo khác đến gặp Đức Phật để tranh luận với Ngài, cố gắng làm Ngài cải đạo. Nhưng sau khi nói chuyện với Đức Phật, ông quả cảm kích đến nỗi đã quyết định trở thành đệ tử của Phật, nhưng Đức Phật khuyên rằng:

- "Trước hết ông hãy dò xét cho kỹ. Tìm hiểu kỹ lưỡng như vậy là tốt cho một người nổi tiếng như ông".

Ưu-Ba-Ly nói:

- "Bây giờ tôi rất vui và hài lòng hơn khi Đức Thế Tôn dạy: "Trước tiên hãy dò xét kỹ". Vì nếu là thành viên của một tôn giáo khác bảo đảm là khi tôi là một tín đồ, họ tuyên bố cho cả thành phố biết rằng: "Upali đã theo đạo của chúng tôi". Nhưng Đức Thế Tôn đã nói với tôi rằng: "Trước tiên ông hãy dò xét cho kỹ. Tìm hiểu kỹ lưỡng như vậy là tốt cho một người nổi tiếng như ông." (M II 379)

Trong Phật giáo, sự hiểu biết là điều tối quan trọng và đòi hỏi có thời gian để tìm hiểu. Vì vậy đừng vội vàng đến với Phật giáo. Hãy dành thời gian để tìm hiểu và suy xét cẩn thận, rồi mới đi đến quyết định. Đức Phật không quan tâm đến số lượng lớn của người tín đồ. Ngài chỉ lưu ý mọi người nên thực hành theo lời dạy của ngài như là một kết quả từ việc tìm hiểu và suy xét cẩn thận

Nếu tôi đã tìm hiểu và tôi chấp nhận lời Phật dạy, tôi phải làm gì nếu tôi muốn trở thành một người Phật tử?

Đáp: Tốt nhất là tham gia sinh hoạt ở một ngôi chùa, đảng hoàng hoặc gia nhập vào các nhóm Phật tử, hỗ trợ họ và bạn sẽ được họ giúp đỡ, rồi tiếp tục học hỏi nhiều hơn về giáo lý. Khi bạn đã sẵn sàng chính thức trở thành một Phật tử là phải Quy Y Tam Bảo.

Quy y Tam Bảo là gì?

Đáp: Quy y là chỗ nương tựa nơi người ta tìm đến khi họ buồn phiền hay họ cần sự yên tĩnh và an ổn. Có nhiều cách nương tựa. Khi không hạnh phúc, họ nương tựa nơi bạn bè, khi họ lo âu và sợ hãi họ có thể nương tựa vào niềm tin và những hy vọng hão huyền. Khi họ gần kề với cái chết, họ có thể nương tựa vào đức tin ở cõi thiên đàng vĩnh cửu. Nhưng Đức Phật lại dạy rằng không có chỗ nào kể trên là chỗ nương tựa thật sự cả vì thực tế nó không đem đến sự thoải mái và an toàn.

Những thứ ấy không là nơi nương tựa an toàn, không là nơi nương tựa cao vời, Nương tựa nơi ấy

không thể thoát khỏi mọi khổ đau.

Mà hãy nương tựa vào Phật Pháp Tăng để có hiểu biết thật sự về bốn chân lý mẫu nhiệm.

Khổ đau, nguyên nhân của khổ đau, vượt qua khổ đau và con đường Bát Chánh Đạo, đưa đến sự diệt khổ.

Đây quả thật là chỗ nương tựa an toàn, là nơi nương tựa siêu việt, nương tựa nơi đây, người ta thoát khỏi mọi khổ đau. (Dp 189-192)

Quy y Phật là chấp nhận niềm tin rằng con người có thể giác ngộ và hoàn thiện như Đức Phật. Quy y Pháp có nghĩa là hiểu được Bốn Chân Lý Mẫu Nhiệm và cuộc sống của mình nương theo Bát Chánh Đạo. Quy y Tăng tức là tìm sự hỗ trợ, khuyến tấn, và hướng dẫn từ những ai đã thực hành Bát Chánh Đạo. Thực hiện được như thế sẽ trở thành một Phật tử và là bước khởi đầu để đến Niết bàn.

Những thay đổi gì xảy ra trong đời khi bạn thọ giới Tam quy?

Đáp: Như hàng triệu người khác hơn 2500 năm qua, tôi nhận thấy giáo lý của Phật đã cho biết tri giác của ta vượt thoát thế gian đau khổ, Đạo Phật cũng chỉ rõ cuộc sống này là vô nghĩa, Đạo Phật cũng đã cho tôi những giá trị nhân bản và từ bi để dẫn dắt đời tôi, chỉ cho tôi phương pháp để có thể đạt được trạng thái an tịnh và hoàn thiện trong đời sau. Một nhà thơ Ấn Độ cổ đại đã viết về Đức Phật như sau:

Đến với Ngài để nương tựa, để tán dương Ngài, để tôn kính Ngài và thực hành theo giáo pháp của Ngài là một việc làm thông minh.

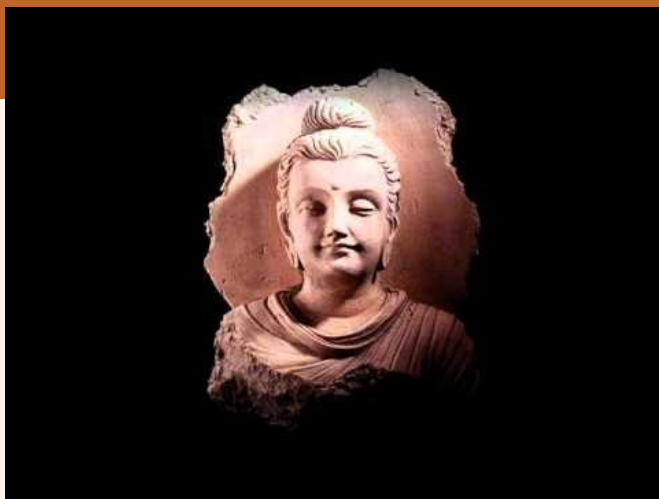
Tôi hoàn toàn đồng ý lời phát biểu này.

Tôi có một người bạn luôn cố gắng thuyết phục tôi theo đạo anh ta. Tôi thật sự không thích đạo ấy, tôi đã nói lên điều này nhưng anh ta vẫn không để tôi yên. Tôi có thể làm gì đây?

Đáp: Trước tiên bạn phải hiểu rằng người ấy thật sự không phải là người bạn. Một người bạn chân thành phải chấp nhận bạn và tôn trọng nguyện vọng của bạn. Tôi cho là người này đang chỉ giả vờ làm bạn để có thể cải đạo bạn mà thôi. Khi người ta muốn đánh tráo ý đồ của họ với bạn thì chắc chắn người ấy không phải là bạn.

Nhưng anh ta nói là muốn chia sẻ đạo của mình với tôi.

Đáp: Chia sẻ tín ngưỡng của mình với người khác là một điều tốt. Nhưng tôi thấy người bạn của bạn không nhận ra sự khác nhau giữa việc chia sẻ và áp đặt. Nếu tôi có một trái táo, tôi tặng bạn một nửa và bạn chấp nhận, đó là tôi đã chia sẻ với bạn. Nhưng nếu bạn nói với tôi "cám ơn tôi đã ăn rồi" mà tôi vẫn tiếp tục nài bạn lấy nửa trái đến khi bạn chịu thua trước sức ép của tôi, điều này khó gọi là chia



GOOD QUESTION, GOOD ANSWER

by *Ven. Shravasti Dhammika*

CHAPTER 10 BECOMING A BUDDHIST

sẻ. Người giống như "bạn" của bạn cố che dấu hành vi xấu bằng cách gọi đó là "chia sẻ", "thương yêu" hay "rộng lượng" nhưng cho dù tên gọi của nó là gì, hành vi của họ vẫn là khiếm nhã, thô lỗ, và ích kỷ.

Làm sao tôi có thể ngăn cản anh ta?

Đáp: Đơn giản thôi. Trước hết, phải biết rõ bạn muốn làm gì. Thứ hai là nói rõ ràng, ngắn gọn với người ấy. Cuối cùng, người ấy sẽ hỏi bạn những câu hỏi như sau "Niềm tin của anh là về vấn đề này là gì?" hay "Tại sao anh không muốn đến cuộc họp với tôi?" , câu trả lời đầu tiên của bạn phải rõ ràng, lịch sự và nhắc lại một cách kiên định:

- "Cám ơn lời mời của anh nhưng tôi không đến thì hơn".
- "Tại sao không?"
- "Đó thật sự là chuyện riêng của tôi. Tôi không đến thì tốt hơn."
- "Nhưng có nhiều người vui thích ở đó mà."
- "Tôi chắc là có, nhưng tôi không muốn đến."
- "Tôi mời anh vì tôi quan tâm đến anh."
- "Tôi mừng là anh quan tâm đến tôi nhưng tôi không muốn đến."

Nếu bạn lặp lại lời mình một cách rõ ràng, kiên nhẫn, liên tục và từ chối để bạn không còn dính líu vào cuộc bàn cãi đó nữa, cuối cùng người ấy sẽ chịu thua. Thật là hổ thẹn mà anh phải làm thế, nhưng lại rất quan trọng để người ta hiểu rằng họ không thể áp đặt đức tin hay ý muốn của họ lên người khác được.

Người Phật tử có cố gắng chia sẻ giáo lý với người khác không?

Đáp: Có chứ, người Phật tử nên làm. Và tôi nghĩ hầu hết các Phật tử đều hiểu sự khác nhau giữa sự chia sẻ và áp đặt. Nếu người ta hỏi bạn về Đạo Phật, hãy nói cho họ biết. Thậm chí bạn có thể chia sẻ giáo pháp của Phật mà không cần họ hỏi. Nhưng nếu họ có lời nói hay hành động cho thấy họ không quan tâm và không chấp nhận, thì bạn nên tôn trọng sự ý muốn của họ. Điều quan trọng khác nên nhớ rằng bạn chia sẻ với họ về giáo lý một cách có hiệu quả qua sinh hoạt của mình hơn là chỉ thuyết giảng suông. Chỉ dẫn giáo lý cho họ với sự luôn quan tâm, từ ái, khoan dung, chánh trực và chân thành. Hãy để đạo lý tỏa sáng qua lời nói và hành động của bạn. Nếu mỗi người chúng ta, bạn và tôi, hiểu chân lý rõ ràng, thực hành chân lý đầy đủ và chia sẻ nó một cách rộng rãi với người khác, chúng ta có thể là nguồn lợi ích to lớn cho chính mình và người khác.

HẾT

What you said so far is very interesting to me. How do I become a Buddhist?

Once there was a man called Upali. He was the follower of another religion and he went to the Buddha in order to argue with him and try to convert him. But after talking to the Buddha, he was so impressed that he decided to become a follower of the Buddha. But the Buddha said:

"Make a proper investigation first. Proper investigation is good for a well-known person like yourself." "Now I am even more pleased and satisfied when the Lord says to me: 'Make a proper investigation first.' For if members of another religion had secured me as a disciple they would have paraded a banner all around the town saying: 'Upali has joined our religion.' But the Lord says to me: 'Make a proper investigation first. Proper investigation is good for a well known person like yourself.'" MII 379

In Buddhism, understanding is the most important thing and understanding takes time. So do not impulsively rush into Buddhism. Take your time, ask questions, consider carefully, and then make your decision. The Buddha was not interested in having large numbers of disciples. He was concerned that people should follow his teachings as a result of a careful investigation and consideration of facts.

If I have done this and I find the Buddha's teaching acceptable, what would I do then if I wanted to become a Buddhist?

It would be best to join a good temple or Buddhist group, support them, be supported by them and continue to learn more about the Buddha's teachings. Then, when you are ready, you would formally become a Buddhist by taking the Three Refuges.

What are the Three Refuges?

A refuge is a place where people go when they are distressed or when they need safety and security. There are many types of refuge. When people are unhappy, they take refuge with their friends, when they are worried and frightened, they might take refuge in false hopes and beliefs. As they approach death, they might take refuge in the belief in an eternal heaven. But, as the Buddha says, none of these are true refuges because they do not give comfort and security based on reality.

Truly these are not safe refuges, not the refuge supreme. Not the refuge whereby one is freed from all sorrow But to take refuge in the Buddha, the Dhamma and the Sangha and to see with real understanding the Four Noble Truths, Suffering, the cause

of suffering, the transcending of suffering and the Noble Eightfold Path that leads to the transcending of suffering, This indeed is a safe refuge, it is the refuge supreme. It is the refuge whereby one is freed from all suffering. Dp. 189-192

Taking Refuge in the Buddha is a confident acceptance of the fact that one can become fully enlightened and perfected just as the Buddha was. Taking Refuge in the Dhamma means understanding the Four Noble Truths and basing one's life on the Noble Eightfold Path. Taking Refuge in the Sangha means looking for support, inspiration and guidance from all who walk the Noble Eightfold Path. Doing this one becomes a Buddhist and thus takes the first step on the path towards Nirvana.

What changes have taken place in your life since you first took the three refuges?

Like countless millions of others over the last 2500 years, I have found that the Buddha's teachings have made sense out of a difficult world, they have given meaning to what was a meaningless life, they have given me a humane and compassionate ethics with which to lead my life and they have shown me how I can attain a state of purity and perfection in the next life. A poet in ancient India once wrote of the Buddha:

To go to him for refuge, to sing his praise, to do him honor and to abide in his Dhamma is to act with understanding. I agree with these words completely.

I have a friend who is always trying to convert me to his religion. I am not really interested in his religion and I have told him so but he won't leave me alone. What can I do?

The first thing you must understand is that this person is not really your friend. A true friend accepts you as you are and respects your wishes. I suspect that this person is merely pretending to be your friend so he can convert you. When people try to impose their will on you they are certainly not friends.

But he says he wants to share his religion with me.

Sharing your religion with others is a good thing. But I suggest that your friend doesn't know the difference between sharing and imposing. If I have an apple, I offer you half and you accept my offer, then I have shared with you. But if you say to me "Thank you, but I have already eaten" and I keep insisting that you take half the apple until you finally give in to my pressure, this can hardly be called sharing. People like your 'friend' try to disguise their bad behavior by calling it 'sharing', 'love' or 'generosity' but by what- ever name they call it, their behavior is still just rude, bad manners and selfish.

So how can I stop him?

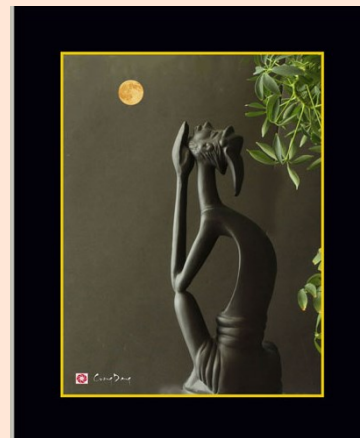
It is simple. Firstly, be clear in your mind what you want. Secondly, clearly and briefly tell him so. Thirdly, when he asks you questions like "What is your belief on this matter" or "Why don't you wish to come to the meeting with me", clearly, politely and persistently repeat your first statement. "Thank you for the invitation but I would rather not come". "Why not?" "That is really my business. I would rather not come." "But there will be many interesting

NHÌN TRẮNG

thơ

*Nhìn trắng chẳng tưởng đến điều chi
Lẳng động tâm tư không nghĩ suy
Xả bỏ cuộc đời không dính mắc!
Thân tâm an lạc—sống từ bi.*

**MINH LƯƠNG —
TRƯƠNG MINH SUNG**



people there." "I am sure there will be but I would rather not come." "I am inviting you because I care about you." "I am glad you care about me but I would rather not come." If you clearly, patiently and persistently repeat yourself and refuse to allow him to get you involved in a discussion he will eventually give up. It is a shame that you have to do this, but it is very important for people to learn that they cannot impose their beliefs or wishes upon others.

Should Buddhists try to share the Dhamma with others?

Yes, they should. And I think most Buddhists understand the difference between sharing and imposing. If people ask you about Buddhism, tell them. You can even tell them about the Buddha's teachings without their asking. But if, by either their words or their actions, they let you know that they are not interested, accept that and respect their wishes. It is also important to remember that you let people know about the Dhamma far more effectively through your actions than through preaching to them. Show people the Dhamma by always being considerate, kind, tolerant, upright and honest. Let the Dhamma shine forth through your speech and actions. If each of us, you and I, know the Dhamma thoroughly, practice it fully and share it generously with others, we can be of great benefit to ourselves and others also.

THE END

Mẹ và tiếng mưa đêm

LAM KHÊ

Giờ tan tầm. Trời đổ mưa to. Lan ngồi lại tán gẫu với mấy cô bạn trong cơ quan thì có tiếng gọi từ phòng ngoài:

- Lan ơi! Ra coi ai đến đón nè!

- Chà! Nhỏ Lan sướng ghê. Đi làm có mẹ đến đón nữa kìa.

Lan bước vội ra, chứng hừng thấy mẹ ướt sũng đứng run rẩy ngoài hành lang. Không kiềm được bức bối, Lan lớn tiếng:

- Trời mưa gió, mẹ đến đây làm gì không biết nữa. Lại còn không chịu mặc áo mưa vào. Thật không thể hiểu nổi.

Người mẹ cười, ngượng nghịu:

- Tại mẹ thấy trời mưa... Sợ con ướt, nên mang áo mưa tới...

Lan thở hắt ra, nói như khóc:

- Mẹ có mang áo mưa cho con, thì cũng phải biết mặc áo mưa vào cho mình. Sợ con ướt. Còn mẹ thì sao. Con đã nói với mẹ bao nhiêu lần rồi. Con đi làm có khi về trễ, mẹ cứ ở nhà, đường phố đầy xe cộ. Con lớn rồi, tự lo cho mình được mà...

Lan ghen lời, nước mắt tuôn trào. Mấy cô bạn đang cười, vội

nín lặng. Cô Ngân cầm áo mưa bước tới nắm tay Lan giục:

- Thôi Lan mặc áo mưa vào rồi đưa mẹ về nhà thay đồ kéo lạnh. Tại bác sốt ruột lo cho con quá... Lòng mẹ thương con mà.

Lan đưa mẹ về. Nhà cô chỉ cách chỗ làm một đoạn đường. Ngân nhìn theo hai mẹ con khẽ chép miệng:

- Tội nghiệp. Một người mẹ không bình thường. Có thời gian Lan không cho ai đến nhà vì mặc cảm có người mẹ bệnh tâm thần. Hoàn cảnh của hai mẹ con Lan cũng tội. Nhưng dù sao... còn mẹ là một điều diễm phúc nhất trên đời. Chứ như Ngân, bây giờ muốn gọi một tiếng mẹ cũng không còn để gọi...

* * *

Khi đứa con gái đầu lòng chưa tròn tuổi thì người mẹ trẻ lâm bạo bệnh. Căn bệnh tâm thần lúc tỉnh lúc ngây. Bà được đưa về bên nhà mẹ ruột chạy chữa. Đứa bé chưa dứt sữa ở lại

với ba. Hình ảnh người đàn ông suốt ngày ầm bồng, dứt cháo pha sữa rồi hát ru con mọn làm mùi lòng những người hàng xóm. Bà nội cứ nhắc mãi chuyện ấy:

- Hồi ấy ba mầy cứng con gái lắm. Con thì khó tính không cho ai bế, lại sợ sấm sét, cứ khóc suốt. Mỗi khi mưa to, ba đang làm gì cũng phải bỏ chạy đến ôm lấy con gái dỗ dành.

Lan gặng hỏi:

- Hồi đó... còn bây giờ thì sao hả nội?

Bà nội lặng thinh, thờ dãi. Cũng là con cháu ruột thịt cả, bà biết phải nói gì đây. Lan không còn nhớ chút gì những ngày tháng ở bên ba. Thời gian ấy quá ngắn mà Lan còn bé tí thế kia. Nhưng chuyện sợ sấm sét thì có nhớ. Tuổi thơ mất mát cùng với di chứng về căn bệnh của mẹ, làm cho bé Lan luôn có cảm giác bất ổn, sợ ma và sợ mọi tiếng động trong bóng đêm. Sống với ngoại, hai mẹ con được người thân hết lòng đùm bọc thương yêu, nhưng cảm giác mất mát không nguôi ám ảnh. Tuổi thơ của Lan là những tháng ngày hồn nhiên chơi đùa cùng các anh chị em họ, là giấc ngủ an lành vô tư trong vòng tay của ngoại của mấy dì. Thỉnh thoảng trở mình thức giấc trong đêm mưa, bé Lan phát hiện mẹ thường đi quanh quẩn trong nhà như người mộng du. Sự tịch lặng của mưa đêm làm cho tâm trí mẹ bồn chồn bất định. Một kỷ ức đẹp, một niềm đau chưa thể xóa nhòa. Ranh giới giữa tỉnh và mê, giữa đau khổ và nhớ thương cứ mãi dẫn dắt. Đôi khi mẹ tỏ ý định muốn quay về nhà cũ. Mà về làm sao được khi nhà xưa đã đổi chủ.

Dì út trầm ngâm nói:

- Mẹ con bị ám ảnh mỗi khi trời mưa. Có lần mẹ tìm về nhà cũ thăm thì bị ba con nhân tâm đánh đuổi ra khỏi cửa chẳng chút tiếc thương. Đó là một đêm mưa gió...

Chỉ một thời gian ngắn, ba đi lấy vợ khác. Bé Lan được đưa trả về bên ngoại để người mẹ bệnh hoạn khỏi dằn vặt lên xuống. Khi đã dứt tình, ông cũng không hề lui





tới viếng thăm chu cấp cho con. Ngày còn nhỏ, những lần về thăm nội, chú Ut chở Lan qua nhà ba, chỉ để nghe ông hỏi một câu duy nhất "Con mới tới à?" rồi bỏ mặc Lan ngồi xớ rớ giữa nhà. Ông bận rộn với công việc bên cửa hàng văn phòng phẩm. Có lẽ vậy. Người vợ sau của ba thì đi lui đi tới xăm xoi nhìn ngó con bé ra về khó chịu. Cho đến bây giờ, Lan không hiểu sao ba lại có thể đối xử với con mình như vậy. Ừ! Người lớn có quyền của họ mà. Quyền ghét bỏ một đứa trẻ thơ vì nó đã lỡ sanh ra. Tuổi thơ hụt hẫng khiến Lan mất dần đi khái niệm là mình còn có một người cha ở trên đời.

Rồi Lan đi học. Ngày đầu tiên đến lớp, mẹ đã đưa Lan đi với tất cả niềm tự hào của người mẹ trẻ bên cạnh đứa con thơ dại. Cô bé đã khóc ngất trước cảnh lạ chỗ lạ người. Thấy con khóc, mẹ nóng ruột vào ngồi chung. Cô giáo mới ra thì bà nói:

- Có tui ngồi bên con bé mới chịu học...

Cô lần cô giáo cho bài tập viết về nhà, mẹ bảo:

- Đưa đây mẹ viết cho.

Dì Ut trông thấy la lên:

- Bài tập của bé Lan. Sao chị lại viết.

Mẹ nói:

- Nó viết xấu. Mai lên lớp, sớ cô giáo cho điểm thấp...

Dì út phì cười:

- Bé Lan học chữ đâu phải chị học. Chị thương con thì phải để cho con tự viết, sau này lớn lên nó mới biết viết biết đọc. Chị mà viết... cô giáo nhận ra nét chữ cũng sẽ không cho điểm đâu.

Mẹ ngồi thờ nghĩ ngợi. Rồi như hiểu ra vấn đề, bà se sẽ gạt đầu.

Hằng ngày mẹ phụ dì Ut làm bánh bô chớ, bao giờ bà cũng giấu lại vài cái cho con. Dì út hăm:

- Chị cho bé Lan ăn bánh mĩ, rồi nó sẽ mập phì ra cho coi.

thủ thì như nói với chính mình:

- Đợi con lớn lên chút nữa, mẹ hết bệnh, rồi chúng ta sẽ trở về nhà.

- Nhà nào nữa mẹ. Nhà mình đây rồi mà.

- Thì nhà của ba con đó...

Lan lườm mẹ:

- Mẹ đừng nhắc đến "Người ta"... nữa được không. Nhà đó bây giờ là của người khác rồi... Mẹ hãy quên đi.

- Ờ... nhưng ba vẫn là ba của con.

Trong ký ức dễ lãng quên của con người, dường như còn khắc khoải một miền riêng tư nào đó chưa thể phai nhòa.

* * *

Đêm đã khuya. Trời còn mưa lâm râm. Lan rời bàn làm việc bước vào phòng ngủ. Mẹ ngủ say. Giấc ngủ an lành mà nhiều năm rồi mẹ mới có được. Ai đó từng nói cơn mưa muôn đời vẫn bao dung. Và nếu đúng như vậy thì sự bao dung của mẹ cũng đến từ những đêm thao thức với tiếng mưa rơi.

... Một lần nào đó, Lan nói với mẹ.

- Mẹ ơi! Từ hôm nay, mẹ đừng đến trường đón con nữa nghe.

- À! Thì mẹ đến đón con... Có sao đâu.

Lan vùng vằng:

- Mẹ đến trường, tụi nó cứ chế giễu cười nhạo con...

Trưa đi học về, vừa bước vào nhà Lan đã nghe dì Ut nói:

- Chẳng phải mẹ lên trường đón con sao. Suốt buổi sáng không thấy mẹ ở nhà.

Lan lắc đầu ngơ ngác:

- Con đã bảo mẹ đừng đón con nữa mà. Vậy thì mẹ đi đâu.

Lan hốt hải chạy lên trường. Sân trường vắng hoe. Cô bé đứng như chôn chân dưới cái nắng như thiêu đốt. Mẹ đi đâu

chứ. Lan ngẫm nghĩ, lòng xốn xan bứt rứt. Khi ngang qua khúc quanh nơi xóm chợ, Lan chợt nhìn thấy mẹ trong sân chùa. Ngồi chùa ngày trước ngoại thường dẫn mẹ con Lan đến lễ Phật. Thấy Lan bước vào, bà nhoèn miệng cười:

- Không lên trường đón con thì mẹ đi chùa. Mẹ lên chùa cầu Phật cho con học giỏi, không bị chúng bạn chê cười.

Rồi mẹ gơ râu chuối cầm trên tay lên:

- Sư ở chùa cho mẹ râu chuối này nè. Sư dạy mẹ buổi tối phải lần chuối niệm Phật trước khi đi ngủ...

Bây giờ, mỗi tối khi thấy mẹ cầm râu chuối chuẩn bị ngồi niệm Phật, Lan hỏi:

- Mẹ niệm Phật gì vậy?

- A! Mẹ niệm Phật Di Đà và Phật Quán Âm...

Dì Ut trêu:

- Mẹ con lúc này lo tu dưỡng! Chẳng là không còn nhớ ba nữa rồi.

Mẹ cười:

- Nhớ thương gì nữa. Ni sư dạy trước khi đi ngủ phải niệm Phật một râu chuối. Nhờ niệm Phật mà ngủ ngon, không hay nghĩ ngợi này kia.

Như sức nhớ ra điều gì, mẹ quay qua Lan:

- Chủ nhật tới con chở mẹ về thăm ông nội đi. Ông nội đang bệnh. Dù ba con có thế nào, nhưng bên nội ai cũng thương mẹ con mình, mấy cô mấy chú vẫn gởi tiền giúp con ăn học...

Lan xụ mặt:

- Thì con là máu mủ của họ mà. Họ cho con chút ít cũng là muốn đền bù những đau khổ mà ba đã gây ra cho mẹ...

- Thôi con ạ! Duyên nợ ba mẹ chỉ có vậy, đâu thể trách ai. Mọi chuyện qua lâu rồi, hãy tha thứ hỷ xả tất cả.

Lan bật cười:

- Dì Ut coi kìa! Bây giờ mẹ con nói chuyện nghe thăm mùi đạo ghê đi.

Có một sự sống mới đang trở lại trong tâm tưởng mẹ. Sự sống kết tinh thành những hạt mầm yêu thương, hóa giải hết mọi oán kết muôn phiền. Những đêm mưa nghe tiếng niệm Phật, Lan có cảm giác như nghe lại lời ru êm ái của mẹ từ thuở năm nôi. Lời ru đã đưa Lan đi qua một thời tuổi thơ yên bình thánh thiện./.

Lam Khê

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG CƠ THỂ KHI VỀ GIÀ

Bs. Nguyễn Ý Đức



Với sự hóa già, sẽ có vài thay đổi về cấu tạo cũng như chức năng của một số cơ quan bộ phận chính trong cơ thể như sau đây.

1- Thay đổi của bộ máy tiêu hóa-

Sự tiêu hóa thực phẩm bắt đầu từ miệng. Thức ăn được răng nhai nghiền nhỏ để có thể nuốt xuống bao tử, với sự hỗ trợ của nước miếng. Bao tử co bóp, chuyển động như cái máy giặt quần áo để biến đổi thức ăn sang trạng thái lỏng, với tác dụng của dịch vị tiết từ bao tử. Một phần lớn chất đạm được tiêu hóa ở đây.

Sau đó thức ăn được chuyển xuống sáu thước ruột non. Nơi đây, hóa chất hữu cơ của tụy tạng và ruột non tiếp tục tiêu hoá đạm chất và carbohydrate, đồng thời cũng có sự tiêu hóa chất mỡ dưới tác dụng của mật. Cũng chính ở ruột non, việc nuôi dưỡng cụ thể cho con người được thực hiện với sự hấp thụ các chất bổ dưỡng vào mạch máu.

Khi thức ăn vào đến ruột già, nước được hút lại, còn chất bã được phế thải ra ngoài. Trung bình, diễn tiến hoàn tất sự tiêu hóa thực phẩm từ khi vào miệng tới khi phế thải kéo dài từ 7 đến 12 giờ đồng hồ.

Với tuổi cao, sẽ có vài thay đổi như sau:

Miệng khô vì hạch nước miếng tiết ít nước làm ta nhai khó khăn và giảm thưởng thức vị ngon của thực phẩm.

Dịch vị bao tử giảm khoảng 25% khi ta tới tuổi 60, sự co bóp của bao tử cũng yếu đi chút ít.

Nơi ruột non, hấp thụ calcium giảm làm yếu xương; hấp thụ sinh tố B12 kém mà sinh tố này cần cho việc tạo hồng cầu cũng như tạo ra sinh lực trong cơ thể.

Trái với quan niệm thông thường, không có thay đổi mấy về chức năng của ruột già khi tuổi tăng. Nhiều người cứ cho là già hay bị táo bón, chứ thực ra sự đại tiện của người cao tuổi đều lành mạnh giống như của người trẻ. Vậy mà sự tiêu thụ thuốc nhuận tràng vẫn rất nhiều ở lớp tuổi cao này.

Khi già, chức năng sản xuất mật của gan, dịch tụy để biến hóa mỡ không thay đổi mấy. Dù có cắt đi 80% lá gan, ta cũng còn đủ mật cần thiết cho cơ thể.

Thành ruột già mỏng hơn, vài chỗ phình ra thành túi nhỏ (diverticul), dễ bị nhiễm trùng.

Nói chung, khi về già không có thay đổi đáng kể trong hệ thống tiêu hóa ngoài vài lúng túng nhỏ mà phần lớn liên hệ tới ăn uống không điều độ, thiếu dinh dưỡng, không vận động cơ thể, tác dụng phụ của dược phẩm... Cho nên ta vẫn thường thức được những món ăn mà ta thích từ lúc còn trẻ.



2- Thay đổi cơ quan hô hấp

Bộ phận hô hấp, với nhiệm vụ mang dưỡng khí nuôi cơ thể, gồm hai lá phổi và phế quản.

Phổi gồm cả triệu phế nang, mà khi dài rộng ra có thể bao phủ cả một sân quần vợt. Chính ở những phế nang này mà dưỡng khí được chuyển sang mạch máu nuôi cơ thể và lấy thán khí thải ra ngoài.

Phế quản nom giống như một cái cây lộn ngược, với rất nhiều nhánh nhỏ để dẫn không khí vào phế nang.

Nhịp thở trung bình khi nghỉ là 15 nhịp một phút, nhanh khi cơ thể hoạt động mạnh hoặc thán khí trong máu lên cao. Trong mỗi nhịp thở có khoảng 1/2 lít không khí ra vào phổi. Khi sự hô hấp ngưng chừng 5 phút thì não bộ đã chịu những tổn thất vĩnh viễn, trầm trọng.

Với tuổi cao, không có thay đổi đáng kể về hô hấp, ngoại trừ trong phế nang dưỡng khí ít mà thán khí lại cao. Do đó dưỡng khí trong máu giảm, làm cho cơ thể chóng mệt khi hoạt động mạnh.

3- Thay đổi hệ tuần hoàn

Hệ tuần hoàn gồm bộ phận bơm đẩy là trái tim và mạng lưới mạch máu lớn nhỏ chạy khắp cơ thể.

Tim được ví như toà nhà song lập hai tầng với hai tâm nhĩ ở trên, hai tâm thất ở dưới ngăn cách nhau bằng van để hướng dẫn máu lưu thông một chiều trên xuống dưới.

Mạng lưới mạch máu gồm mạch máu phổi bắt nguồn từ tâm thất phải, đưa máu nhiều thán khí lên phổi để trao đổi lấy dưỡng khí. Còn mạng mạch máu tổng quát thì đưa máu đỏ nhiều oxy từ tâm thất trái đi nuôi dưỡng khắp châu thân.

Mỗi ngày tim bơm khoảng 7000 lít máu vào hơn 100,000 cây số mạch máu lớn, nhỏ. Nhịp tim bình thường là 70-80 / một phút. Một tế bào máu chạy từ tim xuống ngón chân rồi trở lại tim mất 12 giây.

Khi tới tuổi cao, sẽ có một vài thay đổi về chức năng cũng như cấu tạo của hệ tuần hoàn.

Cách đây 5 thế kỷ, Leonardo da Vinci đã quả quyết là sự dày cứng của mạch máu làm ta già, ngăn cản sự lưu thông của máu và làm giảm sự nuôi dưỡng cơ thể.

Khoa học ngày nay đồng ý một phần nào với da Vinci, nhưng nêu câu hỏi là những thay đổi đó có phải do tuổi già hay do lối sống của con người mà ra.

Thay đổi quan trọng nhất là vách tâm nhĩ trái dày lên, cứng, kém đàn hồi, làm giảm sức bơm của tim, máu đi nuôi cơ thể ít oxy và dưỡng chất.

Mạch máu cũng cứng, dày kém đàn hồi vì có nhiều chất vôi và



collagen đóng lên vách mạch máu, khiến máu lưu thông khó khăn, chậm chạp.

Nói chung, với tuổi già, chỉ có một chút giảm sự lưu thông của máu trong cơ thể, giảm cung cấp dưỡng khí khiến ta mau mệt khi hoạt động mạnh.

Còn thắc mắc là tỷ lệ tử vong do bệnh tim ở người già rất cao, thì đó là vì con người mắc bệnh tim do tập quán ăn uống, lối sống, môi trường xấu... chứ không phải do sự hoá già mà ra.

4-Thay đổi Xương-Thịt

a-Xương

Bộ xương giúp cơ thể đứng vững, di chuyển, che trở các bộ phận cốt yếu và là nơi dự trữ calcium.

Xương được cấu tạo bởi một hỗn hợp gồm khoáng chất (nhất là calcium 45%), cơ mềm với mạch máu, tế bào (30%) và nước (25%).

Có ba loại xương: xương dài cứng; xương ngắn mềm và xương dẹp.

Xương được liên tục tu bổ để thay thế xương cũ bằng xương mới, và chất calcium giữ vai trò rất quan trọng trong việc tạo xương. Khi về già, calcium trong máu giảm, vì ruột non không hấp thụ calcium tốt như khi còn trẻ và vì khẩu phần không có cập bằng calcium. Do đó xương trở nên yếu, giòn, dễ gãy lại lâu lành.

Thêm vào đó, khi calcium trong máu xuống thấp, cơ thể lại lấy calcium ở xương ra để đáp ứng các nhu cầu khác như hoạt động của hệ thần kinh, làm đông máu, hoạt động của cơ thịt.

Khối lượng xương cũng giảm, nhất là ở nữ giới khi tắt kinh vì kích thích tố nữ estrogen ít đi.

b-Khớp xương

Khớp là nơi hai mặt xương tiếp giáp với nhau.

Có 3 loại khớp chính: khớp cử động tự do như khớp xương đầu gối, cổ tay; khớp cử động có giới hạn như xương sống; khớp không cử động như khớp xương sọ.

Sở dĩ khớp cử động trơn tru được là nhờ hoá chất nhờn và sụn nằm độn giữa khớp, như một cái bao, bọc hai đầu xương, đồng thời cũng để tránh sự cọ xát của mặt xương.

Khớp được giữ ở đúng vị trí để cử động nhờ những dây chằng như gân, nối xương với bắp thịt, dây chằng nối hai xương với nhau.

Khi về già, hoá chất nhờn và sụn giảm bớt, gân và dây chằng ít đàn hồi làm cho sự co-ruỗi của khớp bị giới hạn. Với thời gian, khớp cũng gặp những thương tổn tuy nhẹ nhưng tích lũy, khiến khớp hay đau nhức và cử động khó khăn.

c- Cơ thịt.

Trong cơ thể, cơ thịt chiếm gần nửa trọng lượng toàn thân.

Đó là cơ ở trái tim, thành mạch máu, bao tử, ruột, nhất là cơ thịt ở bộ xương gồm những mô nối

vào xương và khớp qua gân, dây chằng. Sự kết nối này giúp con người cử động, di chuyển một cách rất tài tình mỗi khi cơ co giãn hay đàn hồi theo ý muốn của ta. Cử động không những là nhu cầu sinh hoạt cho cơ thể mà còn để duy trì cơ thịt. Vì nếu không vận động, cơ thịt sẽ teo đi, và được thay thế bằng mô mỡ, nước.

Khi cơ hoạt động, nó cần năng lượng do dưỡng khí và chất dinh dưỡng cung cấp, đồng thời nó cũng thải ra chất bã như lactic acid. Chất bã lactic acid, khi có nhiều, sẽ làm cơ mau mệt, và ta cần hít thở để oxy đốt acid này.

Chất dinh dưỡng là thức ăn do máu cung cấp như đường, đạm chất, mỡ.

Với tuổi già, khối bắp thịt nhỏ dần do sự giảm kích thước nhất là giảm số lượng những tế bào thịt.

Tế bào thịt, cũng như tế bào thần kinh, khi giảm đi sẽ không được thay thế. Sinh ra, ta đã có một số cơ thịt nhất định và số lượng này được dự trữ là tồn tại suốt đời người. Khi không được sử dụng, kém dinh dưỡng hay không tiếp nối với hệ thần kinh, cơ thịt sẽ teo đi. Sự vận động cơ thể không làm tăng số cơ thịt nhưng làm chúng to hơn.

Ở người cao tuổi, đã ít tập dượt lại sống quá tĩnh tại, chức năng bắp thịt thay đổi rõ rệt. Sức mạnh bắp thịt giảm chút ít vào tuổi 40, 50; giảm 20% ở tuổi 50; giảm 40% khi ta 70-80 tuổi. Sự suy yếu này xảy ra ở chân nhiều hơn ở tay.

Ngoài ra, chức năng cơ thịt người già cũng giảm vì sự thoái hóa, mất tính đàn hồi của gân và dây chằng.

5- Thay đổi não bộ

Nặng chừng 1,5 kí lô, não bộ của người trưởng thành là một khối mềm như bột gạo ướt với cả ngàn tỷ tế bào thần kinh màu xám nhạt. Mỗi tế bào thần kinh nối kết với nhau theo nhiều cách, tạo ra một mạng lưới có tác dụng sinh học rộng lớn để điều hòa mọi sinh hoạt của cơ thể.

Sanh ra, ta có số tế bào nhất định, không tăng hay tái tạo, nhưng lại mất dần với niên kỷ. Mỗi ngày có độ 50,000 tới 100,000 tế bào chết đi ở những vùng não khác nhau. Cho tới tuổi 65 thì hậu như 1/10 tổng số tế bào thần kinh sẽ bị tiêu hủy vĩnh viễn, không được thay thế.

Câu hỏi thường được đặt ra là tế bào mất tới mức độ nào thì sẽ gây ra sự thay đổi các chức năng của não? Có nhận xét khoa học cho là, khi một tế bào thần kinh chết đi thì tế bào kế cận sẽ phát ra một hệ thống nối tiếp mới, để hoạt động thay thế tế bào đã mất. Nhờ đó não vẫn hoạt động đều hoà cho tới khi con người đi vào khâu tử, ngoại trừ khi não mang thêm những tổn thất gây ra do bệnh tật, thương tích.

Khi về già, có những thay đổi sau đây:

a-Cuống não.

Cuống não chịu một phần trách nhiệm trong việc điều hoà nhịp thở của phổi, nhịp đập của tim, sự đi đứng, ngủ nghỉ. Tế bào cuống não ít bị tiêu hao, ngoại trừ ở phần kiểm soát sự ngủ. Do đó người cao tuổi thường hay có khó khăn khi ngủ, nghỉ.

b- Tiểu não.

Tiểu não điều khiển tư thế, tác phong con người, như đi, đứng, ngồi, chạy, bằng cách kiểm soát chức năng của cơ thịt, gân, khớp xương. Tiểu não đặt một giới hạn cho các động tác cơ thể.

Khi về già, tế bào tiểu não bị tổn thất rất nhiều, nên người cao tuổi đi đứng, cử động khó khăn, đôi khi không phối hợp nhịp nhàng với nhau được.

c-Thông não.

Thông Não nằm sâu trong não bộ, kiểm soát và điều hoà một phần cảm xúc như sợ hãi, tức giận; một số khả năng ngửi mùi vị, nghe âm thanh; điều hoà thân nhiệt, huyết áp. Thông não thay đổi rất ít với tuổi cao.

d-Hệ viền.

Bộ phận chính của hệ viền (limbic system) là hải mã (hippocampus), có nhiệm vụ quan trọng trong việc ghi nhận trí nhớ, nhất là chuyển trí nhớ ngắn hạn sang trí nhớ dài hạn. Ngoài ra hệ viền còn điều hoà khứu giác, khả năng học hỏi, cảm xúc vui, sợ, giận dữ.

Hệ viền bị ảnh hưởng rất nhiều vì tuổi cao. Tại vài nơi của hệ viền, có tới 30% tế bào mất đi, gây trở ngại cho sự học cũng như ghi nhận trí nhớ.

e- Não.

Não là hai khối hình bán cầu, mà phần chính là vỏ não với 75% tổng số tế bào thần kinh.

Vỏ não được chia làm nhiều vùng với nhiệm vụ riêng biệt cũng như chịu những tổn thất khác nhau vì sự hóa già. Vùng kiểm soát cử động mất từ 20 tới 50%; vùng thị giác mất 50%, vùng thính giác mất 30-40%; vùng trí nhớ hầu như không bị thất thoát gì.

Ngoài ra, với tuổi cao, máu đưa tới não bộ giảm, dưỡng khí và chất dinh dưỡng ít đi. Não thay đổi hình dáng, có nhiều hóa chất có màu như lipofuscin được tạo ra, bám vào tế bào não, gây ra một số trở ngại cho nhiều chức năng của hệ thần kinh.

Nhưng nói chung, não là cơ quan duy nhất trong cơ thể mà khi về già vẫn tiếp tục cải tiến, nâng cao kiến thức, kinh nghiệm, sự khéo léo, sức sáng tạo, sự xét đoán, độ nhạy cảm và sự khôn ngoan của con người.

6-Thay đổi tính miễn dịch

Khi sanh ra, con người đã được tạo hóa ban cho những hệ thống phòng thủ chống lại bệnh tật, mà khả năng miễn dịch là một.

Khả năng này được thực hiện qua hai loại bạch huyết cầu T-cells, B-cells. Chúng tạo ra kháng thể đặc biệt để tiêu diệt vi khuẩn gây bệnh và ngăn ngừa sự tái phát của bệnh đó trong tương lai. Chúng cũng rất công hiệu trong việc tiêu diệt tế bào ung thư.

Lúc mới sanh, các huyết cầu này được tuyến ức (Thymus) nằm sau xương ức sản xuất, huấn luyện để chống tác nhân gây bệnh. Đáng tiếc là tuyến thoái hóa với thời gian. Sau đó thì các huyết cầu miễn dịch sẽ được tùy sống, các hạch và lá lách sản xuất. Nhưng vì không được sự điều khiển, huấn luyện của tuyến ức nên chức năng phòng vệ cơ thể kém phần hiệu nghiệm. Người già do đó dễ bị các bệnh nhiễm trùng cũng như ung thư.

Kết luận

Nói chung, các thay đổi này cũng không gây ra nhiều khó khăn cho sinh hoạt của người cao tuổi, nhất là khi họ duy trì được một nếp sống lành mạnh, tích cực và yêu đời.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức, M.D.



HƯƠNG QUỲNH QUYẾN RŨ

*Đêm mười sáu hoa Quỳnh khoe nhụy
Ai chờ ai mây hé trăng lên
Thời gian sợi chỉ bông bèo
Hương Quỳnh quyến rũ lênh đênh kiếp người.*

Fragrance of Hoa Quỳnh (Epiphyllum)

The 16th night of a summer lunar month unfolds,
who is waiting for each other?
The parted clouds just show the moon
Hoa Quỳnh (Epiphyllum - Queen Of the Night Flower) blooms
as a snow white to show its elegance and pureness.
With sureness
Quỳnh's rarity magnificence soothe our soul
Its blossom lifespan is about 4 hours and short as a scroll
If life begins and ends in that blossom lifespan
What do we do in between?
The beauty of the here and now.
...Time is bobbing as a thread
Quỳnh's fragrance is so attractive that make us floating like a wed.
What a beauty - the Queen Of the Night Flower and its fragrance.

TÂM THƯỜNG ĐỊNH

thơ



TỔNG HỘI CƯ SĨ PHẬT GIÁO VIỆT NAM TẠI HOA KỲ
THE GENERAL ASSOCIATION OF VIETNAMESE BUDDHIST LAYPERSONS

1612 N. Spurgeon Street, Santa Ana, CA 92701. Tel: (714) 836-9242. Fax: (714) 832-8674

**LỜI CẢM TẠ CỦA BAN TỔ CHỨC
 LỄ TƯỞNG NIỆM 50 NĂM BỒ TÁT THÍCH QUẢNG ĐỨC
 VÀ TẶNG TÍN ĐỒ VỊ PHÁP VONG THÂN (1963 – 2013)**

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư Tôn Trưởng lão Hòa thượng, chư Tôn Hoà Thượng, chư Thượng Tọa, Đại đức Tăng Ni,

Kính thưa quý vị đại diện các tôn giáo bạn, đại diện giới chức chính quyền, quý quan khách, Hội đoàn, Đoàn thể, quý vị đại diện các cơ quan truyền thông,, quý đồng hương, Phật tử,

Kính thưa liệt quý vị,
 Lễ Tưởng Niệm 50 năm Bồ Tát Thích Quảng Đức phát đại nguyện thiêu thân cúng dường chư Phật vào ngày Chủ nhật 23/6/2013 đã hoàn mãn tốt đẹp.

Đại nguyện của Bồ Tát Thích Quảng Đức đã thắp sáng ngọn lửa Từ Bi của Phật Giáo đồng thời cũng tràn đầy tình thương và hy vọng trong sứ mạng bảo vệ Đạo pháp và Dân tộc.

Quán triệt được lý Vô Thường Vô Ngã cùng với tinh thần Đại Hùng Đại Bi của ngài chính là chúng ta đã thụ hưởng được những viên ngọc Xả Lợi sáng ngời từ trái tim bất diệt của Bồ Tát Thích Quảng Đức.

Chúng con xin thay mặt Ban Tổ Chức kính dâng lòng tri ân đến chư tôn Trưởng Lão Hòa Thượng, chư tôn Hoà Thượng, chư Thượng Tọa Đại Đức Tăng Ni, đặc biệt chư Tôn Đức tại Trường Hạ Phật Học Viện Quốc Tế đã hoan hỉ quang lâm chứng minh và chú nguyện cho buổi lễ Tưởng Niệm ngày hôm nay. Kính chúc chư Tôn Đức phước trí nhị nghiêm, đạo quả viên thành.

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ các cơ quan truyền thông, các báo chí, đài phát thanh, đài truyền hình đã phổ biến tin tức rộng rãi trong suốt nhiều ngày qua và làm phóng sự cho buổi lễ hôm nay.

Chúng tôi xin cảm tạ quý vị đại diện các tôn giáo bạn, các giới chức chính quyền đã bớt thời giờ đến tham dự góp phần cho buổi lễ thêm phần trang nghiêm.

Chúng con thành tâm cảm tạ Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, Viện chủ Chùa Bát Nhã, Thượng Tọa Thích Thánh Minh, quý Tăng Ni và Phật tử, Đoàn Thanh Niên và Gia đình Phật tử Bát Nhã đã yểm trợ rất nhiều cho Ban Tổ Chức mà nếu không có, buổi lễ này sẽ không thể thực hiện được.

Chúng con xin tri ân HT Thích Minh Mẫn Viện chủ Chùa Huệ Quang luôn bên cạnh Ban Tổ Chức, cố vấn và hướng dẫn từng bước. Cảm ơn Đạo hữu Tài cùng nhóm bạn Phật tử thuộc chùa Huệ Quang đã cúng dường nước uống cho buổi lễ.

Chúng tôi xin cảm tạ quý vị nhân sĩ đã cống hiến những bài thuyết trình giá trị trong buổi lễ.

Xin cảm tạ quý anh Trưởng Ban Hướng Dẫn GDPTVN tại Hoa Kỳ, Trưởng Ban Hướng Dẫn Trung Ương GDPTVN tại Hoa Kỳ, các anh chị huynh trưởng cùng các đơn vị Gia Đình Phật Tử đã góp phần tổ chức và có mặt trong ngày Lễ Tưởng Niệm.

Xin cảm tạ quý đạo hữu thuộc Hội Cư Sĩ Orange County, quý vị Cư Sĩ thuộc Nhóm Cung Nghinh của Chùa Bát Nhã và các chùa trong vùng đã góp phần cung nghinh và tham dự.

Lời cảm tạ sau cùng xin dành cho quý Sư cô, quý Phật tử thuộc Tổng Hội Cư Sĩ Phật Giáo, các đạo tràng cũng như các ban, ngành đã hết lòng yểm trợ cho buổi lễ Tưởng Niệm này.

Chúng tôi chân thành cảm ơn sự hiện diện đồng đạo của quý đồng hương Phật tử, thành tâm kính thâm tạ tất cả quý Phật tử trong Ban Tổ Chức, đã trực tiếp hay gián tiếp, phát tâm cúng dường tịnh tài, tịnh vật, công sức để Phật sự này được thành tựu tốt đẹp. Nguyên hồi hướng công đức có được đến tất cả chúng sinh đều trọn thành Phật đạo.

Trong công tác Tổ chức Lễ Tưởng Niệm trọng đại ngày hôm nay, nếu có những điều sơ sót, Ban Tổ Chức trân trọng kính xin Chư Tôn Đức cùng quý liệt vị niệm tình tha thứ.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Thành kính tri ân.

**Ban Tổ Chức Lễ Tưởng Niệm 50 Năm Bồ Tát Thích Quảng Đức
 và Tặng Tín Đồ Vị Pháp Vong Thân**

MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

TÀU HŨ KHO TƯƠNG



Vật Liệu:

1. 3 miếng tàu hũ
2. 4 miếng hamburger chay
3. 1 Tbsp tương đậu cay (hot bean paste)
4. 1 Tbsp cooking sherry
5. Hành lá
6. Gừng băm
7. Tỏi băm
8. 1.5 tsp bột bắp pha với 1 Tbsp nước lã

Cách Làm:

Cắt tàu hũ ra từng miếng hình chữ nhật khoảng 2x1 phân và để ra rổ cho ráo nước. Bắc chảo lên và cho vào 3 tsp. dầu olive. Khi dầu vừa nóng thì cho gừng, tỏi và hành lá băm vào cho thơm. Kế tiếp cho hamburger chay (bẻ nhỏ ra) và tương đậu cay vào chảo. Kế đến cho tàu hũ vào chảo. Đợi cho vừa sôi lên thì vặn lửa nhỏ lại, nấu thêm khoảng 3 phút. Cho vào vật liệu số 8 và trộn lên cho đến khi sệt lại là xong. Lấy ra để lên đĩa và rắc lên trên mặt một ít hành lá cắt nhỏ thì bạn sẽ có được một đĩa "Tàu hũ kho tương" thật ngon và bổ.



Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

Nếu cần hỏi thêm về cách thức nấu hay để đóng góp, chia sẻ thêm ý kiến, xin liên lạc với chị Diệu An qua điện thư dieuan@sinhthuc.org

TƯỜNG NIỆM BỒ TÁT THÍCH QUẢNG ĐỨC cùng TẶNG TÍN ĐỒ PHẬT GIÁO VỊ PHÁP VONG THÂN

Vũ Anh

Trước hết tôi xin cảm ơn Tiến sĩ Huỳnh Tấn Lê và Tổng Hội Cư Sĩ Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ đã cho tôi một cơ hội thuận tiện để có đôi lời trình bày trước một cử tọa gồm những nhân sĩ trí thức Phật giáo đã từng có một quả khứ tu tập, nghiêm cứu, đã từng có những nỗ lực phổ biến Phật học, đã từng trình bày những luận cứ uyên bác trong những tác phẩm, những bài lai cáo viết về Phật giáo cũng như về một biến chuyển cách đây nửa thế kỷ: ngày Hòa Thượng Thích Quảng Đức dùng ngọn lửa của trái tim mình, biến thân xác Ngài thành một ngọn đuốc để xua hết những bóng tối của cường quyền đang trùm phủ lên Phật giáo Việt Nam mùa Pháp nạn 1963.

Thưa quý vị, thưa các Đạo Hữu,

Trước khi đến diễn đàn này, tôi nhận được khá nhiều cú điện thoại và e-mail phần lớn của những người bạn hay những người quen biết tôi, trong đó họ đưa ra thắc mắc: "Này ông, tôi thấy cái đám đó có vài thằng Việt cộng đã từng tắm xăng để thiêu sống ông Thích Quảng Đức, sao ông còn ngồi chung với họ." Tôi mạn phép quý vị trích dẫn nguyên văn một trong những câu hỏi của họ. Tôi không giận, không tức tối không phải chỉ vì họ là bạn hay quen tôi mà vì dư luận này tôi nghe thấy từ Mùa Pháp Nạn 1963 lúc tôi đang còn là một sinh viên. Tôi chỉ nói với những người bạn này: "Tôi hiểu tại sao ông nói như thế, nhưng điều đáng làm nhất là ông cung cấp ngay cho tôi những bằng chứng ai là Việt cộng tắm xăng đốt vị tu sĩ này. Tôi sẽ có mặt ở buổi tưởng niệm để chỉ đích danh những tên Việt cộng đó ngay trong hội trường. Ông bảo họ gọi ngay cho tôi, còn kịp mà."

Nhưng cho tới lúc tôi đang thưa chuyện với quý vị đây thì lời nhục mạ của 50 năm trước vẫn còn tồn tại là những lời nhục mạ không có bất cứ một căn cứ nào cả. Họ mang theo những lời nhục mạ một cao tăng Phật giáo đã lấy thân xác mình làm ngọn đuốc soi đường cho một khối thiểu số người u mê, cực đoan, sống bám vào chủ nghĩa phân biệt tôn giáo vượt cả đại dương trong hoàn cảnh nước mất nhà tan để rồi tiếp tục nuôi dưỡng nó trong cộng đồng tị nạn đang cần có sự đoàn kết về mọi mặt để đòi hỏi nhân quyền cho người Việt Nam ở cố quốc, trong đó có quyền tự do tín ngưỡng. Đứng ở đây, trên diễn đàn này trong không khí thiêng liêng của ngày chúng ta, những người con Phật tổ chức Tường Niệm 50 Năm Trái Tim Bồ Tát Thích Quảng Đức và Tặng Tín đồ Phật giáo Vị Pháp Vong Thân, nhưng tôi không thưa chuyện cùng quý vị với tư cách của người Phật tử mà với tư cách của một nhà báo sau một thời gian dài lục lọi tìm kiếm các dữ kiện được xác nhận trong đồng trên 4,000 trang tài liệu được Ngũ Giác Đài giải mật và những tài liệu rải rác khác trong các tác phẩm lịch sử chiến tranh Việt Nam của các sử gia Mỹ mà tôi may mắn mua được trong các tiệm sách cũ ở Hoa Kỳ.

Phật tử chúng ta gọi những biến động mang tính chất lịch sử của Phật giáo vào năm 1963 là mùa Pháp Nạn trong đó có thời điểm diễn ra cuộc tự thiêu

của Hòa Thượng Thích Quảng Đức ở ngã tư đường Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt ngày 11-6 cách đây đúng nửa thế kỷ. Dân chúng Việt Nam và người Phật tử nhìn biến cố này như một điểm mốc quan trọng làm rung rinh chế độ như thế nào thì đã có nhiều tác giả phân tích rất chi tiết, tôi xin không đề cập tới. Nhưng người Mỹ, gồm cả chính phủ lẫn dân chúng Hoa Kỳ, các viên chức Hoa Kỳ có trách nhiệm tại Việt Nam và Washington nhìn cuộc tự thiêu này như thế nào? Tôi nghĩ đó là một điều mới và tôi cần phải trình bày. Nhưng vì thời lượng giới hạn của bài thuyết trình, tôi chỉ xin trích một đoạn ngắn trong hàng chục đoạn văn nằm trong các phản phúc trình và lời khuyến cáo của ông Truehart, Đại Lý Đại sứ Mỹ tại Saigon gửi cho Washington ngay sau khi nội vụ xảy ra, xin trích:

"Vào buổi trưa ngày này, tại một ngã tư (Phan Đình Phùng-Lê Văn Duyệt), một tu sĩ Phật giáo là Hòa Thượng Thích Quảng Đức tắm xăng và nổi lửa tự thiêu. Ngọn lửa bùng cháy và đã được một phóng viên ngoại quốc chụp hình và xuất hiện trên trang nhất của báo chí trên thế giới (Phóng viên chụp bức hình này là Malcom Browne của hãng thông tấn AP, ông cũng vừa qua đời cách đây một tuần, 2013-TG). Rúng động và cảm phẫn khắp nơi trên trái đất, nhưng bà Ngô Đình Nhu vẫn thách thức bằng cách gọi đây là một vụ nướng thịt".

Vấn theo các tài liệu được giải mật của Ngũ Giác Đài thì ngay ngày 12-6, Đại lý đại sứ Mỹ Truehart, người tạm thay thế Đại sứ Frederic Nolting mãn nhiệm trở về Hoa Kỳ trong khi chờ đợi bổ nhiệm Đại sứ Cabot Lodge, đã gặp Tổng Thống Diệm một lần nữa để phản đối ông ta đã không hành động để giải quyết cuộc khủng hoảng với Phật giáo và nói vụ tự thiêu của Hòa Thượng Thích Quảng Đức đã gây sốc cho toàn thế giới. Nếu ông Diệm không hành động thì bắt buộc chính phủ Mỹ phải cắt đứt liên lạc với ông ta. Dựa trên các bản phúc trình của những viên chức trong phái bộ Phái Bộ Ngoại Giao và Cơ quan MACV tại Saigon, các phản tích viên của chính phủ Hoa Kỳ cho rằng đây là một giọt nước đã làm tràn ly nước đã quá đầy.

Ngôn ngữ về đấu tranh bất bạo động cũng là thứ ngôn ngữ "tinh" phù hợp với giáo lý Phật giáo, nhưng đồng thời trong cái tinh ấy chứa đựng những cơn bão có sức tàn phá những bức tường bùng bít, che đậy và coi thường sự phẫn nộ của dân chúng của những nhà độc tài. Người Mỹ đã có những sai lầm khi dồn sự ủng hộ và hậu thuẫn của họ vào một ông quan muốn giữ thể diện cũng như dùng mọi cách không chính đáng chỉ để bảo vệ gia đình mình, đẩy quyền lợi quốc gia xuống hàng thứ yếu. Con bài chính trong sách lược "tiền đồn của thế giới tự do", dưới con mắt của chính quyền Eisenhower và chính quyền Kennedy, Tổng Thống Ngô Đình Diệm được Hoa Kỳ coi là một người duy nhất có khả năng ngăn được Cộng sản. Nhưng thực tế con bài ấy đã phản lại những suy nghĩ của những chiến lược Hoa Kỳ trong một tổ chức liên bộ ngoại giao và quốc phòng đặc trách vấn đề Việt Nam với danh xưng Lực Lượng Đặc Nhiệm.

Lần mò vào trong nội dung của khoảng từ 200 đến 300 trang trong số 4,000 trang tài liệu được giải mật liên quan trực tiếp đến cuộc khủng hoảng Phật giáo, tôi đã có thể tìm được quan điểm của chính phủ Mỹ vào thời gian đó được tóm tắt bằng những dòng chữ như thế này, xin trích:

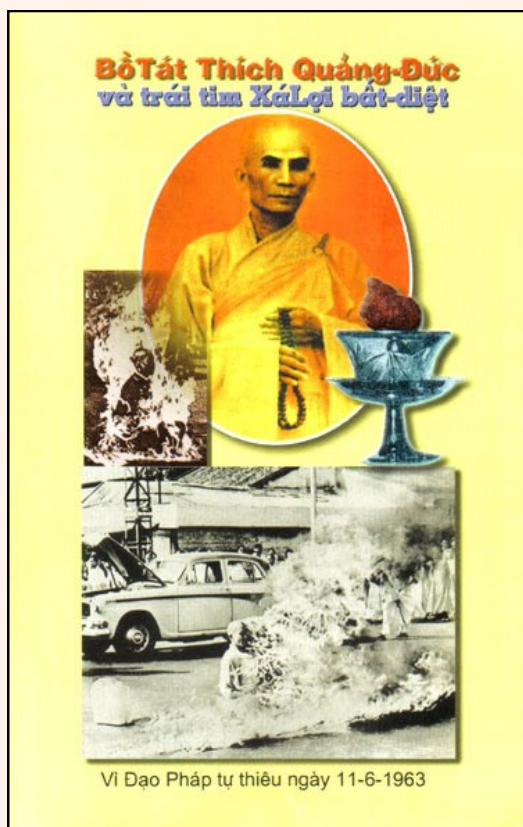
"*Biến cố tại thành phố Huế vào ngày 8 tháng 5 năm 1963 đã là chất kết tủa tạo ra điều mà chúng ta (tức là Mỹ) gọi là cuộc "Khủng hoảng Phật Giáo" và khởi đầu cho một chuỗi những biến cố tồi tệ hơn dẫn đến những nỗ lực lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm và cái chết của ba anh em Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu và Ngô Đình Cẩn. Vào thời điểm đó, không một người nào nhìn thấy trước được biến cố vừa kể lại có thể tạo ra một phong trào chống đối trên toàn quốc có khả năng tập hợp tất cả lực lượng đối kháng không-Cộng sản tại Miền Nam Việt Nam.*

"Quan trọng hơn nữa, vào lúc đó không ai có thể đánh giá đúng mức sự khinh ghét của quần chúng ở Miền Nam Việt Nam đối với chính quyền hoặc tình hình suy sụp về chính trị lan rộng trong chế độ, một chế độ không còn khả năng đối phó với những bất mãn của quần chúng. Nguồn gốc tôn giáo của những biến cố trong giai đoạn này có thể nhận ra được qua khối người Công giáo di cư từ Miền Bắc Việt Nam sau khi người Pháp bị đánh bại năm 1954.

"Ước lượng có khoảng độ 1 triệu người rời bỏ quê hương Miền Bắc của họ để tái định cư ở Miền Nam, ông Ngô Đình Diệm rõ ràng đã được ủng hộ bởi tôn giáo cũng như sự đồng cảm mang tính nhân đạo và để tạo được sự hậu thuẫn chính trị qua những đồng đạo, ông cung cấp cho những người tị nạn Công giáo những đối xử đầy ưu quyền về tái phân phối đất đai, cứu trợ và giúp đỡ, cấp giấy phép thương mại, xuất nhập cảng, cung cấp công việc trong chính quyền và những trợ giúp hào phóng khác. Do ông Diệm cần phải dựa vào sự trung thành của họ nên ông ta đã đưa những người Công giáo vào nắm giữ hết các vị trí then chốt trong chính quyền của ông, cả trong lãnh vực dân sự lẫn quân sự. Giống như một định chế, nhà thờ Công giáo đã được hưởng một qui chế pháp lý đặc biệt.

"Tổng Giám Mục giáo hội Công giáo Ngô Đình Thục, người anh lớn của Tổng Thống Ngô Đình Diệm trở thành cố vấn của tổng thống. Nhưng từ lúc ông Diệm về nước cho tới năm 1962, chính quyền Diệm chưa có sự phân biệt đối xử gay gắt nào đối với Phật giáo. Tuy nhiên, trong số khoảng từ 3 đến 4 triệu tín đồ Phật giáo đang hành đạo và 80% dân số Miền Nam Việt Nam mang danh nghĩa là những người theo Phật giáo, những ưu đãi, sự độc đoán và phân biệt đã tạo nên một sự căm ghét âm ỉ trong khối quần chúng". (hết trích)

Và đây là lăng kính mà các viên chức Hoa Kỳ có trọng trách thi hành chính sách của Hoa Kỳ đối với



VNCH dùng để soi rọi vào cái ngòi nổ dẫn đến cuộc tranh đấu chống phân biệt đối xử với Phật giá, xin trích:

"*Vào Tháng 4 năm 1963 chính quyền của Tổng Thống Diệm ra lệnh cho các viên chức thành phố phải cưỡng chế một lệnh cấm đã có từ lâu nhưng mọi người đã tảng lờ, đó là lệnh cấm treo cờ tôn giáo tại nơi công cộng. Lệnh này được ban ra chỉ một ngày sau khi chính quyền chính thức khuyến khích dân chúng ăn mừng lần thứ 25 ngày Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục thuộc địa phận Huế được thụ phong và trong lễ mừng, cờ của Tòa Thánh Vatican được treo khắp nơi. Lệnh này cũng được đưa ra chỉ một ngày trước Lễ Phật Đản vào ngày 8 tháng 5, một lễ quan trọng của Phật giáo. Huế, cố đô của Việt Nam vốn là một trung tâm hoàng pháp và tu tập quan trọng của Phật giáo Việt Nam, trong khi các trường đại học ở Huế từ lâu đã trở thành nơi tập trung những sinh viên bất đồng chính kiến. Cho nên, chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi những tín đồ Phật*

giáo vẫn cứ treo cờ tôn giáo của họ bất chấp lệnh cấm và khi chính quyền địa phương xuất hiện để hạ cờ Phật giáo theo lệnh cấm thì hành động này đã trở thành một hành động khuyến khích các tín đồ Phật giáo ở Huế và vùng phụ cận tập trung rất đông vào ngày 8 tháng 5 để tham dự ngày Khánh Đản. Coi cuộc biểu tình như một thách thức đối với uy tín của gia đình ông Ngô Đình Diệm và chính quyền. Huế cũng còn được coi là một thái ấp chính trị của một người em khác của ông Diệm là ông Ngô Đình Cẩn, nên các viên chức địa phương phải cố gắng giải tán đám đông.

"*Tuy nhiên, khi những cố gắng nói trên không mang lại kết quả, viên Phó Tỉnh Trưởng người Công giáo đã ra lệnh cho lính của ông nổ súng. Trong cảnh hỗn loạn xảy ra sau đó, 9 người đã bị giết, trong số này có cả trẻ em và 14 người khác bị thương. Những xe bọc thép được nói là đã cán lên người các nạn nhân. Chính quyền của Tổng Thống Diệm đã mau chóng đưa ra một câu chuyện hoàn toàn khác nói rằng Việt Cộng đã ném một trái lựu đạn vào đám đông và rằng các nạn nhân đã bị dẫm lên người trong cơn hỗn loạn (chứ không phải xe bọc thép cán). Chính quyền của Tổng Thống Diệm vẫn cứng rắn không nhận trách nhiệm ngay cả khi những quan sát viên trung lập cung cấp những đoạn phim cho thấy quân đội của chính phủ bắn vào đám đông.*

"*Bản chất quan lại của ông Diệm không cho phép ông ta giải quyết vụ khủng hoảng này với thái độ mềm dẻo, phù hợp với hoàn cảnh. Ông không thể công khai thừa nhận trách nhiệm của một nguyên thủ trước một thảm kịch để tìm cách hòa giải với những tín đồ Phật giáo. Tổng Thống Diệm cũng từng được thuyết phục rằng một sự mất mặt trước công chúng như thế có thể phá hỏng sự cầm quyền của ông ta và rằng ông đã quên hẳn một thực tế là*

không một người cầm quyền nào có thể phớt lờ lâu dài sự bất mãn của khối quần chúng lớn lao, bất kể đạo đức của ông như thế nào. Nhưng chính phủ vẫn bám vào những những sự việc như đã xảy ra (có nghĩa là cứ đổ cho Việt Cộng mà không cần điều tra gì nữa cả).

Những ngày tiếp theo đó tại thành phố Huế hơn 10,000 người đã biểu tình phản đối vụ giết người này. Đây là một trong nhiều hoạt động biểu tình mà Phật giáo dùng để tạo áp lực với chính quyền của Tổng Thống Diệm trong 4 tháng kế tiếp. Những Phật tử mau chóng tự tổ chức và ngày 10 tháng 5, một bản tuyên bố của các tu sĩ Phật giáo được chuyển đến chính quyền đòi tự do treo cờ Phật giáo và công bằng pháp lý như các nhà thờ Công giáo, chấm dứt việc bắt bớ và tự do hành đạo, bồi thường cho những nạn nhân vụ nổ súng ngày 8 tháng 5 và trừng phạt những người đã gây ra vụ này. Tất cả 5 đòi hỏi này được chính thức đưa cho Tổng Thống Diệm và ngày 15 tháng 5 và Phật giáo tổ chức cuộc họp báo đầu tiên sau một cuộc họp nội bộ. Những cuộc tuyệt thực trước nơi công cộng và các cuộc biểu tình tiếp tục suốt tháng 5 năm 1963, nhưng Tổng Thống Diệm vẫn chậm chạp trong việc xoa dịu những người bất mãn và giải quyết vấn đề.

"Vào ngày 30 tháng 5, khoảng 350 nhà sư Phật giáo biểu tình trước trụ sở Hạ Nghị Viện ở Saigon và tuyên bố tuyệt thực trong 48 giờ đồng hồ. Vào ngày 3 tháng 6, một cuộc biểu tình ở Huế đã bị đàn áp với hơi cay và một vài người bị phỏng khiến cho Phật giáo mau chóng đưa ra những lời cáo buộc quân đội chính phủ đã sử dụng hơi cay để đàn áp biểu tình. Ngày 4 tháng 6, chính phủ loan báo thành lập một ủy ban liên bộ do Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ cầm đầu để giải quyết cuộc khủng hoảng tôn giáo, nhưng hành động này của chính phủ có thể đã quá muộn. Một khối lớn thị dân đã đứng sau lưng Phật giáo và bắt đầu chống lại Tổng Thống Diệm. Vào ngày 8 tháng 6, bà Ngô Đình Nhu làm nghiêm trọng thêm tình hình vốn đã hết sức nghiêm trọng bằng một lời tuyên bố những phần tử Cộng sản đã thâm nhập vào hàng ngũ Phật giáo..." (Hết trích)

Tuy thế, qua sự trung gian và áp lực của Hoa Kỳ, ủy ban tranh đấu Phật giáo và chính quyền đã ký kết được một bản thông cáo chung để giải quyết toàn bộ vấn đề, nhưng hiệu quả của nó chẳng đi đến đâu. Vào đêm 21-8-1963, chỉ mấy ngày sau khi chính quyền của Tổng Thống Diệm hứa với Đại sứ Frederic Nolting đi nghỉ phép ở Hawaii rằng họ sẽ giải quyết toàn bộ cuộc khủng hoảng Phật giáo để tìm lại sự ủng hộ của dân chúng, Cố vấn Ngô Đình Nhu đã ra lệnh cho lực lượng Cảnh Sát Quốc Gia và Lực Lượng Đặc Biệt của Đại Tá Lê Quang Tung do Mỹ huấn luyện và tài trợ để thực hiện cuộc chiến bí mật vào cuộc tấn công các chùa Phật Giáo bắt giữ hàng ngàn tăng tín đồ Phật giáo. Và đây là hành động lòng quyền cuối cùng của cố vấn chính trị Ngô Đình Nhu làm tai tiếng toàn thể quân đội VNCH và hành động cuối cùng này cũng đã dẫn đến một cuộc đảo chánh vào ngày 1-11-1963 kết thúc chế độ Ngô Đình Diệm. Trong những bản phúc trình trực tiếp với Tổng Thống Kennedy khi trở về Hoa Kỳ, Đại sứ Cabot Lodge đã mô tả "Mỹ muốn cứu vãn chế độ cho tới giờ phút chót, nhưng lỗi lầm của một người thay vai trò Tổng Tư Lệnh của cố vấn chính trị Ngô Đình Nhu đã khiến cho tình thế tuyệt vọng không còn cứu vãn nổi nữa..."

Tôi không đi sâu vào chi tiết của cuộc tranh đấu

của Phật giáo chống sự kỳ thị tôn giáo của chính quyền Tổng Thống Ngô Đình Diệm dẫn đến cuộc đảo chánh lật đổ ông vào ngày 1-11-1963 vì tôi biết rằng thời giờ rất eo hẹp. Nhưng tôi muốn nhấn mạnh ở đây rằng, những tài liệu này được giải mật sau 30 năm nằm im trong văn khố quốc gia Hoa Kỳ tự chúng không bao giờ có tác dụng gây chia rẽ giữa Phật giáo và Công giáo mà ngược lại chỉ có tác dụng đánh tan những ngộ nhận do một thiểu số những người trung thành với chế độ Ngô Đình Diệm loan truyền với ác ý, nào là hàng ngũ Phật giáo bị Cộng sản xâm nhập giết giây, nào là người Mỹ làm lơ cho những tướng lãnh lật đổ và giết hai anh em ông Diệm Nhu chỉ vì ông Diệm không cho Mỹ đổ bộ binh vào Miền Nam Việt Nam, nào là Hòa Thượng Thích Quảng Đức bị Việt cộng tắm xăng và đốt, nào nếu Tổng Thống Ngô Đình Diệm không bị giết thì Miền Nam Việt Nam không mất trong ngày 30-4-1975. Tôi lại nhắc lại một lần nữa, những người nào còn bày tỏ lòng trung thành với Tổng Thống Ngô Đình Diệm bằng cách sửa chữa lịch sử nếu có cơ hội đọc tài liệu "The Pentagon Papers" và những tài liệu khác đây ập trong các thư viện Hoa Kỳ thì sẽ thấy rằng những thông tin kiểu "nghe nói, người ta đồn" hay kiểu thông tin "trộn hư cấu với dữ kiện được xác nhận" chắc chắn sẽ bị phản bội.

Ở đất nước tự do này, người ta có quyền bày tỏ lòng trung thành, vinh danh, dựng tượng bất cứ nhân vật nào mà họ coi là lịch sử, không ai cấm cản, **nhưng đừng có dùng những lời lẽ khiếm nhã để lăng nhục một tôn giáo hay tạo những ngộ nhận để vu cáo trong dư luận nhằm đánh bóng một mặt nhân vật mà thực tế đằng sau lớp son giả tạo không có một điều nào có thể hậu thuẫn việc làm của những nhân vật ấy.**

Trong những năm tháng cuối của cuộc đời mình, khi gánh nặng áo cơm đã nhẹ, tôi đã dành nhiều thời giờ để truy cứu, tìm hiểu vào những tài liệu mà một số người vẫn còn tơ tưởng đến thời được chế độ sùng ái cách đây nửa thế kỷ sợ hãi, không dám mạnh dạn phủi lớp bụi thời gian đi để nhìn vào hay tìm sự thật. Họ quên mất một điều là chữ rửa, bịa chuyện, phê phán không có chứng cứ hậu thuẫn, vu cáo cho người ta là Cộng sản, là tay sai, là bị Cộng sản lợi dụng không thể át đi được tiếng nói vô địch của những dữ kiện lịch sử, những biến cố chính trị, quân sự hay kinh tế.

Tôi tin rằng chúng ta, tất cả quý vị đến dự Lễ Tưởng Niệm 50 Năm ngày Bồ Tát Quảng Đức và Tăng tín đồ Phật Giáo Vị Pháp Vong Thần đều là những người đã từng phải trải qua những thử thách đến từ Mùa Pháp Nạn 1963. Và với lòng rộng mở theo tinh thần hỷ xả của nhà Phật, chúng ta không bao giờ coi những "nạn" trong Mùa Phật Đản 50 năm trước đây là cái cớ để nuôi thù oán, nhưng chúng ta cương quyết không để cho bất cứ một người nào sửa chữa lịch sử một cách vu vơ. Tôi quan niệm đó là phương thức tốt nhất để hiện dương sự thật và góp phần bảo vệ Đạo pháp. Cuối cùng, tôi hy vọng được học hỏi thêm từ những nhân sĩ, trí thức Phật giáo và các Đạo Hữu cũng như sẽ cố gắng đóng góp cùng quý vị những gì mà tôi hiểu và biết về Mùa Pháp Nạn cách đây 50 năm. Hy vọng ánh hào quang của Phật giáo nói chung và Trái Tim Thích Quảng Đức sẽ hướng dẫn chúng ta.

Xin cảm ơn tất cả quý vị đã kiên nhẫn lắng nghe lời trình bày của tôi./.

Vũ Ánh (nhà báo)

ĐANG TÂM NGUYỄN RỬA THÁNH TĂNG CHUNG THÂN HIỂN HIỆN VẾT HẸN TRẦM LUÂN

Tịnh Minh soạn dịch theo *Pháp Thoại Pháp Cú*

Từ lúc biết đi, Sơn Cầu (Jambuka) không nằm trên giường, không ăn thực phẩm bình thường mà chỉ ăn toàn phân dãi của chính mình. Cha mẹ đau lòng, không nỡ vất con, đành bóp bụng nuôi dưỡng và thầm an ủi với nhau: “Nó còn nhỏ, đã biết gì mà trách mắng!” Nhưng khi lớn lên, nó không chịu mặc quần áo, đi đứng trần truồng, nằm lẩn dưới đất, chải tóc bằng mảng gai bồm (dạng gai bồ kết) và cũng chỉ ăn cứt của nó. Cha mẹ thấy hiện tượng quái đản, xấu hổ với bà con láng giềng, bèn nghĩ:

- Thằng nhỏ này khác thường, không thích ứng với nếp sống gia đình; cho nó xuất gia, theo nhóm ẩn sĩ khổ hạnh A-ji-va-ka (Ājivakas), sống lỏa lồ trong rừng núi thì phù hợp hơn.

Họ đem con đến gặp vị thượng thủ A-ji-va-ka, thưa rằng:

- Thưa đạo sĩ, cháu này thích sống khổ hạnh, muốn theo hầu hạ đạo sĩ cho trí tuệ ngày thêm minh mẫn. Xin đạo sĩ từ bi hóa độ cho cháu!

- Được thôi!... Nhưng không chịu nổi nếp sống tu hành khổ hạnh thì trả cháu về với gia đình đấy nhé!

- Vâng ạ! Xin đội ơn đạo sĩ.

Trút được gánh nặng, ông bà mừng thầm, vái chào tạm biệt đạo sĩ, lui gót ra về với đầu óc lâng lâng như bay theo mây gió.

Ngày hôm sau, A-ji-va-ka gọi Sơn Cầu đến, nói:

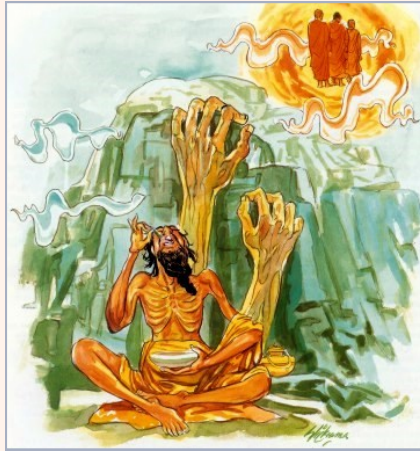
- Sáng nay chúng ta vào làng hóa duyên, hãy theo thầy cho quen với nếp sinh hoạt đạo giáo.

- Thầy đi đi. Con muốn ở yên một chỗ! - Sơn Cầu trả lời với hai mắt nhắm nghiền.

Họ thức giục hai ba lần mà Sơn Cầu vẫn khăng khăng từ chối.

Khi nhóm ẩn sĩ đi rồi, Sơn Cầu đến cạy nắp hố xí, chui xuống hầm, hai tay vốc phân, vắt từng cục và cho vào mồm ăn ngon lành. Trưa đến, A-ji-va-ka đưa thức ăn xin được của dân chúng trong làng, nhưng Sơn Cầu vẫn một mực từ chối, nói:

- Con không cần những thức



ăn này. Con có thức ăn riêng của con.

- Thức ăn riêng của con tìm đâu ra?

- Ngay tại đây!

Mấy ngày sau, Sơn Cầu cũng nhất quyết không đi khất thực. Sanh nghi, A-ji-va-ka cho người mai phục để xem Sơn Cầu tìm kiếm thức ăn bằng cách nào. Thế là họ bắt quả tang cậu ta chui xuống hố xí ăn cứt. A-ji-va-ka nghe tin, điên người, nói với đồ chúng:

- Khiếp nhì! Hẳn là người hay súc vật? Nhỡ ra đồ đệ của Sa-môn Gô-ta-ma biết được chuyện này, rồi họ rêu rao rùm beng lên rằng: “Nhóm ẩn sĩ khổ hạnh A-ji-va-ka đang luyện tập pháp môn ăn cứt”, thì chúng ta còn mặt mũi nào đối diện với mọi người và phát huy đạo nghiệp. Nghiệt quá!

Họ quyết định trục xuất Sơn Cầu ra khỏi đoàn thể ngay tức khắc.

Bơ vơ lạc lõng, không biết về đâu, Sơn Cầu đành tạm ẩn trong một hang núi, và ngày đêm đến hố xí công cộng ăn cứt.

Một hôm, có mấy người trên đường đến cầu tiêu, thấy Sơn Cầu đứng thẳng người, chân trái gác trên đùi chân phải, tay vịn tảng đá, miệng há toang hoác, mắt trợn ngược nhìn thẳng hướng gió như đang luyện tập bùa phép.

Thoáng thấy Sơn Cầu, ngỡ

rằng đạo sư đang phù chú phong vũ, họ rón rén tiến đến gần, thi lễ và hỏi:

- Thưa đạo sĩ, sao ngài trợn mắt, há miệng thế?

- Ta là người ăn gió, ngoài ra không dùng một loại thực phẩm nào khác.

- Ngài đứng co chân như vậy để làm gì?

- Tu luyện khổ hạnh. Nếu ta đi hai chân, trái đất sẽ rung chuyển và vỡ ra từng mảnh. Ta đứng một chân vì thương các người đấy! Ta nguyện suốt đời đứng như thế này, không ngồi và chẳng bao giờ nằm.

Thế là họ tin lời Sơn Cầu. Và chẳng mấy chốc, nguồn tin ẩn sĩ thánh thiện dị thường loan truyền khắp kinh thành Ma-kiệt-đà (Magadha). Dân chúng đua nhau dâng hiến thực phẩm đủ thứ, nhưng Sơn Cầu dửng dưng đáp:

- Ta chỉ ăn gió thôi. Ta không thọ dụng thực phẩm. Vì nếu ta dùng thực phẩm như các người thì còn gì là ẩn sĩ khổ hạnh, hy hữu trên đời.

Nghe thế, dân chúng lại càng kính trọng hơn. Họ tha thiết khẩn cầu:

- Kính bạch đạo sĩ, xin thương tình chiếu cố chúng con. Nếu như đạo sĩ nhận từ tay chúng con chút quà nhỏ mọn này thì chúng con chắc chắn sẽ được giàu sang phú quý, phúc thọ khang an.

Trước sức ép van nài, và để đề cao tâm nguyện từ bi, Sơn Cầu ngắt một lá cỏ cô-xa, quệt một chút mật ong và mạch nha họ dâng cúng, đặt trên đầu lưỡi của mình, và nghiêm giọng nói:

- Đủ rồi!... Các người hãy ra về với trọn lời nguyện ước.

Sơn Cầu đi lại lỏa lồ, ăn uống phân dãi, chải tóc bằng mảng gai bồm, và nằm lẩn trên đất đá suốt năm mươi lăm năm như vậy.

Như thường lệ, sáng nào Thế Tôn cũng vận dụng Phật nhãn quán sát thế gian, xem ai có duyên với Phật pháp trước khi Ngài ôm bình thiền hành, khất thực. Một hôm, ẩn sĩ lỏa thể Sơn Cầu lọt vào mạng lưới tri kiến của Ngài.



Và ngay tức khắc, Ngài nhận ra tiềm năng giác ngộ siêu việt của Sơn Cầu đã đến lúc chín muồi. Ngài trầm nghĩ:

- Ta chỉ đọc một câu kệ mà Sơn Cầu và tám mươi bốn ngàn chúng sanh ngộ đạt chánh pháp, giữ sạch vô minh.

Ngày hôm sau, Thế Tôn khất thực một vòng thành Vương-xá, xong trở về tịnh thất, nói với Trưởng lão A-nan:

- A-nan, Thầy định đến gặp ẩn sĩ lão thể Sơn Cầu.

- Thế Tôn đi một mình?

- Ờ, một mình tiện hơn.

Và Ngài lên đường vào lúc chạng vạng tối.

Đến nơi Sơn Cầu ẩn cư, Thế Tôn báo hiệu bằng cách đặng hắng giọng, gọi:

- Sơn Cầu! Sơn Cầu!

- Thăng quý nào biết mình mà gọi vậy hê! - Sơn Cầu lầm bầm, đáp:

- Ai đó?

- Ta đây! Một Sa-môn đây!

- Đại sư muốn gì?

- Xin vui lòng cho ta trú một đêm.

- Không còn chỗ!

- Chỉ một đêm thôi, Sơn Cầu.

Làm phước mà!

- Chớ nói nhiều. Đây không phải nhà trọ. Sa-môn có chỗ Sa-môn, ngựa trâu có chỗ sinh tồn ngựa trâu. Thế gian lắm chuyện ưu sầu, lưu manh xỏ lá biết đâu mà lường!

- Ta van xin Sơn Cầu!

- Ờ, hay nhì!... Thế... Sa-môn mà bình bát và túi lọc nước đâu?

- Đi nơi nào cần ta mới mang chúng theo.

- Vậy thì đến nơi nào cần mà ở!

Bấy giờ cách nơi ẩn cư của Sơn Cầu không xa có một hang núi, Thế Tôn đến nghỉ đêm tại đó.

Canh một, Tứ Đại Vương đến hầu Thế Tôn, tòa hào quang rực rỡ bốn hướng. Canh hai, Đề Thích thay phiên. Canh ba, đến lượt Đại Phạm Thiên, và cả dãy núi sáng mát như ánh trăng rằm. Thấy hiện tượng kỳ lạ, Sơn Cầu kinh ngạc, cả đêm không sao chợp mắt.

Sáng sớm hôm sau, Sơn Cầu

đến gặp Thế Tôn, vái chào thân thiện, rồi trình trọng đứng sang một bên, hỏi:

- Đại sư, đêm qua ai đến với đại sư mà cả dãy núi sáng rực lên thế?

- Tứ Đại Vương, Đề Thích và Đại Phạm Thiên.

- Họ đến để làm gì?

- Hầu hạ ta!

- Đại sư cao quý hơn Phạm Thiên, Đề Thích?

- Dĩ nhiên! Ta là nhơn thiên chi Đạo Sư (thầy của loài trời và loài người)

- Đại sư không đùa đấy chứ?

- Mỗi lời nói của Như Lai, muôn ngàn năm vẫn không sai lời nguyên.

- Ngài cao siêu và huyền diệu quá! Ta đã năm mươi lăm năm nhọc nhằn khổ luyện trên cõi đời này, nhất là những năm tháng gần đây, ta đứng một chân, sống nhờ không khí, vậy mà được mấy ai đoái hoài thương tưởng!

- Sơn Cầu, người có tài ứng khẩu đấy! Người đã lừa được nhiều người khờ khạo. Giờ đây người định lừa ta nữa sao? Chẳng phải suốt năm mươi lăm năm qua người sống nhờ phân người, đi đứng lỏa lổ, nằm trên đất đá, và chải tóc bằng mảng gai bồm? Người đã dài hơi lừa bịp mọi người rằng: "Ta ăn không khí; chỉ đứng một chân; không bao giờ ngồi; chẳng bao giờ nằm". Người đang tìm cách mà mắt ta nữa đấy chắc! Người biết nguyên do vì sao người bị dọa dầy hèn mạt, khốn nạn như vậy không?

- Không biết, xin Đại sư chỉ cho!

- Vì gian tâm tà kiến, vọng ngôn ác khẩu của người trong tiền kiếp!

- Trời ơi!... Con đã làm gì, bạch Đại sư!

- Vậy thì hãy lắng nghe:

Từ thuở xa xưa, trong thời Đức Ca-diếp (Kassapa) chứng quả vô thượng chánh đẳng chánh giác, có một cư sĩ thuần thành, chánh tín Tam bảo, thiết lập một thảo am và dâng hiến tứ sự cúng dường cho một Trưởng lão tu tập. Bấy giờ có một Thánh tăng, đã chứng quả A-la-hán, thiên hành khất thực trước nhà cư sĩ. Thấy phong thái uy nghi, dung nhan hiền hòa của vị du Tăng, gia chủ sanh tâm cung kính, mời sư vào nhà cúng dường thực phẩm sang trọng, và một khổ vải để may y hậu. Sau đó ông gọi thợ hớt tóc đến cắt tóc cho sư, và tự tay kê giường cho

sư nằm nghỉ trong một phòng biệt lập ngoài vườn.

Kịp lúc Trưởng lão đến nhà cư sĩ khất thực như thường lệ, thấy cảnh du Tăng được đãi ngộ đặc biệt, sư nổi máu ganh tị; và trên đường về thảo am, sư cứ âm ức trong lòng:

- Mối từ đâu đến mà được trọng vọng thế sao? Ta có còn là Trưởng lão nữa không? Bấy lâu nay ta chưa được cái ưu ái đó!

Đêm đến, vì ngọn lửa tham lam, sân hận, si mê cứ nung nấu tâm can, không sao chợp mắt, sư thường trụ bèn chống gậy đến gặp du Tăng, chỉ tay vào mặt, và gằn giọng nhục mạ:

- Ông khách, đừng giả vờ nghiêm trang đạo mạo để được tứ sự cúng dường nhé! Người nên ăn cứt còn hơn ăn cơm của thí chủ! Tóc tai như người mà cắt tia, chỉ cào bữa bằng loại gai bồm thôi! Hạng người như người mà cũng y hậu chỉnh tề, tứ thời trần truồng trưng trực thì phải phép hơn! Còn nữa, thân xác đó mà nằm trên giường chiếu thì phí quá, trên đất cát sỏi đá thì phù hợp hơn!

Với lòng từ bi lẫn mẫn, Trưởng lão du tăng chỉ biết im lặng và trầm niệm:

- Nguyên cầu hồng ân Tam bảo phù hộ độ trì cho pháp hữu của con khỏi bị quả báo vì tội lộng ngôn ác khẩu, ganh ghét tị hiềm. Con xin hy xá tất cả.

Nửa đêm hôm đó, Trưởng lão du tăng lặng lẽ rời khỏi nhà thí chủ với lòng thông cảm bao la.

Vì ác tâm tà kiến, vọng ngôn thô lậu, Trưởng lão thường trụ tuy đã trải qua hai mươi ngàn năm thiền định tu tập nhưng vẫn chưa đủ công năng hiệu lực, hết kiếp vẫn bị dọa vào địa ngục A-tỳ, chịu nhiều thống khổ. Nay được đầu thai làm người thì phải cứu mạng bốn trọng nghiệp: ngày ngày ăn cứt đái, đi đứng mãi trần truồng, tóc chải bằng gai bồm, nằm ngồi trên sỏi đá. Hủy báng Thánh tăng, trọng tội thế đấy, Sơn Cầu!

Như sét đánh ngang tai, Sơn cầu khụy người, ôm chân Phật khóc sụt sùi, van xin:

- Thế Tôn ơi cứu con với! Cứu con với Thế Tôn ơi!... Hu...hu

Động lòng bi mẫn, Thế Tôn dang hai tay nói:

- Hãy đến đây, Tỳ-kheo! Hãy sống đời phạm hạnh!

Nhờ uy lực nhiệm mầu của Đức Thế Tôn, nhất là nhờ hai mươi ngàn năm tu tập thiền định, Sơn Cầu đột nhiên hiện tướng Sa-môn với phong thái trang nghiêm, y bát đầy đủ.

Hôm đó dân chúng đua nhau

đến kinh thành Ma-kiệt-đà cúng dường lễ vật cho Sơn Cầu. Thoáng thấy Thế Tôn, họ liền nghĩ:

- Ai vĩ đại hơn ẩn sĩ cao minh Sơn Cầu của chúng ta, hay Sa-môn Gô-ta-ma?

Rồi họ đi đến kết luận:

- Gô-ta-ma đích thân đến tìm Sơn Cầu, vậy thì ẩn sĩ dứt khoát phải được tôn vinh hơn Sa-môn.

Đọc được tâm ý của dân chúng, Thế Tôn nói:

- Sơn Cầu, hãy giải nghi cho những ai còn thắc mắc.

Sơn Cầu vọt lên giữa không trung, chấp tay hướng về chính diện Thế Tôn, nói:

- Ngưỡng bạch Thế Tôn, Thế Tôn là Đạo Sư, là đấng cha lành của chúng sanh, vinh hạnh cho con được làm đệ tử Ngài.

Sơn Cầu đáp xuống đất và lễ Phật ba lần.

Dân chúng thấy vậy, hân hoan tán thán:

- Kỳ diệu thay thần lực của Thế Tôn. Chúng con xin kính lễ Ngài.

Và Thế Tôn đáp lại:

- Nay thiện nam tín nữ, lâu nay Sơn Cầu sống nhờ lá cỏ cô-xa mà quý vị đã mang đến. Nay ta hoàn tất đạo nghiệp cho ẩn sĩ. Có điều nếu như Sơn Cầu kiêng khem thực phẩm qua cảm nghĩ ăn năn hối lỗi, thì những khổ luyện như thế không bằng một phần mười sáu chánh niệm công đức trang nghiêm.

Ngài đọc kệ:

*Kẻ ngu sống hằng tháng,
Nhờ ngon cỏ cô-xa,
Chưa bằng phần mười sáu,
Người hiểu chánh pháp mà!
(PC. 70)*



Verse 70: The Story of Thera Jambuka

Jambuka was the son of a rich man in Savatthi. Due to his past evil deeds he was born with very peculiar habits. As a child, he wanted to sleep on the floor with no proper bed, and to take his own excreta for food instead of rice. When he grew older, his parents sent him to the Ajivakas, the naked ascetics. When those ascetics found out about his peculiar food habits they drove him away.

At nights he ate human excreta and in the day time he stood still on one leg and kept his mouth open.

He used to say that he kept his mouth open because he only lived on air and that he stood on one leg because it would otherwise be too heavy for the earth to bear him. "I never sit down, I never go to sleep," he boasted and on account of this, he was known as Jambuka, a 'jackal'.

Many people believed him and some would come to him with offerings of choice food. Then Jambuka would refuse and say, "I do not take any food except air." When pressed, he would take just a little of the food with the tip of a blade of grass and say, "Now go, this little will give you enough merit." In this way, Jambuka lived for fifty-five years, naked and taking only excreta.

One day, the Buddha saw in his vision that Jambuka was due to attain Arahatship within a short time. So, in the evening, the Buddha went to where Jambuka was staying and asked for some place to spend the night. Jambuka pointed out to him a mountain-cave not far from the stone slab on which he himself was staying. During the first, second and third watches of the night, the Catumaharajika devas, Sakka and Mahabrahma came to pay homage to the Buddha in turn. On all the three occasions, the forest was lit up and Jambuka saw the light three times. In the morning, he walked over to the Buddha and enquired about the lights.

When told about the devas, Sakka and Mahabrahma coming to pay homage to the Buddha, Jambuka was very much impressed, and said to the Buddha, "You must, indeed, be a wonderfully great person for the devas, Sakka and Mahabrahma to come and pay homage to you. As for me, even though I have practised austerely for fifty-five years, living only on air and standing only on one leg, none of the devas, nor Sakka, nor Mahabrahma has ever come to me" To him, the Buddha replied, "O Jambuka! You have been deceiving other people, but you cannot deceive me. I know that for fifty-five years you have been eating excreta and sleeping on the ground."

Furthermore, the Buddha explained to him how in one of his past existences during the time of Kassapa Buddha, Jambuka had prevented a Thera from going with him to the house of a lay-disciple where alms-food was being offered and how he had also thrown away the food that was sent along with him for that Thera. It was for those evil deeds that Jambuka had to be eating excreta and sleeping on the ground. Hearing that account, Jambuka was horrified and terror-stricken, and repented for having done evil and for having deceived other people. He went down on his knees and the Buddha gave him a piece of cloth to put on. The Buddha then proceeded to deliver a discourse; at the end of the discourse Jambuka attained Arahatship and joined the Buddhist Order on the spot.

Soon after this, Jambuka's pupils from Anga and Magadha arrived and they were surprised to see their teacher with the Buddha. Thera Jambuka then explained to his pupils, that he had joined the Buddhist Order and that he was now only a disciple of the Buddha. To them, the Buddha said that although their teacher had lived austerely by taking food very sparingly, it was not worth even one-sixteenth part of his present practice and achievement. Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 70. Even though, month after month, the fool (living in austerity) takes his food sparingly with the tip of a grass blade, he is not worth even one-sixteenth part of those who have comprehended the Truth (i.e., the Ariyas).

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.**,
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.

Vu-Lan cảm niệm

GIÁC-MINH



*Nước sông nọ có nguồn mới
chảy
Hạt thóc kia có cấy mới nên
Phàm phu cho đến thánh hiền
Nếu không Cha Mẹ sao nên
thân người (Sám Vu Lan)*

*Tiếng lòng thốn thức nhớ ân
thâm
Mẹ hồi lòng con mãi nguyện
thâm
Mong Mẹ an lành trong tuổi xế
Con còn dong ruổi biết bao
năm.*

Tiếng “Mẹ” một âm thanh thánh thót trong lành đầy nhân ái, vắn chương cuộc đời dù diễn tả từ vô lượng ngàn xưa cho mãi đến ngàn sau, cũng không bao trùm và chuyển chở cho trọn vẹn ý nghĩa thiêng liêng sâu lắng này. Tiếng ấy đã theo chúng con từ lúc nằm nôi, đôi tay mụ mẫm của con không lúc nào không với đôi bầu sữa ngọt ngào, khi tiếng khóc con cất lên là dòng sữa của Mẹ hiền tuôn chảy miên man ru cho con tròn giấc thơ ngây.

*Mẹ hồi Mẹ! ôi tình thiêng liêng
quá
Là áo cừu con khoác lúc đông
thien
Là thuyền con nương khi giông
gió ngửa nghiêng
Là sức sống khi hồn con tuyệt
vọng*

Hồi tưởng lại, những thâm ân mà Mẹ Cha đã tạo dựng cho con, với những nhọc nhằn hôm sớm, đôi bàn tay sẵn sù của Mẹ chờ nấng che mưa, hầu cho con tránh được những cơn giá rét cuộc đời, đôi chân của Cha chai lì trên sỏi đá hồng trần, để dìu dắt con trên hành trình nhân thế, chỉ mong cho con cứng cỏi bền lòng trước giông bão ngửa nghiêng.

*Vai gầy nghiêng gánh gian
lao
Sương giăng gió giựt ba đào
đời Cha
Trắng vàng chéch bóng ta bà
Mẹ còn lặn hụp hằng sa kiếp
người
Cho con hơi thở vào đời
Cho con dịu ngọt vạn lời nhớ
thương*

- Có những lúc suốt sáng đầu đêm Mẹ cùng Cha nhìn những đứa con thơ lần hồi khôn lớn, Cha Mẹ phải trăn trọc trở mình trong năm canh, ước nguyện canh cánh bên lòng là làm sao để cho đàn con mình có một chân trời hạnh phúc cao xa
- Rồi bao tháng lại ngày qua, những bước chân Cha Mẹ vào ra, ấp ủ nơi cội lòng, làm sao để nhả nhủ, dạy khuyên cho đàn con mình, học và hiểu bao sự sống cuộc đời, phải thiết tha ra sao trong tình người ấm lạnh

*Công giáo dưỡng ru hời
trong nhịp thở
Nghĩa sanh thành trần trử
mãi hồn con
Tháng năm lần lửa hao mòn
Mẹ Cha héo hắt chon von xế
chiều*

Chỉ ước nguyện con mình trở nên tròn câu nhân bản để
*Cho con đi trọn một đời
Là Cha Mẹ phải vạn lời giáo
khuyến
Nặng sương sương chải
muôn miền
Còng lưng bạc tóc muôn
phiên vì con
Xác thân ngày một héo hon*

*Trăm năm một kiếp mồi mòn
nào hay*

Rồi thời gian gõ nhịp vô thường, chúng con lớn khôn, bước những bước chập chững vào đời, xa lần vòng tay triu mến của Mẹ, vắng lần những giây phút giáo dưỡng nơi Cha. Những người con ấy theo giòng đời tuôn chảy, mặc cho năm tháng qua mau cứ mãi bước những bước chân xa dần, xa dần mái nhà xưa mà một thời con đã tung tăng vui đùa bên hơi ấm Mẹ.

- Mặc cho nơi chốn quê xưa, người cha lưng còng gầy trúc ngời bên bờ giậu, nhìn hàng cau mà đếm trái để nhắm tính rằng con mình đã xa vắng bao xuân

- Mặc cho Mẹ già tóc bạc sương khuya, tựa cửa trông con, để rồi gió khẽ lùa song lạnh, tường tiếng động hình bóng con về.

*Vòng thế sự con hoài quanh co
mãi
Bước tha phương con để lại quê
nhà
Cha Mẹ già đầu điểm ngấn sương
pha
Mắt mờ lệ nhạt nhòa gieo thương
nhớ
Vận nước đến để người đi kẻ ở
Mẹ đoái trông biển biệt chôn xa
xăm
Gốc thông già Cha lúi thủi thán
năm
Thân nghiêng bóng hoàng hôn
trông hôm sớm*

Và cứ thế thời gian vô tình lặng lẽ qua đi, bước chân của đàn con càng xa thêm mãi, khi nhìn thế sự thăng trầm, tâm tình nổi loạn, đàn con phải cố xua đuổi nhớ thương, đăng trình làm trai thời loạn.... để

*Trống trường thành lung lay
bóng nguyệt
Khỏi lam tuyến mờ mịt thức
mây (CPNK)
Chiến chinh say tình tình say
Con đi đi mãi không ngày
hoàn hương
Muôn lời vạn nhớ ngàn
thương*



*Đoái trông đòi đoạn bốn
phương mặt mở*

Lay lắt kiếp sống tha phương
nơi quê nhà còn thể, chốn đi về
còn cảm thấy mong lung, rồi
chinh chiến qua đi, những tưởng
câu đoàn viên ấm áp sẽ chan hòa
dưới khói lam chiều bên bếp lửa
hồng, bên giếng nước bờ ao, bên
Mẹ già, bên Cha kính, nhưng
những vết thương khi hòa bình,
khiến cho đất Mẹ thêm nhiều nỗi
cần cỗi chơi vơi cho đàn con đời
hậu chiến, một lần nữa chữ THA
PHƯƠNG thay thế THA HƯƠNG,
cảnh xa xôi như càng trải dài thăm
tắp trong chúng con... trong con
tim Cha Mẹ, để cho sự quay quắt
nghĩa tình thương nhớ cứ nhân
mãi tháng năm.

*Một thoáng đổi đời vạn
thoáng đau*

*Tâm tư viễn xứ vạn thương
sầu*

*Người đi vạn cổ buồn nhân
thế*

Kẻ ở quần quay vạn bể dâu

Vu Lan đến rồi thưa Cha Mẹ,
chúng con cài lên ngực áo đóa
hồng, dù độ thắm hay trắng tinh
khôi, thì nỗi niềm mong báo đức
thù ân công sanh thành giáo
dưỡng cũng không sao trang trải
cho tròn nhân trọn nghĩa, để cho
lòng chúng con với đi nhớ
thương, hầu mong sự hiểu tâm,
hiếu hạnh trong chúng con phần
nào đó đáp đối trong muôn một
đôi tiếng MẸ CHA.

Giờ đây duy nhất trong niềm
tin Phật đạo, xin chắp tay hướng
lòng về Tam Bảo:

*Nguyện cầu Cha Mẹ sống an
tâm*

*Con sẽ hằng đêm mãi nguyện
thăm*

*Sống trọn ân sâu lời giáo
dưỡng*

*Cho người hoan hỷ kiếp trăm
năm.*



Trái tim của Mẹ

THÍCH NỮ TRÍ HẢI

(trích “Đường Vào Nội Tâm”)



Ngày xưa, có một cậu bé ở với mẹ trong một túp lều ven rừng. Ngày ngày cậu đi vào rừng hái củi bán nuôi mẹ. Mẹ cậu ở nhà nấu cơm, vá áo chăm sóc những luống rau. Hai mẹ con sống nghèo nàn hẩm hút, nhưng không kém về đầm ấm, bởi vì tình thương của mẹ vốn đã là điều kiện cần và đủ cho một con người.

Nhưng cậu bé lớn dần và bắt đầu đi xa hơn trong những buổi kiếm củi. Hồn cậu cũng bay xa hơn trong những mộng ước, mong chờ. Cho đến một chiều nọ, trên đường hái củi cậu bắt gặp một bóng hồng thiếu nữ bên suối biếc. Kể từ hôm ấy, bất cứ cơm nguội trên tay mẹ âu yếm đưa cho cậu ăn đỡ đói lòng mỗi khi trở về, không còn hương vị nữa. Cậu bắt đầu tiếc nhớ bằng khuôn, người trở thành thờ thần, mất hồn. Bà mẹ lo lắng hỏi han, cậu gắt gỏng với mẹ. Tình yêu hay đúng hơn, sự mê gái, đã làm cậu lú lẫn mê muội rồi. Mẹ càng chăm sóc ân cần, cậu càng khó chịu, muốn bỏ nhà ra đi... theo bóng hồng bên suối biếc.

Ồi, phải chăng nàng là tiên nữ giáng trần? Cậu cảm như chưa bao giờ thấy một người con gái đẹp đến thế. Mỗi dáng vẻ, động tác của nàng đều làm cho cậu mê mẩn tâm thần:

“Trúc xinh trúc mọc bờ ao

Em xinh em đứng chỗ nào cũng xinh”

Huống chi nàng lại đứng bên bờ suối phản chiếu ánh trời chiều long lanh với muôn màu sắc: màu xanh của mây, màu vàng, đỏ, tím của hoa rừng, màu lục biếc của cây lá... Giữa thiên nhiên kỳ tuyệt ấy, nàng nổi bật như một đóa hoa vương giả khoe tươi.

“Thăm yêu trộm nhớ bấy lâu đã chồn”...

Thanh niên đánh bạo đến gần người đẹp. Thiếu nữ vừa trông thấy cậu đã khóc òa:

- Chàng ôi! Thiếp không còn sống được bao lâu nữa nếu...

Giọng oanh vàng nức nghẹn. Thanh niên hỏi dồn:

- Tại sao, tại sao, nàng hỏi! Tôi sẽ làm bất cứ gì để đem lại sự sống cho nàng, dù có phải mất mạng.

Thiếu nữ mở lớn đôi mắt bồ câu xinh:

- Thật không, ồ xin chàng hãy cứu thiếp! Thiếp đau bệnh nan y, thầy thuốc bảo chỉ có nuốt vào mình trái tim nóng hổi của một người mới tắt thở, họa may hết bệnh. Nếu chàng cứu thiếp, thiếp xin hứa sẽ trọn đời sửa túi nâng khăn.

- Xin nàng hãy đứng chờ.

Thanh niên chạy như bay một mạch về túp lều. Bà mẹ tựa cửa trông con, trong chỗ tranh sáng tranh tối, cậu va cái cốc vào đầu mẹ. Tiện thể, cậu rút ngay con dao ở vách lều, thọc vào ngực bà, moi ra trái tim còn nóng hổi. Cậu bưng trái tim mẹ hổi hả chạy ngược trở lại bờ suối.

Mặt trời đã lặn khuất sau đồi. Bóng lá cây đen dày che rợp lối đi. Ba bốn lần cậu suýt vấp ngã vì vội vàng hấp tấp. Bỗng nghe một tiếng nói hiền từ đâu đây vọng lại:

- Con ơi, chạy chậm bước lại kéo té con ả!

Cậu giật mình đứng lại ngơ ngác nhìn quanh. Nhưng cậu chợt hiểu. Thì ra tiếng nói kia vang lên từ trong hai lòng tay cậu, từ TRÁI TIM CỦA MẸ!

Hiếu tử

TÂM KHÔNG VĨNH HỮU



Tôi tắm rửa xong, xỏ đại vào người một bộ đồ sạch sẽ, bước lại đứng trước tấm gương lớn gắn trên cánh cửa tủ mẹ bỗng con vừa soi mặt, nặn mụn, chải đầu, vừa huýt sáo bản "Biết đâu cội nguồn" của cổ nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Đó là một giai điệu rộn ràng mà tôi yêu thích, thường hát lên hoặc huýt sáo miệng mỗi khi cảm thấy mình đang khỏe khoắn, nhẹ nhàng và sạch sẽ sau một ngày lao động cật lực ở xưởng vẽ của lão Vũ Dương. Tôi đã làm ở xưởng vẽ được hai năm rồi, phụ trách công việc cao và sơn lại nền những tấm bảng hiệu đủ cỡ lớn nhỏ để mấy tay thợ vẽ khác kẻ chữ, rồi phụ với một nhóm thợ đi treo các bảng hiệu, băng-rôn, áp phích, hộp đèn cho khách trên địa bàn thành phố. Nghe làm ở xưởng vẽ thì nhiều người cứ tưởng chắc là an nhàn sang trọng, nhưng công việc rất nặng nhọc, quần mình cả ngày xoay như chong chóng, nhiều khi muốn đuổi. Được cái lương cao, thưởng hậu, và phải quen biết mới được lão Vũ Dương cho vào làm ở cái xưởng vẽ thập cẩm sắp tiến lên thành lập thành công ty Trách nhiệm Hữu hạn le lói này, nên tôi cẩn thận lắm, vừa làm vừa học việc để có một cái nghề làm ăn với thiên hạ. Người giới thiệu tôi vào làm ở xưởng vẽ là anh Trần Vô, một họa-thi sĩ, bạn của lão Vũ Dương.

Tôi chải đầu xong là sẽ đạp xe bay qua nhà của anh Trần Vô theo một cái hẹn "chiều xong việc, nếu rảnh thì qua nhà tao, tao có chút việc cần bàn." Nhà anh ta ở ngoại vi thành phố, đạp xe 8 cây số... chớ mấy, chắc là rái giò vì phải đạp ngược gió qua hai chiếc cầu gió lồng lộng từ biển ủa vào, nhưng tôi không ngại, vì tôi rất kính nể và yêu mến người họa sĩ có tâm hồn thơ lai láng sống rất phóng khoáng tài tử này. Anh ta có bắt tôi đạp xe hay chạy bộ qua ba đào bốn núi thì tôi vẫn vui vẻ tuân lệnh, nói chỉ chỉ hai chiếc cầu. Qua nhà anh ta, thế nào cũng có sương sương "ít ỉ y lít",

và hưởng thụ được những trận cười bò lăn bò càn cho quên đời khổ lụy mà không tốn một cắc nào. Thật vậy, anh Trần Vô ngoài cái tài vẽ và làm thơ, vẽ ký họa thì hết ý mà làm thơ ứng khẩu thì hết xẩy, còn có biệt tài kể chuyện tiểu lâm cù lét mọi người. Anh ta nghèo lắm. Tài ba, nhưng nhà ở xa thành phố, nên công việc làm ăn của anh ta không sao phát triển được, quanh năm chỉ loay hoay luân quần với những tấm bảng hiệu, bảng số nhà... kiếm đủ tiền độ nhật, thì thoảng mới trúng một "sô" vẽ phong trên tường hoặc tân trang lại những cầu đối chữ Hán cho mấy cái đình, chùa miền quê yên tĩnh. Vừa nuôi thân, vừa gánh một gánh nặng một vợ ồm ỹu cùng năm con ẻo uột, lại còn phải phụng dưỡng một người cha già gần đất xa trời, đang có tính tình như con nít, khi ngang ngược, khi nhõng nhẽo, khi tỉnh khi điên, nên lúc nào người ta cũng thấy anh họa-thi sĩ này bơ phờ hốc hác, tóc tai bờm sồm, áo quần xộc xệch trông thật tội nghiệp. Nhưng anh ta đâu có thấy tội nghiệp cho mình bao giờ, lúc nào cũng tươi tỉnh, lúc nào cũng cười được, và pha trò pha tiếng cho người khác cười, cứ như là cuộc đời này rất ư thơ mộng đáng yêu vậy! Hễ mỗi lần có bạn đến nhà thăm, dù đang bận bịu tới mặt tắt đầu với "đại sự mưu sinh" quan trọng hoặc gấp gáp, anh ta cũng sẽ gạt công việc qua một bên để cùng bạn bè sượng sùng ít ỉ y rượu tâm sự giải khuây.

Anh Ba của tôi là bạn thân giao của anh Trần Vô, bạn thơ văn nhạc họa và... rượu, có thể nói là tri âm tri kỷ. Từ ngày anh Ba tôi từ giã cõi hồng trần thơ mộng vì căn bệnh sơ gan, lại thêm viêm loét bao tử, anh Trần Vô ít khi đến nhà tôi chơi, chỉ khi nào vào thành phố mua vật liệu để về làm thì anh mới ghé tạt vào thăm hỏi sức khỏe mẹ tôi vài ba câu, sau đó thấp nhang chào anh Ba tôi trên bàn thờ, rồi

đi. Thấy tôi thất nghiệp, anh ta lôi đầu tôi đến gặp lão Vũ Dương để xin một chỗ phụ việc. Lão Vũ Dương nể nang anh Trần Vô lắm nên mới thuận nhận tôi làm học trò, vì dưới trướng của lão đã có trên dưới hai mươi thợ thầy lính lác lác nghề. Vì vậy mà tôi rất mang ơn, thường quý anh ta, xem như một người anh ruột của mình. Có chuyện gì cần, anh ta "hú" một tiếng là tôi sốt sắng có mặt ngay. Lần này, anh ghé tạt đến xưởng vẽ trò chuyện trao đổi với lão Vũ Dương gì đó, rồi trước khi biến đi đã vỗ một phát vào vai tôi kèm thêm cái hẹn chiều gặp. Tôi nôn nao muốn biết anh ta cần bàn chuyện gì. Chắc là phải quan trọng rồi. Nhìn ánh mắt, nghe giọng nói của anh ta là tôi đoán được...

Soi gương lần chót kỹ lưỡng trước khi đi, bất chợt tôi nhìn thấy từ trong gương phía sau lưng mình, mẹ tôi đang nặng nhọc ngồi dậy trên chiếc đi-văng, rồi nhìn về phía tôi, cất giọng mệt mỏi:

- Con định đi đâu đó?

Tôi quay lại, bước lại bên mẹ:
- Con đi chơi, thư giãn chút mà...

- Không đợi ăn cơm đã rồi đi à?

- Thôi, chờ chị Hai với mấy đứa... lâu lắm. Con đi chơi chắc tối mới về...

- Mẹ đang bị đau nhức cả hai cái chân... con xoa dầu nắn bóp cho mẹ một hồi rồi đi...

- Thôi, con sợ trễ hẹn. Mẹ để tối về con xoa bóp cho...

- Làm bây giờ chớ hẹn gì nữa, con? Chừng mười lăm phút chớ mấy!

- Năm phút cũng không được! - Tôi vùng vằng - Con đang có cái hẹn bàn chuyện quan trọng với anh Trần Vô, còn phải đạp xe gần chục cây số nữa, sợ để ảnh chờ thì kỳ lắm!

- Hẹn với anh Vô à? Ừ thôi, con đi đi. Mẹ tưởng con đi chơi với mấy đứa thằng Long thằng Bình, chớ qua chơi với anh Vô thì đi đi kéo ảnh chờ, tối về xoa bóp cho mẹ cũng được...



Tôi bước lẹ ra sân, nhảy phóc lên xe đạp, vọt đi ào ào như bị ma đuổi...

... Đạp xe vào đến sân, tôi thấy ngay anh Trần Vô đang ngồi nơi bậc tam cấp trước thềm hiên nhà, cúi chỗ chống đầu gối, bàn tay chống cằm, mắt đang nhìn ở đâu đó nên không thấy tôi đến. Có một cái gì đó lạ lạ. Dừng xe, tôi quay lại nhìn. Anh ta đưa chào tôi, mặt buồn hiu chưa từng thấy. Tôi hơi chột dạ, không dám vốn vĩa hớn hở chào anh như mọi lần. Ngồi xuống bên anh, tôi nhìn kỹ. Trời ạ, anh ta vừa mới khóc xong, hai mắt còn ướt nhoe. Tôi rúng động. Có chuyện gì kinh khủng xảy ra? Một biến cố kinh hoàng? Hay một cú sốc đột ngột? Tôi nín thở, nhìn anh ta. Anh ta nhìn lại tôi, cười gượng, rồi không đợi tôi hỏi mà đã nói:

- Tức quá nên khóc. Khóc cho đỡ tức.

- Sao anh tức dữ vậy? Ai mà làm cho anh tức đến phát khóc thì người đó quả là... bậc thành nhân siêu quần rồi. Ai vậy, anh?

- Ông già tao chứ ai vô đây!

Tôi thở phào nhẹ nhõm, như vừa trút được một tảng đá lớn ra khỏi lồng ngực.

- Bác làm gì mà anh tức?

- Đang kẹt tiền muốn chết, may gặp cái mối làm hộp đèn, bằng hiệu cho tiệm vàng, được người ta ứng cho chút tiền mua vật dụng. Tính toán vừa vặn đầu vào đó rồi, dư chút ít trả nợ quán xá, đưa cho vợ con, không dư một đồng bỏ túi...Vây mà, mỗi hồi trưa mua được lon sơn 5 ký để sơn bảng, để nơi góc nhà, rồi đi

ra chợ chút xú, quay trở về thì... hỡi ôi... ông già ở nhà buồn đời lấy ra sơn phết bôi quét lên các chậu kiểng, bức tường... không còn được một muỗng! Giờ lấy sơn đâu mà làm? Tức quá phải khóc chứ sao?

Tôi phì cười. Nhìn ngấm gương mặt mếu máo của anh ta mà thấy tội nghiệp vô chừng. Móc túi rút ra ngay xấp tiền, tiền mới được lão Vũ Dương ứng cho một trăm nghìn đồng hồi chiều, tôi chưa kịp đưa cho chị Hai để góp tiền chợ, chia đôi ra rồi trao qua cho anh ta:

- Anh cầm cái này xoay trở đỡ đi, em không có nhiều...

- Cất lại đi.

- Sao vậy, anh?

- Vì nếu tao nhận thì mất đạo nghĩa.

- Thôi mà anh, có bao nhiêu đâu mà đạo với nghĩa? Nếu anh ngại thì em cho anh mượn, khi nào làm xong, lãnh nốt số tiền thù lao còn lại thì anh trả cho em...

- Mà y cho hay cho mượn cũng vậy thôi. Nhưng tao mà nhận thì... mà sẽ hiểu lầm là tao kêu mày qua đây chỉ cốt để hỏi mượn tiền của mày. Thật ra thì... chuyện lon sơn bị ông già phá mới xảy ra, sau khi tao gặp mày ở xưởng vẽ Vũ Dương. Còn tao kêu mày qua đây là để bàn chuyện làm ăn...

- Em biết. Em biết mà. Em không nghĩ gì bậy bạ đâu, anh đừng ngại...

- Mà y có muốn bỏ chỗ lão Vũ Dương, qua đây làm với tao không?

- Thiệt không anh?

- Thiệt. Tao đang cần một đứa phụ việc, học việc, đáng tin cậy như mày. Quan trọng là mày có chịu bỏ nhà giàu sang ở với nhà nghèo hay không kia!

- Em chịu ngay. Được làm học trò của anh mới là điều em mong ước!

- Sướng khổ cùng chịu với anh mày nhé !?

- Chấp nhận!

- Nói thiệt cho mày mừng, khu vực ngoài này đang được mở mang, quy hoạch nâng cấp đủ thứ chuyện, nên có rất nhiều

công việc để làm, tao sợ làm không xuể...

- Đã quá! Khi nào em bắt đầu qua đây làm với anh được đây?

- Ngay sau khi có tiền mua lon sơn 5 ký để sơn bằng hiệu!

Dứt lời, anh giật tờ giấy bạc năm mươi nghìn đồng trên tay tôi, nhét vào túi áo, mặt tỉnh queo.

Tôi và anh ta cùng bật cười ha hả. Tôi nắm bàn tay gân guốc của anh ta, an ủi:

- Thôi, đừng tức nữa ghen anh. Đừng giận bác làm gì...

Anh ta cười khề khà, gãi đầu tóc bồm bồm nói:

- Giận đâu mà giận? Tao chỉ tức cho tao, giận cho tao đã không cẩn thận, biết tính ông già như vậy mà còn không chịu đem cất giấu cho kỹ lưỡng dụng cụ đồ nghề cần thiết. Bị nhiều lần rồi chỗ đâu phải là lần đầu tiên. Lần trước cũng bay hết lon sơn đỏ, tao nóng quá nên có nặng lời với ông già, liền bị ông bắt leo lên phản nằm, lấy chổi lông gà quét mấy chục roi vào mông y như hồi mình còn con nít, làm tao ngồi không được mấy ngày trời, không làm ăn gì được...

Tôi trố mắt kinh ngạc:

- Anh lớn như vậy rồi, vợ con đùm đủ rồi, mà cũng còn bị bác đánh đòn như vậy sao?

- Sao không? Có già đâu đi nữa thì cũng chỉ là đứa con nít trong mắt của cha mẹ mình.

- Sao anh không bỏ chạy?

- Tao nghĩ thôi kệ, mình hỗn thì mình phải chịu tội, phải bị phạt cho khỏi ray rứt. Hơn nữa, cha mình đâu còn bao nhiêu dịp để đánh đòn mình nữa, phải cần rằng mà chiều cho ông già vui. Ông vui, mình cũng vui...

Tôi thần thờ nhìn gương mặt đầy hoan hỷ của anh ta, bỗng đứng sực nhớ đến mẹ mình, nhớ chuyện trước khi qua ngôi nơi đây mẹ nhờ mình xoa bóp đôi chân đang đau nhức. Tôi xấu hổ then thùng khi nhận ra rằng mình là một đứa con bất hiếu, đầy tội lỗi... Lật đặt chào anh Trần Vô, tôi cong người trên chiếc xe đạp, chạy vù về nhà khi trời đang chạng vạng. Chưa bao giờ tôi lại mong được gặp mẹ như vậy. Tôi đang thèm được ngồi xoa nắn đôi chân của người mẹ tuyệt vời. Và, tôi cảm ơn anh ta, cảm ơn nghìn lần con người tài hoa hiếu tử...

HƯƠNG THIÊN CỔ LÂM

Thích Nữ Giới Định



Trong không gian vô cùng, thời gian vô tận, những con người có lý tưởng vẫn hiên ngang đi vào cuộc đời, đứng vững giữa đất trời, tuy đời có nhiều chống gai. Nhưng ai đó vẫn vững bước hướng về con đường chân thiện mỹ. Để tô điểm thêm cho trần gian những bông hoa thơm ngát, tuy chỉ là một bông hoa đại bên lề cuộc đời.

Đoàn hành giả rời chùa Bát Nhã thành phố Santa Ana vào một buổi sáng trời trong xanh. Chiếc máy bay UA 497Y của hãng United lướt nhẹ trong không gian, chen nhẹ trong những đám mây bông bênh. Tâm hồn những hành giả thật bình an, hòa mình cùng đất trời, mây gió, hòa vào vũ trụ bao la. Hơn một giờ, máy bay hạ cánh tại phi trường San Francisco của miền bắc Cali. Một chuyến đi thật có nhiều ấn tượng, dừng ở đây 2 giờ, thêm 1 giờ máy bay bị trễ. Rời phi trường San Francisco lúc 5:45pm, chiếc máy bay UA 715Y, đưa hành giả đến tiểu bang Washington thành phố Seattle, để rồi nhập hạ an cư tại chùa Cổ Lâm. Tuy trời đã chiều, nhưng ánh mặt trời vẫn còn đọng đưa trên cành cây cao. Bên kia đồi cao ngời già lam Cổ Lâm đã hiển hiện, hiên ngang đứng giữa đất trời và một phút chạnh lòng, người viết đã thốt lên:

"Vị vu gió thổi ngàn sao

Cổ Lâm vững chãi thì gan đất trời."

Ngôi chùa thật trang nghiêm thanh tịnh. Nơi đây đã đổ xuống bao nhiêu mồ hôi và nước mắt của Hòa thượng viện chủ, của chư Tăng Ni bốn tự và thập phương thiện tín nam nữ. Hòa thượng viện chủ chùa Cổ Lâm là Hòa thượng Thích Nguyên An, Phó chủ tịch Ngoại vụ Giáo Hội Phật Giáo Hội Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, kiêm Tổng vụ trưởng Tổng vụ Tăng sự. Hơn 30 năm kiến tạo ngôi già lam, chung sức chung lòng cùng chư tôn đức trong giáo hội lái con thuyền Phật pháp trong những giai đoạn khó khăn của Phật Giáo tại Hoa Kỳ. Nơi đây đã tổ chức Đại hội Khoáng Đại lần thứ II (năm 2000) của GHPGVNTN Hải Ngoại tại Hoa Kỳ, truy tôn Đức Đệ Tam Tăng Thống; nơi đây cũng

đã cung thỉnh Phật Ngọc cho hòa bình thế giới năm 2010, giỗ Tổ Liễu Quán năm 2010; Đại Hội Thường Niên lần I, nhiệm kỳ II (2012-2016) của Giáo hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ; mở đạo tràng an cư kiết hạ liên tục trong bốn năm tại bốn tự. Cũng trong năm nay, chùa sẽ tổ chức Lễ Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư- Ngày Về Nguồn lần thứ VII và Đại Giới Đàn Huyền Quang vào ngày 27, 28, 29/9/2013. Hàng năm mở nhiều khóa tu tập cho Phật tử tại gia, hàng tuần có lớp học cho thanh thiếu niên gia đình Phật tử, lớp Việt ngữ cho các em nhỏ, nhiều công tác từ thiện xã hội...

Cảnh trí ở đây thanh tịnh mát mẻ, dạo một vòng, càng cảm phục vị khai sơn ở đây sâu sắc hơn. Có ai dám bỏ cả tuổi thanh xuân của mình đến đây từ một đồi núi, biến thành một đạo tràng uy nghi, phòng ốc rộng rãi, mọi tiện nghi đầy đủ, để chư Tăng Ni có chỗ an tâm tu học. Ngài đã hy sinh cho thể hệ kế thừa bằng cả trái tim, bằng cả sức lực, cả mạch máu đang luân chuyển trong thân thể. Trong nhiều năm chịu khổ nhọc, hy sinh đến nỗi giờ này sức lực, thân tứ đại cũng hao mòn theo năm tháng. Nhưng không vì bệnh duyên mà bỏ giờ quá đường, kinh hành, thiền tọa cùng đại chúng trong mười ngày vô hạ. Sự hiện diện của Ngài làm an ổn tâm các hành giả an cư, tuy Ngài không nói nhiều, mà chúng ta học hỏi được rất nhiều qua thân giáo của Ngài.

Mời bạn lên những bậc cấp, một vùng cây cối xanh um, cảm tưởng đầu tiên như được thấy vườn Trúc Lâm Tinh xá thời Đức Phật còn tại thế ở xứ Ấn Độ, mà trong kinh vẫn thường mô tả. Bốn chỗ động tâm là nơi Đức Phật đàn sanh, thành đạo, chuyển pháp luân và nhập Niết Bàn đang hiện hữu trước mắt. Kia là vườn Lộc Uyển những chú nai ngơ ngác, những chú chim hót vang trời, từng ngôi thất nhỏ ẩn hiện trong sương mù, cây cỏ thụ thẳng tắp, hoa thơm ngào ngạt. Thịnh thoảng gặp các vị tu

sĩ dáng khoan thai hành thiền bên kia đồi, có vị tĩnh tọa trong hang đá. Bước lên xa hơn, rừng Ta La song thọ, mô tả cảnh Đức Phật nhập Niết Bàn. Kim thân Đức Thế Tôn nhập Niết Bàn, dài khoảng 21 feet, chiếc y phủ lên thân Ngài. Không một ai đứng trước cảnh đó mà lòng không rung động, một sự chấn động tâm thức như trong kinh thường mô tả, giờ này người viết mới thật sự kinh qua. Những bức tượng tả lại cảnh đệ tử đau buồn trước cảnh Như Lai nhập Niết Bàn mà mình thì chưa chứng Thánh quả, nên khóc lóc thảm thiết, chư Thiên rải hoa cúng dường, các vua nước láng giềng phân chia xá lợi...

Những vọng tưởng phiền não giờ đây đã lắng đọng nhường chỗ cho tâm hồn thanh tịnh đang hướng về bậc đạo sư của trời người mà suốt một đời lễ lạy cũng không đền đáp được công đức cao dày. Ngài đã khổ hạnh, tu tập, chứng đạo quả đem ánh sáng chân lý thức tỉnh, soi rọi tâm thức của chúng sanh.

Trên đường lên núi có nhiều bức tượng các vị La Hán, Quán Âm bồ Tát, Ngài Di Lặc... Ở đây như một công viên, tới đây các bạn sẽ thấy tâm hồn mình thật bình an, mọi suy tư của cuộc sống đời thường bỏ lại dưới chân núi, tâm hồn thanh tịnh vắng lặng khi cúi đầu đánh lễ các bậc giải thoát.

Phía bên tay trái chánh điện, những chậu hoa thược dược đâm bông đỏ tươi, những luống rau cải xanh tươi, ngò rí thơm nhẹ mỗi khi làn gió đi qua, giàn dưa leo đang thời kỳ ra trái, làm cho quang cảnh thật mát mẻ dễ chịu. Đặc biệt chùa Cổ Lâm có một giếng nước trong veo, nhờ có giếng mới đủ cung cấp nước ngày hai buổi tưới cho cây cối.

Phía trong là giảng đường rộng rãi, nơi cúng quá đường của chư Tăng Ni trong các mùa nhập hạ, và các sinh hoạt của bốn tự. Quý vị nào thích những món ăn chay thanh tịnh, hàng tuần mời đến chùa Cổ Lâm thưởng thức như bún Huế, bún riêu, chả giò... Có Phật để đánh lễ, có cảnh đẹp tham quan, có thức ăn thanh tịnh, ngon để ăn thì quá hạnh phúc rồi.



Khóa an cư năm nay bắt đầu từ ngày 6 tháng 7 năm 2013 và kết thúc vào ngày 14 tháng 7 năm 2013. Có 60 vị hành giả an cư, chứng minh là Hòa Thượng viện chủ chùa Cổ Lâm, thiền chủ là Hòa Thượng Thích Toàn Châu, hóa chủ là Thượng tọa Thích Nguyên Kim. Tuy chỉ nhập hạ trong 10 ngày, nhưng thời khóa và công phu tu tập rất nghiêm mật. Buổi khuya 4:30 thức chúng, 5:30 tọa thiền, 6:00 trì Kinh Lăng Nghiêm, 7:30 tảo thực, 9:00 tụng kinh Pháp Hoa và cúng ngo, 11:15 quá đường. Buổi chiều 12:30 chỉ tịnh, 2:00 thức chúng, 2:30 tụng Từ Bi Thủy Sám và Mông sơn Thí Thực, 5:00 được thực, 7:30 pháp đàm, 9:30 tọa thiền, 10:00 chỉ tịnh. Hòa thượng viện chủ mời rất nhiều vị giáo thọ dạy Kinh Luật Luận cho Chư Tăng Ni, quý phật tử cũng được nghe pháp vào lúc 7:00 chiều do các vị giáo thọ và hành giả an cư giảng.

Truyền thống an cư có từ thời Đức Phật, tại xứ Ấn Độ. Ngài chế định Chư Tăng Ni trong một năm tam tháng đi hành đạo, còn bốn tháng ở lại một trú xứ tĩnh chuyên thiền định, trưởng dưỡng nội lực, phát sanh Tam vô lậu học. Sau thời gian an cư có rất nhiều vị Tỳ Kheo chứng thánh quả. Lại nữa mùa mưa có rất nhiều loài côn trùng sinh sôi nảy nở, nếu hàng Tỳ kheo đi khất thực, đi du hóa sẽ dẫm đạp làm chết chúng sinh. Vì lòng từ bi Đức Phật chế định an cư, tức là quý vị tu sĩ ở lại một chỗ, suốt trong bốn tháng. Trải qua hơn 25 thế kỷ truyền thống này vẫn duy trì, tùy quốc độ mà có sự thay đổi, có phần uyển chuyển cho thích hợp với hoàn cảnh. Đạo Phật đã ăn sâu vào tâm thức của người con người. Đạo Phật đi đến đâu đều mang an lạc hạnh phúc đến cho nhân loại. Suốt chiều dài lịch sử truyền đạo, Phật Giáo không làm đổ một giọt máu của chúng sinh, cho nên Phật Giáo truyền đến đâu được chấp nhận dễ dàng. Hơn nữa Phật Giáo cùng chung số

phận với đất nước, khi đất nước hưng thịnh thì Phật Giáo phát triển, khi đất nước suy vong thì Phật giáo cũng bị ảnh hưởng. Đất nước cường thịnh thời nhà Trần nhà Lý, đánh dấu thời vàng son của Phật Giáo Việt Nam. Trong thời nhà Trần, nhà Lý, lịch sử còn ghi đậm nét, mà một khi đọc lại dòng lịch sử chúng ta vẫn lấy làm hạnh diện cho Phật giáo Việt Nam.

*"Một bát cơm ngàn nhà
Thần chơi muôn dặm xa
Mắt xanh xem trần thế
Mây trắng hỏi đường qua."*

Cổ Phật khất thực là một truyền thống, của mười phương chư Phật, Đức Thích Ca sau khi Phật Thành Đạo quả cũng không ngoài thông lệ đó. Lần đầu tiên Thế Tôn trở về thành Ca Tỳ La Vệ do lời thỉnh cầu của Tịnh Phạn Vương, cùng với giáo đoàn Tỳ Kheo 1250 vị. Sáng sớm Đức Phật cùng các vị Tỳ kheo đi khất thực làm cho vua cha tức giận. Nhà vua cho rằng làm như vậy là nhục nhã cho dòng dõi cao quý của vua. Theo ý của nhà vua muốn Đức Phật và các đệ tử sống trong cung để nhà vua cung cấp thực phẩm, áo quần. Nhưng Đức Phật đã cho Vua biết đi khất thực là truyền thống của chư Phật trong ba đời. Bấy giờ Ngài là một bậc giác ngộ, chứ không còn là một vị hoàng tử Sĩ Đạt Ta của ngày xưa. Sau khi khất thực trở về cung Tịnh Phạn, Ngài đã thuyết pháp hóa độ vua cha và hoàng thân quốc thích. Lần đầu Đức Phật trở về hoàng cung có nhiều công tôn vương tử đi xuất gia, sau thời gian tu tập ngắn nhiều vị đã chứng tứ sơ quả đến tứ quả.

Đi khất thực về, các vị Tỳ Kheo ngồi dưới gốc cây, trong hang đá, trong chòi tranh, dâng thực phẩm cúng dường mười phương chư Phật, sau đó chú nguyện cho người đàn việt được phước báu, rồi thọ thực. Thọ thực xong, kinh hành, thiền tọa, hoặc thuyết pháp cho thiện nam tín nữ. Đời sống một vị Tỳ kheo thời Đức Phật rất đơn giản, ba y một bình bát, du hóa khắp nơi để độ chúng sinh hữu duyên. Trên cầu pháp của chư Phật để nuôi dưỡng Giới thân huệ mạng, dưới xin cơm đàn việt nuôi sống bản thân hành đạo, đem sự tu tập của mình giáo hóa chúng sanh, để mọi người thoát khổ được vui. Lại nữa đi khất thực để cho người Phật tử gieo duyên phước điền với Tam bảo, đời đời kiếp kiếp

sanh ra được gặp chánh pháp

Đây là một hình ảnh tuyệt vời, chỉ có tu sĩ Phật Giáo mới có. Đi khất thực để xả bỏ lòng kiêu mạn, hạ tâm ngã mạn của mình xuống tận cùng gót chân. Vì ngày xưa giáo đoàn của Đức Phật, toàn là những công tôn vương tử giòng họ Thích Ca.



Khất thực ngày nay cũng không ngoài ý nghĩa cao cả đó. Năm nay trường hạ chùa Cổ Lâm, chủ nhật ngày 14/7/2013, lúc 9:30 sáng nghi thức Cổ Phật Khất Thực, từ chùa Cổ Lâm đến chợ VIỆT WAH và đi bộ đến khu King Squara Phước Lộc Thọ để hóa duyên, trở về chùa Cổ Lâm, thọ trai và cúng cơm chư hương linh.

5:00 chiều lễ khánh tuế Hòa Thượng viện chủ và chư hành giả an cư. Kết thúc sẽ có một buổi văn nghệ cây nhà lá vườn do Chư Tăng Ni và quý phật tử đóng góp.

Mười ngày qua nhanh, hạ trường đã khép lại, ai rồi cũng trở về trụ xứ của mình tu tập hành đạo, nhưng Hương Thiền Cổ lâm vẫn còn đồng vọng trong tâm thức của những người con Phật. Xin thành kính dâng lễ Hòa Thượng ân Sư, Ngài đã dang rộng đôi tay, tiếp đón hậu học chúng con, cho chúng con có nơi ăn chỗ ở, có chỗ tu tập trưởng dưỡng Phật tánh, phát sanh nội lực đầy đủ đức hạnh, thay quý Ngài hoằng truyền chánh pháp. Cảm niệm công đức chư thiện hữu tri thức, thiện tín gần xa, quý vị đã hết lòng thức khuya dậy sớm, đem cả sức lực, tâm lực, tài lực hộ trì cho khóa An Cư Kiết Hạ được thành tựu viên mãn.

Kính chúc tất cả đạo tràng luôn an lạc trong tâm tư, giải thoát trong đời sống và thành công trong mọi lãnh vực. Nguyên cầu tất cả chúng sanh đều trọn thành Phật đạo.

Thích Nữ Giới Định

TIN TỨC SINH HOẠT

HÚY NHẬT ĐỆ NGŨ NIÊN CỔ ĐLHT. THÍCH HUYỀN QUANG - CHUNG THẮT TRAI TUẦN CỔ ĐLHT THÍCH NGUYỄN LAI

Thích Minh Tuệ

*Chim ca gió hát Sơn Tùng
Tăng ni Phật tử tựu chung đạo tràng
Người về tịch cảnh Tây phương
An tình lưu lại muôn vàn nhớ thương*

Quang cảnh đồi núi tịch mịch Sơn Tùng ở Phelan mấy hôm nay thay đổi hẳn. Hằng trăm Tăng ni Phật tử vân tập về đây cho dù phải vượt đường xa trong thời tiết nóng bức, với đại sự nhân duyên tham dự giỗ lần thứ 5 Đức Đệ Tứ Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) cổ ĐLHT Thích Huyền Quang và chung thất trai tuần cổ ĐLHT Thích Nguyễn Lai.

Đêm hôm trước, thứ Sáu ngày 28/06, nhiều chư Tăng đã câu hội về tại Sơn Tùng. Đặc biệt Chủ Sám và Ban Kinh Sư hòa âm trầm bổng thanh thoát cúng dường 3 Ngài (ĐLHT Thích Huyền Quang, ĐLHT Thích Đồng Thiện và ĐLHT Thích Nguyễn Lai) trong Nghi Tiến Linh Bình Định. Đức Đệ Tứ Tăng Thống rất quan tâm về Nghi Lễ, ngay những năm tháng bị quản thúc tại Phước Quang, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi, Ngài đã soạn tổng hợp Bộ Pháp Sư Khoa Nghi bằng Tiếng Việt. Tôi không đầu tư nghiên cứu Nghi Lễ nhiều, cho dù tôi mang cuốn sách đó đi khắp nơi Saigon, Ấn Độ rồi Hoa Kỳ, tôi cứ tâm niệm rằng mang theo di vật kỷ niệm ân tình của Ngài để làm động lực tinh thần tu tiến, không ngờ rằng đến Hoa Kỳ lại sử dụng bộ Nghi Lễ đó thường xuyên, vì nhiều trường hợp làm Trụ Trì và làm Chủ Sám nữ nên không né tránh trách nhiệm cúng đám cho ai được. Quả thật Ứng Phó Đạo Tràng, phương tiện cứu khổ độ sanh, độ tử, dắt dẫn người vào Đạo lại rất cần thiết. Dâng chén trà lên cúng quý Ngài, lòng hoài cảm nhớ về cái thuở làm thị giả nơi am cốc Ngài tại Tu Viện Nguyên Thiều và Quảng Ngãi. Ngài đã dạy cho con cách pha trà, hái hoa cúng Phật, Ngài cho con học cuốn Oai Nghi Cảnh Sách và nhắc nhở con luôn chánh niệm tinh giác, giữ gìn oai nghi tế hạnh. Con còn nhớ câu đối Ngài Huyền Quang viết đề trong cốc Sư Ông:

*Tâm thị trà phạn trung
Phật phi tiểu đàm ngoại
(Cái chén tâm ở ngay trong việc uống trà,
Ân cơm Phật không nằm ngoài việc nói cười)*



ITemple: HoPhap.Net

HT Phước Minh (Thiên Bình), TT. Hạnh Bình và TT. Minh Dung đồng dâng cơm cúng Quý Ngài và lễ lạy Giác Linh. HT Phước Minh vốn ở trong môn phái gần gũi Tu Viện Nguyên Thiều. TT. Hạnh Bình đi sâu vào con đường nghiên cứu, giáo dục hy vọng sẽ đọc qua hết Kinh Tạng như Ngài Huyền Quang đã làm, có nhiều phát kiến mới mẻ, đóng góp cho việc xây dựng Phật Học Viện Nguyên Thiều với tầm vóc Cao Đẳng, Đại Học trong toàn Quốc. TT Minh Dung, với duyên phận tu học, hành đạo Hoa Kỳ, không có được nhiều thời gian để hầu cận hai Ngài, tuy nhiên lại luôn luôn nhớ nghĩ, thăm hỏi, cung ứng hỗ trợ cho các hoạt động Phật sự của Quý Ngài trọn vẹn hiệu kính, thủy chung. Thượng Tọa lập Chùa Quang Thiện lấy tên hai Ngài để tưởng nhớ công hạnh và noi gương sáng 2 Ngài và hàng đệ tử của Thượng Tọa được hân hạnh mang pháp danh với chữ Thiên hoặc chữ Quang. Nay Thượng Tọa lập ra Tu Viện Sơn Tùng theo mô hình Tu Viện Nguyên Thiều làm cơ sở cho đại chúng tu học và đào tạo Tăng Tài.

Xong khoá Tiến Linh, tôi được chỉ định đại diện cho Môn Đồ Pháp Quyển dâng lễ tri ân Chủ Sám và Ban Kinh Sư trọn tình chuyên tâm làm lễ trong suốt Khoá Lễ hơn 90 phút vừa qua. Tất cả đều đến đây với tấm lòng tưởng nhớ cúng dường Quý Ngài rồi tùy nghi mà sắp xếp thành Ban Kinh Sư.

Đêm thứ Sáu đó quả là đêm đáng nhớ với sự hiện diện của chư Tôn Đức: HT Thăng Hoan, HT Tín Nghĩa, HT Nguyên An, HT Nguyên Trí, HT Thái Siêu, HT Từ Diệu, HT Nhật Quang, HT Bửu Lợi... Thầy trò huynh đệ cùng nhau sinh hoạt lửa trại, ăn bắp nướng, ôn lại câu chuyện ngày xưa, thật là ấm cúng, thật là hy hữu. Quả thật đó là bếp hồng sưởi ấm, đó là ý nghĩa truyền đăng tục diệm. Tôi nhớ lại ngày xưa, lâu lắm rồi, tôi đi thi học sinh giỏi môn Văn lớp 5 với Đề Tài: **Hãy mô tả không khí sinh hoạt gia đình vào một đêm xung quanh ngọn đèn dầu.** Đó là chất liệu sống trong Ta, hôm nay trở về với nếp sống ấy, hoà hợp với Thiên nhiên mà nếp sống văn minh khoa học kỹ thuật hiện đại đã lấy đi những hương vị quý giá đó từ lâu.

Bắt đầu sáng thứ Bảy ngày 29/06 là Khoá Tiến Linh theo nghi miến Nam vì hai Ngài Huyền Quang và Nguyễn Lai có nhiều năm tháng sống và sinh hoạt Phật sự tại miền Nam. Giọng HT Nhật Quang cao bổng, thanh thoát và chuẩn, đặc biệt. Nghi lễ Phật Giáo Việt Nam có các nghi theo Nam Trung Bắc, mỗi nơi mỗi vẻ, mười phân vẹn mười. Nhạc khí nhạc cụ kèn trống, đầu khánh thật đầy đủ, long trọng trang nghiêm trong khoá Lễ cúng dường Quý Ngài.

TT Thích Tâm Hiền đại diện cho thường trú tăng tu viện Sơn Tùng và môn đồ pháp quyển tác bạch thỉnh chư tăng từ lễ đài quang lâm chánh điện để làm lễ. Chân dung Ngài Huyền Quang được dựng trong kiệu đi ngang qua khuôn viên Sơn Tùng. Tuy rằng TT Minh Dung rất muốn được rước hai Ngài (HT Huyền Quang và HT Đồng Thiện) qua Hoa kỳ một chuyến để thăm và chứng minh đạo tràng Chùa Quang Thiện và sau đó cùng đi hành Hương Ấn độ.

Thế nhưng suốt cuộc đời của Ngài Huyền Quang, Ngài lên tiếng cho tự do, dân chủ, nhân quyền người dân Việt Nam, ngài chịu lao lý, tù đầy, quản thúc... nên không được tự do cư trú và đi lại; còn Ngài Đồng Thiện thì không vui gì trước cảnh ngài Huyền Quang như vậy. Hơn nữa, TT Minh Dung rất tiết kiệm để chăm lo cho cuộc sống đại chúng nên Ngài không đi du lịch nơi đâu. Ngài được đưa qua từng khóm đất, từng cội tùng để chứng kiến và gia bị cho quá trình hình thành tu viện để nơi này trở nên linh địa, un đúc, tài bồi cho nguyên khí Phật Pháp tại Hoa kỳ.



TT Minh Dung đánh lễ từng bước chân Tăng Ni Quang lâm tại Chánh điện. Đó là biểu hiện ý nghĩa **"nhất Tăng đáo nhất Phật lai,"** với hạnh khiêm cung của Thường Bất Khinh Bồ tát, quy y Tăng, nương tựa Tăng đoàn, sống với Tăng thân. Một phần cũng vì cảm mộ đức độ của Thượng Tọa mà chư tăng đến đông hơn dự kiến: khoảng 220 người. Vì hết bàn ghế, một số vị phải ngồi dưới nền nhà chánh điện, phía sau lưng tượng Phật để thọ trai, nhưng tất cả đều hoan hỷ. Chư tăng vừa mãn khoá an cư Phật học viện Quốc tế đến đây, cho nên hôm nay Lễ Hội cũng như là ngày Tự Tứ, ngày Mười phương chư Phật chư Tăng đồng hoan hỷ.

Khoá lễ ngắn theo Nam tông, Tây Tạng, tiếng Anh lần lượt cử hành. Đại chúng được nghe cung tuyên lại về tiểu sử, hành trạng của đức Đệ Tứ Tăng Thông song ngữ Việt-Anh. Ngài đã hi hiến trọn đời mình cho đạo pháp, dân tộc, chúng sanh, *Phú quý không cảm dỗ, bần cùng không thay đổi, Vũ lực không nao núng*. Ngài là Bồ tát thị hiện vì đại nguyện dẫn thân trong cõi đời ác trước, đầy đủ Bi Trí Dũng, vì an lạc, hạnh phúc cho số đông mà sẵn sàng gánh chịu khó khăn, thử thách, thiệt thòi. Thật là một cội tùng trong cơn bão, voi ra trận hứng chịu mọi lẫn tên. Chùa Phước Quang, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi và Tu Viện Nguyên Thiều Bình Định từng là trung tâm điểm của lương tri nhân loại hướng về. Những thông bạch, thông điệp của Ngài vào các dịp Tết Nguyên Đán, Phật Đản, Vu Lan mà chư Tôn Đức và Tăng Ni tại đây vẫn thường đọc vẫn còn đang vang vọng trong lòng mọi người về những lời chỉ giáo, khuyến tấn để xây dựng giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất năm Châu bền vững, cùng hoà hợp sinh hoạt, chuyển hoá nghiệp chướng, vượt được ma quân và xây đắp cho đời thêm Chân Thiện Mỹ.

HT Thích Tín Nghĩa cử nghi thức thọ trai. Chư Tăng cử bát cúng dường, đó là một hình ảnh đẹp trong sinh hoạt truyền thống thiền môn, đặc biệt là vào mùa an cư kiết hạ. Chính sự hiện diện và lực chú nguyện chung của Tăng đoàn đã khiến cho đạo

tràng trang nghiêm thanh tịnh. Nơi này về sau có thể trở thành địa điểm cho các khoá tu học, cho đại lễ Phật Đản của giáo hội, hoặc tổ chức an cư kiết Hạ...



TT Minh Dung đánh lễ tri ân chư Tăng Ni quang lâm và hoà hợp chí thành trong các khoá lễ để cho hiểu sự được châu viên, giỗ cúng 5 năm cố ĐLHT Thích Huyền Quang và chung thất trai tuần cố ĐLHT Thích Nguyên Lai thành tựu viên mãn. Chư Tăng ra về trong niềm hoan hỷ và không khí Sơn Tùng, chốn già lam trở lại an tịnh như trước. Tuy vậy Sơn Tùng ngày nay đã khác hơn xưa, hình bóng chư Tôn sư vẫn mãi hiển hiện nơi đây. **Người đi dấu vết chưa nhòa**, từng lời người dạy như cam lồ thấm ngát cỏ hoa. Sự tán trợ và chú nguyện của chư Tăng là những hạt giống, nhân tố quý giá cho đạo tràng hưng long, phát triển, thành tựu tâm nguyện của TT Trụ Trì Tu Viện Sơn Tùng kế vãng khai lai, tiếp dẫn hậu lai, đào tạo tăng tài, báo Phật tổ ân đức. Biết bao nhiêu bãi cát, rừng dương, núi đá ngày xưa, một khi chư Tôn Đức và đại chúng đồng thuận kiến lập đạo tràng thì liền trở thành già lam nghiêm tịnh. Nhìn những dài tùng xanh này nở trên vùng bán sa mạc nắng cháy, chứng kiến chư tăng hoà hợp tương trợ nhau, tôi tin tưởng vào Phật giáo ngày mai tại xứ Hoa kỳ. Tưởng niệm thâm ân giáo dưỡng chư Tổ Sư cốt không ở chỗ bày biện cúng kiếng linh đình mà ở chỗ noi gương sáng, công hạnh quý Ngài, sao cho **pháp luân thường chuyển ngộ tâm khai**. Mỗi người với **chơn tâm thị đạo tràng, trực tâm thị đạo tràng**, làm phương tiện dắt dìu nhau vượt qua sông mê bể khổ, đến bến bờ bên kia, thể nhập lý tánh nhất như:

*Đồng dắt dìu nhau trong Chánh Đạo
Thiền Đức ngày đêm gắng gieo trồng
Huyền diệu nhiệm mầu trong hiện hữu
Quang Minh tỏa sáng khắp xa gần.*

(Sơn Tùng, ngày giỗ kỷ niệm 29/06/2013)



**LỄ HÚY NHẬT ĐỆ NGŨ NIÊN ĐLHT. THÍCH HUYỀN QUANG
CHUNG THẤT ĐLHT THÍCH NGUYỄN LAI TẠI TV SƠN TÙNG, NGÀY 29.6.2013**



ITemple: HoPhap.Net



ITemple: HoPhap.Net



ITemple: HoPhap.Net



ITemple: HoPhap.Net



ITemple: HoPhap.Net



ITemple: HoPhap.Net



ITemple: HoPhap.Net



ITemple: HoPhap.Net

Photos: Hộ Pháp

**LỄ HÚY NHẬT ĐỆ NGŨ NIÊN ĐLHT. THÍCH HUYỀN QUANG
CHUNG THẤT ĐLHT THÍCH NGUYÊN LAI TẠI TV SƠN TÙNG, NGÀY 29.6.2013**



Photos: Hộ Pháp